

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA KÊ BÀNG
Di sản Thiên nhiên Thế giới
Giai đoạn 2013 đến 2020



Quảng Bình, tháng 10/ 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch quản lý hoạt động Vườn Quốc gia
Phong Nha – Kẻ Bàng giai đoạn 2013 – 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND, ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy chế quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng;

Căn cứ Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách năm 2012 cho hợp phần KFW, Dự án Bảo tồn và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Phong Nha- Kẻ Bàng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 369/SNN-KL ngày 22/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch quản lý hoạt động giai đoạn 2013 – 2020 Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng với nội dung cơ bản sau:

1. Tên công trình: Kế hoạch quản lý hoạt động vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, di sản Thế giới, giai đoạn 2013 – 2020.

2. Mục tiêu: Làm cơ sở để thực thi pháp luật có hiệu quả nhằm ngăn chặn các hoạt động tiêu cực gây ảnh hưởng tới tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo tồn nguyên vẹn các giá trị di sản thế giới nổi bật toàn cầu của vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận.

3. Kế hoạch hoạt động:

a. Quy hoạch các phân khu chức năng.

b. Kế hoạch thực hiện chương trình về quản lý các hoạt động:

- Chương trình bảo vệ và bảo tồn;

- Chương trình du lịch sinh thái bền vững;
- Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng;
- Chương trình nghiên cứu giám sát đa dạng sinh học;
- Chương trình nâng cao năng lực;
- Chương trình phát triển vùng đệm;
- Chương trình hợp tác bảo tồn liên biên giới.

4. Tổ chức thực hiện kế hoạch theo lộ trình từ năm 2013 đến năm 2020.

5. Nguồn kinh phí: Bao gồm nguồn ngân sách của nhà nước và nguồn kinh phí từ dự án “Bảo tồn và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng” do Chính phủ cộng hòa Liên bang Đức tài trợ.

Điều 2. Giao BQL Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng phối hợp với các địa phương, đơn vị, cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch theo quy định; BQL Dự án Bảo tồn và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện có hiệu quả các hạng mục dự toán kinh phí của dự án năm 2013 và các năm tiếp theo để hỗ trợ thực hiện các nội dung chương trình của Kế hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc BQL Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng; Giám đốc BQL Dự án Bảo tồn và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng và Thủ trưởng các cơ sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKTN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Tuấn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	6
Chương 1: Thông tin cơ sở về Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	8
1.1 Cơ sở pháp lý : các văn bản luật pháp, nghị định và quy chế liên quan	8
1.2 Lịch sử thành lập Vườn Quốc gia và các dự án đã và đang triển khai	9
1.3 Vị trí.....	10
1.4 Đặc điểm tự nhiên.....	10
1.4.1 Địa lý sinh học	10
1.4.2 Địa hình.....	10
1.4.3 Địa chất và địa mạo.....	10
1.4.4 Khí hậu.....	11
1.4.5 Thủy văn	11
1.5 Thảm thực vật	11
1.6 Khu hệ thực vật.....	12
1.7 Khu hệ động vật.....	12
1.8 Đặc điểm kinh tế xã hội	15
Chương 2: Đánh giá các giá trị của VQG PNKB dựa trên các tiêu chí Di sản Thế giới	17
2.1 Địa mạo và lịch sử trái đất	17
2.2 Các giá trị Di sản Thế giới tiềm năng	17
2.2.1 Các quá trình tiến hóa đang tiếp diễn.....	17
2.2.2 Đa dạng sinh học.....	19
Chương 3: Các mối đe dọa và thách thức trở ngại đối với	21
VQG Phong Nha-Kẻ Bàng.....	21
3.1 Các mối đe dọa.....	21
3.2 Khó khăn, trở ngại và điểm yếu trong công tác quản lý	21
3.3 Sự cần thiết của Kế hoạch quản lý hoạt động.....	23
Chương 4: Phân khu chức năng, Mục Tiêu và Kế hoạch hoạt động của VQG PNKB đến năm 2020.....	24
4.1 Quy hoạch các phân khu chức năng	24
4.2 Các mục tiêu và chương trình hành động	27
4.3 Mục tiêu quản lý và các hoạt động	27
4.3.1 Chương trình Bảo vệ và bảo tồn	27
4.3.2 Chương trình du lịch sinh thái bền vững	28
4.3.3 Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng	29
4.3.4 Chương trình nghiên cứu và giám sát Đa dạng sinh học	29
4.3.5 Chương trình nâng cao năng lực	29
4.3.6 Chương trình phát triển vùng đệm.....	30
4.3.7 Chương trình hợp tác bảo tồn liên biên giới	31
Chương 5: Tổ chức thực hiện Kế hoạch và giám sát đánh giá	32
5.1 Thực hiện Kế hoạch	32
5.2 Giám sát và Đánh giá	35
Chương 6: Khái toán nguồn ngân sách	37
6.1 Cơ sở phân bổ ngân sách	37
6.2 Tóm tắt phân bổ ngân sách	37
Chương 7: Tổ chức bộ máy Quản lý và trách nhiệm của các bên liên quan.....	40
7.1 Sơ đồ bộ máy tổ chức VQG Phong Nha-Kẻ Bàng	40
7.2 Nhân sự	41
7.3 Các bên liên quan đến Kế hoạch quản lý hoạt động.....	41
Phụ lục 1: Dự toán ngân sách	44
Các phụ biểu về dự toán ngân sách đầu tư cho VQG PNKB giai đoạn 2013-2020	44

Phụ biểu: Kinh phí từ Dự án Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng (đã được phê duyệt do dự án cung cấp).....	50
Phụ lục 2: Bản Đồ	53
Phụ lục 3: Danh sách các loài trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam.....	56
Phụ lục 4: Các mối đe dọa hiện hữu và tiềm năng đối với VQG PNKB	64
Phụ lục 5: Quyết Định số 18/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình	69

Các từ viết tắt

BMZ	Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức
BQL	Ban Quản lý
BPAMP	Quản lý Đa dạng sinh học và các Khu Bảo tồn
DED	Tổ chức Hỗ trợ phát triển Đức
DSTG	Di sản Thế giới
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động thực vật
FIPI	Viện Quy hoạch Điều tra rừng
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
IUCN	Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Thế giới
KHHĐ	Kế hoạch Hoạt động
KfW	Ngân hàng Phát triển Đức
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
ODA	Nguồn Hỗ trợ Phát triển chính thức
PNKB	Phong Nha Kẻ Bàng
QHPTDLBV	Quy hoạch phát triển Du lịch bền vững
QHPTVĐ	Quy hoạch Phát triển Vùng đệm
UBND	Ủy ban Nhân dân
UIS	Hiệp hội Hàng động Quốc tế
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc
VQG	Vườn Quốc gia
VQG PNKB	Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng
WCPA	Ủy ban Thế giới về các Khu Bảo tồn
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên

GIỚI THIỆU

Kế hoạch Quản lý Hoạt động do Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng (VQG PNKB) xây dựng với sự hỗ trợ của Dự án Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Bản Kế hoạch này được tham vấn ở hội thảo cấp tỉnh, chỉnh sửa đề thông qua trong hội đồng thẩm định và lại được chỉnh sửa lần cuối trước khi đệ trình lên Ủy ban nhân tỉnh Quảng Bình phê duyệt. Bản kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở kết quả các cuộc họp tham vấn với các thành viên Nhóm Lập Kế hoạch Quản lý Vườn, Hạt Kiểm lâm VQG và đại diện UBND 5 xã vùng đệm, đại diện cộng đồng địa phương và đại diện của vườn thú Coglone, Hội Động vật Frankfurt được tổ chức từ giữa tháng 5 đến tháng 8 năm 2012.

Kế hoạch Quản lý Hoạt động được xây dựng nhằm hỗ trợ để đáp ứng trách nhiệm quốc tế của Việt Nam theo Công ước Di Sản Thế Giới (DSTG) và là cơ sở để Ban Quản lý VQG thực hiện các hoạt động đưa ra trong kế hoạch. Kế hoạch quản lý đảm bảo sự quan tâm thích đáng của các cơ quan nhà nước khi đưa ra những quyết định đối với các Giá trị nổi bật toàn cầu của khu DSTG-Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng và cũng như đối với ban quản lý vườn quốc gia để thực hiện các giải pháp quản lý Vườn và khu vực xung quanh. Đồng thời, cũng đảm bảo rằng các chương trình hành động được thực hiện với sự phối hợp và thống nhất với chức năng và nhiệm vụ của của Vườn quốc gia. Tài liệu này cũng là cam kết của các cơ quan quản lý đối với sự tồn tại lâu dài của VQG PNKB và bảo vệ các giá trị của VQG.

Kế hoạch Quản lý Hoạt động là một phần nằm trong khung lập kế hoạch tổng thể cho khu DSTG PNKB và khu vực xung quanh. Kế hoạch Quản lý Hoạt động có liên hệ mật thiết với Kế hoạch quản lý chiến lược. Hai kế hoạch khác cũng được xây dựng song song cùng với KHQLHĐ là: Quy hoạch Phát triển Du lịch Bền vững (QHPTDLBV) và Quy hoạch Phát triển Vùng đệm (QHPTVD). Kế hoạch Quản lý Hoạt động được chi tiết hóa các hoạt động quản lý và được nhóm lại trong 7 chương trình. Ngân sách dự toán cho từng hoạt động của từng chương trình được phân bổ trong 8 năm và chia thành 2 giai đoạn 2013-2016 và 2017–2020.

Dựa vào Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn, phân tích tình hình và hàng loạt các vấn đề trọng tâm đã được xác định và sắp xếp ưu tiên cùng với các giải pháp và hoạt động khẩn cấp tương ứng đã được đề xuất. Tiến hành giám sát và đánh giá định kỳ công tác thực hiện kế hoạch này nhằm phản ánh những kết quả và tác động mong muốn. Những điều chỉnh/ bổ sung sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo quá trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế nếu có. Trong khuôn khổ các hoạt động đưa ra, chúng tôi không mong muốn kế hoạch hoạt động này sẽ giải quyết tất cả những khó khăn và thách thức mà Nhóm công tác Lập kế hoạch Quản lý đã xác định trong một khoảng thời gian hạn hẹp, mà hy vọng bản kế hoạch sẽ là bước khởi đầu để xây dựng kế hoạch toàn diện cho công tác quản lý, bảo tồn và bảo vệ Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng một cách hiệu quả và bền vững, đồng thời kế hoạch này sẽ là công cụ tốt nhất để quản lý khu di sản một cách hiệu quả.

Kế hoạch Quản lý Hoạt động được cấu trúc thành 8 Chương như sau:

- Chương thông tin cơ sở: trình bày tóm tắt về cơ sở pháp lý, lịch sử của Vườn, các đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội;
- Đánh giá VQG PNKB trên cơ sở các tiêu chí Di sản thiên nhiên Thế giới (tiêu chí viii, ix và x);

- Thách thức, khó khăn, trở ngại và các mối đe dọa hiện tại và tiềm năng đối với công tác quản lý bảo tồn Khu di sản thiên nhiên và sự cần thiết của Kế hoạch quản lý hoạt động;
- Phân khu chức năng, Mục tiêu và Kế hoạch hoạt động;
- Tổ chức thực hiện Kế hoạch, giám sát và đánh giá;
- Khái toán nguồn vốn cho kế hoạch 8 năm
- Tổ chức bộ máy quản lý và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Chương 1: Thông tin cơ sở về Vườn Quốc gia PNKB

1.1 Cơ sở pháp lý : các văn bản luật pháp, nghị định và quy chế liên quan

Các tài liệu pháp lý liên quan đến xây dựng Kế hoạch Quản lý Hoạt động cho Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng gồm có:

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2004;
- Nghị số 23/2006/NĐ-CP về việc thực hiện Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ban hành quy chế về Quản lý rừng;
- Nghị định số 117/2011 của Chính phủ Việt Nam về Tổ chức và quản lý rừng đặc dụng;
- Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định 117.
- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2006 về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
- Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 12 năm 2004 về việc nâng cấp Khu bảo tồn Thiên nhiên Phong Nha – Kẻ Bàng thành Vườn Quốc gia;
- Quyết định số 2235/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc xây dựng quy hoạch tổng thể về xây dựng cho Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng đến năm 2025;
- Quyết định số 57/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2012 về việc phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011- 2020.
- Quyết định số 24/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1 tháng 6 năm 2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020.
- Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BKHDT-BNNPTNT-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2012 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 – 2015.
- Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 7 năm 2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
- Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16 tháng 8 năm 2007 ban hành quy chế quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.
- Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 28 tháng 12 năm 2012 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng tỉnh Quảng Bình.
- Công ước Quốc tế và Tài liệu hướng dẫn Hoạt động đối với các khu DSTG hướng dẫn công tác quản lý tất cả các khu vực DSTG:
- Công ước Quốc tế về bảo vệ Di sản thiên nhiên và văn hóa Thế giới ngày 16 tháng 11 năm 1972;
- Tài liệu hướng dẫn Hoạt động thực hiện Công ước DSTG, Trung tâm DSTG UNESCO, 2005.
- Tài liệu hướng dẫn Hoạt động thực hiện Công ước DSTG, Trung tâm DSTG UNESCO, tháng 11 năm 2011.
- Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế (IUCN) *Quản lý Di sản thiên nhiên Thế giới*. UNESCO / ICCROM / ICOMOS / IUCN, 2012.

1.2 Lịch sử thành lập Vườn Quốc gia và các dự án đã và đang triển khai

Năm 1986: Phong Nha có tên trong Quyết định số 194/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 9 tháng 8 năm 1986, quyết định thành lập Khu Văn hoá Lịch sử có diện tích 5.000 ha (Bộ NNPTNT 1997).

Năm 1992-1993: Dự án đầu tư thành lập khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 41.132 ha (Anon. 1992). UBND tỉnh Quảng Bình đã quyết định thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên ngày 5 tháng 12 năm 1993.

Năm 1999: Dự án đầu tư cho vườn quốc gia đề xuất mở rộng khu vực bao gồm khu vực vùng núi đá vôi Kẻ Bàng cho đến phía tây bắc, và đề xuất điều chỉnh phân hạng quản lý từ khu bảo tồn thiên nhiên lên phân hạng vườn quốc gia.

Năm 2001: Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được thành lập theo Quyết định số 189/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 12 năm 2001. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Vườn Quốc gia có tổng diện tích là 85.754 ha, trong đó Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích là 64.894 ha, Phân khu Phục hồi sinh thái diện tích là 17.449 ha và Phân khu Hành chính dịch vụ có diện tích là 3.411 ha.

Sau khi điều chỉnh lên VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, tổ chức bộ máy Ban Quản lý Khu bảo tồn cũng được điều chỉnh lại thành Ban Quản lý Vườn Quốc gia theo Quyết định số 24/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 20 tháng 3 năm 2002. Hiện tại, Ban Quản lý Vườn gồm có 220 cán bộ, công nhân viên chức. Trong đó, Văn phòng Vườn có 28 cán bộ, Trung tâm Du lịch có 137 cán bộ, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Cứu hộ có 30 cán bộ và Hạt Kiểm lâm có 125 cán bộ.

Năm 1998, VQG đã trình hồ sơ xin công nhận DSTG UNESCO. Bên cạnh các giá trị đa dạng sinh học, hồ sơ điều chỉnh cũng bao gồm hệ thống hang động và cảnh quan vùng núi đá vôi nổi bật (Nguyễn Ngọc Chính và cộng sự 1998). Năm 2003, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là DSTG thứ 15 của Việt Nam theo tiêu chí số viii: có các giá trị địa chất, địa mạo và địa lý nổi bật toàn cầu.

Năm 1998, Tổ chức Bảo tồn Động thực vật Thế giới (FFI) đã thực hiện dự án bao gồm 2 hợp phần tại khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng. Hợp phần thứ nhất liên quan đến đào tạo, tập huấn cho cán bộ vườn, còn hợp phần thứ hai là về điều tra, khảo sát các loài thú lớn, các loài dơi và các loài chim (Timmins và cộng sự 1999).

Từ năm 1995 Công ty Du lịch Quảng Bình đã tổ chức hoạt động du lịch tại Phong Nha - Kẻ Bàng, chủ yếu là tổ chức tham quan du lịch động Phong Nha.

Với sự hỗ trợ nguồn vốn từ Phòng Phát triển Quốc tế của Vương quốc Anh và Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên Vương quốc Anh, Chương trình Quỹ Quốc tế Bảo vệ thiên nhiên Đông Dương đã thực hiện dự án *Bảo tồn song hành Hinnamno và Phong Nha - Kẻ Bàng*. Giai đoạn 1 của dự án bắt đầu từ năm 1998 đến 1999, giai đoạn 2 từ năm 2000 đến 2002. Các giai đoạn dự án tập trung vào vấn đề xây dựng năng lực cho cán bộ vườn, thu thập cơ sở số liệu và giáo dục môi trường.

Với sự hỗ trợ nguồn vốn từ Quỹ Môi trường Anh và Quỹ các loài ưu tiên của Phòng Môi trường, Lương thực và Nông thôn Vương quốc Anh, FFI đã thực hiện dự án *Nâng cao nhận thức bảo tồn* năm 2001 đến 2003. Dự án tập trung vào các cuộc điều tra, khảo sát các loài linh trưởng và nâng cao nhận thức cho học sinh và du khách (Tordoff và cộng sự 2004).

Hiện tại, Dự án “*Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng (2008-2016)*”, do UBND tỉnh Quảng Bình quản lý. Tổng nguồn vốn dự án khoảng 15,77 triệu EUR, trong đó, vốn vay là 4,63 triệu EUR, vốn tài trợ là 8,0 triệu EUR và nguồn vốn đối ứng khoảng 3,2 triệu EUR.

Dự án Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng bao gồm khu vực vùng lõi của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có diện tích 123.326 ha và vùng đệm có diện tích 580.000 ha, bao gồm 13 xã lân cận ở ba huyện Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh, ở phía tây tỉnh Quảng Bình.

Dự án gồm có hai hợp phần: Hợp phần KfW và Hợp phần GIZ. Hợp phần GIZ phụ trách chủ yếu về hợp tác kỹ thuật, khu vực vùng đệm và lập quy hoạch du lịch. Hợp phần KfW tập trung vào các hoạt động đầu tư lớn, bổ sung và nhân rộng quy mô các hoạt động thí điểm của GIZ, đồng thời xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý cho VQG PNKB cũng như hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao công tác quản lý, đặc biệt là thực thi pháp luật.

1.3 Vị trí

Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng nằm ở phía tây huyện Bố Trạch, giáp với biên giới nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào. Trụ sở của Vườn nằm ở xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cách thành phố Đồng Hới 50km theo hướng Tây bắc.

Vườn có tọa độ địa lý bao trong phạm vi: 17°44.671' vĩ độ bắc; 105°49.381' kinh độ đông đến 17°22.334' vĩ độ bắc; 106°04.555' kinh độ đông; và 17°27.002' vĩ độ bắc; 106°23.250' kinh độ đông đến 17°40.522' vĩ độ bắc; 105°46.731' kinh độ đông;

1.4 Đặc điểm tự nhiên

1.4.1 Địa lý sinh học

Phong Nha - Kẻ Bàng là đại diện khu vực bảo tồn rộng lớn, nguyên vẹn và ưu tiên toàn cầu theo Global 200 của tổ chức WWF. Vườn Quốc gia nằm trong khu vực Rừng mưa nhiệt đới Đông Dương thuộc quần xã sinh vật Rừng nhiệt đới ẩm của vùng Đông Nam Á (Indomalayan) (Udvardy 1975). VQG PNKB cũng nằm trong khu vực Điểm nóng Đa dạng sinh học Đông Dương (Djik và cộng sự 1999). Bên cạnh đó, Vườn bao gồm hai Vùng Chim quan trọng: Phong Nha và Kẻ Bàng và là một phần của Vùng Chim đặc hữu đất thấp Trung Bộ (Stattersfield và cộng sự 1998), do Vườn có một số loài chim có vùng phân bố hẹp đặc trưng của Vùng Chim đặc hữu.

1.4.2 Địa hình

Vườn Quốc gia nằm ở một trong những khu vực lớn nhất của vùng núi đá vôi liên tiếp ở Đông Dương, trong đó có Khu bảo tồn Quốc gia Hin Namno, Lào (Vùng núi đá vôi trung tâm Đông Dương). Khối núi đá vôi nằm ở khu vực chuyển tiếp giữa bắc và trung Trường Sơn.

Địa hình của Vườn đặc trưng bởi các ngọn núi đá vôi dốc đứng, với độ cao khoảng 400 m. Xen giữa các dãy núi đá vôi là các thung lũng hẹp.

1.4.3 Địa chất và địa mạo

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng nằm ở phía bắc Dãy Trường Sơn và khu vực đồng bằng xung quanh nằm ở một trong những khu vực đặc biệt và rộng lớn nhất của địa hình vùng núi đá vôi trên thế giới. Được bao quanh bởi Khu Bảo tồn Quốc gia Kẻ Bàng và các khu vực vùng núi đá vôi (khu vực mở rộng), khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng bao gồm cao nguyên chia cắt rộng lớn với diện tích khoảng 200.000 ha trải rộng tới Hin Namno, Lào. Lịch sử địa chất của khu vực hình thành từ cuối Kỷ Ordovic đầu Kỷ Silur cách đây khoảng 460-400 triệu năm. Hai phần ba khu vực được công nhận di sản là địa hình núi đá vôi từ Kỷ Đệ Tam. Một diện tích nhỏ hơn là địa hình núi đá vôi chủ yếu từ Kỷ Đại trung sinh. Một phần ba còn lại là cảnh quan núi đất với các dãy núi đá xâm nhập có đỉnh tròn thấp được bảo phủ bởi rừng

trồng và các sườn núi bị bào mòn tích lũy dọc theo các thung lũng sông Son và sông Chày và trên sườn núi đá vôi trung tâm.

Kể từ năm 2009, Hang Sơn Đoòng, trên sông Son, có dòng sông ngầm chảy trong lòng động dài ít nhất là 5 km, với chiều rộng là 150 m và chiều cao là 200 m nổi tiếng là hang động lớn nhất thế giới. Hang Sơn Đoòng có những bãi cát tuyệt mỹ cùng với các thạch nhũ kỳ vỹ, nhưng hiện nay hang động này chỉ mới được sử dụng phục vụ cho các nhà khoa học và các chuyên gia hang động nghiên cứu. Động Phong Nha là một hang động nổi tiếng, theo kết quả nghiên cứu, động có chiều dài 7,73km và bao gồm 14 động nhỏ. Cửa động là đoạn cuối của sông Chày chảy trong lòng động, một nhánh của sông Son, chảy ngầm khoảng 20 km. Gần Động Phong Nha có hai hang động rất đẹp là Động Thiên Đường và Động Tiên Sơn. Các hang động lớn khác gồm có hệ thống Hang Vòm dài 15km và hệ thống Hang Khe Rhy dài 18,9km. Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng là nguồn của nhiều sông suối (nhưng không phải tất cả) chảy vào sông Gianh. Hiện tượng lũ lụt ở các thung lũng diễn ra trong khoảng từ tháng 9 đến tháng 11, nhưng vào mùa khô từ khoảng tháng 2 đến tháng 8 hầu như các dòng suối đều bị cạn (UNESCO, Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, cập nhật tháng 5 năm 2011).

1.4.4 Khí hậu

Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Nhiệt độ thấp nhất hàng năm dao động giữa 23⁰ và 25⁰C, vào mùa hè nhiệt độ cao nhất là 41⁰C và mùa đông nhiệt độ thấp nhất là 6⁰C. Các tháng nóng nhất là từ tháng 6 đến tháng 8, nhiệt độ thấp nhất trong các tháng này là 28⁰C; các tháng lạnh nhất là từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau với nhiệt độ thấp nhất là 18⁰C. Lượng mưa trung bình hàng năm là 2.000-2.500mm, 88% lượng mưa rơi vào các tháng từ tháng 7 đến tháng 12, mặc dù tháng nào cũng có mưa và có hơn 160 ngày mưa trong một năm. Độ ẩm tương đối thấp nhất hàng năm là 84%.

1.4.5 Thủy văn

Do địa hình núi đá vôi cho nên hệ thống thủy văn rất phức tạp và có rất ít suối có nước quanh năm. Tuy nhiên, khu vực có các dòng sông Chày, sông Son và sông Troóc, tất cả các dòng sông này đều do các dòng suối ngầm của hệ thống hang Én, Hang Vòm, Hang Tối và Động Phong Nha đổ vào. Cả ba con sông này đều chảy vào sông Gianh, đổ ra Biển Đông. Toàn bộ lưu vực có thể bắt nguồn từ Khu Bảo tồn Quốc gia Hin Namno, Lào.

1.5 Thực vật

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh (2004) và điều tra thực địa của Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2011) cho thấy toàn khu vực được che phủ bởi 99.63% diện tích rừng. Theo kết quả phân loại các kiểu thảm thực vật ở khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng của Thái Văn Trùng (1998) cho thấy khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng có 9 kiểu thảm thực vật sau:

Các kiểu thảm thực vật ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

- Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới chủ yếu cây lá rộng trên núi đá vôi >700m
- Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới chủ yếu cây lá rộng trên núi đất >700m
- Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới trên núi đất < 700m
- Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới trên núi đá vôi dưới 700m
- Rừng thứ sinh nhân tác trên núi đất vùng thấp
- Cây bụi cây gỗ rải rác trên núi đá vôi
- Trảng cỏ cây bụi, cây gỗ rải rác trên núi đất
- Đất nông nghiệp
- Đất khác (rừng trồng)

Có thể nói toàn bộ khu vực vùng núi đá vôi đều có rừng bảo phủ, ngoại trừ các bề mặt vách đá dốc đứng. Khu vực không có rừng chỉ ở các thung lũng bằng phẳng trong khu vực khối núi đá vôi và ở các vùng đồng bằng xung quanh. Vườn Quốc gia được che phủ chủ yếu là rừng tự nhiên. Kiểu rừng phổ biến nhất ở đây là rừng trên núi đá vôi, ngoài ra còn có diện tích rừng lá rộng thường xanh trên núi đất và ở các khu vực núi đất trong các thung lũng nằm giữa vùng núi đá vôi. Khu vực vùng núi đá vôi của VQG PNKB có 1000 ha diện tích rừng trên núi đá vôi trên 700 m với loài cây nổi bật chiếm ưu thế là cây Bách xanh (*Calocedrus macrolepis*) (loài bị đe dọa ở mức Nguy cấp), đây là một loài lá kim lớn và đặc hữu đối với các khu vực núi đá vôi của Việt Nam (Averyanov và cộng sự 2004).

1.6 Khu hệ thực vật

Cho đến nay đã thống kê được 2851 loài thực vật bậc cao có mạch cho VQG, trong đó có 75 loài bị đe dọa cấp quốc gia và 69 loài bị đe dọa ở cấp toàn cầu và có 419 loài đặc hữu đối với Việt Nam. Đã ghi nhận 183 loài phong lan, trong đó có hai loài bị đe dọa toàn cầu, đó là Lan hài (*Gastrochilus calceolaris*) (Rất Nguy cấp/CR) và Hài xoắn (*Paphiopedilum dianthum*) (Nguy cấp/EN) và 7 loài bị đe dọa cấp quốc gia là Lan Kim tuyến (*Anoetochilus calcareus*) (EN), Cầu điệp sao (*Bulbophyllum astelidum*) (EN), Cầu điệp tixieri (*Bulbophyllum tixieri*) (EN), Nỉ lan bèo (*Eria spirodela*) (EN), Chân trâu xanh (*Nervilia aragoana*) (VU), hài xoắn (*Paphiopedilum dianthum*) (EN) và Lan hài xanh (*Paphiopedilum malipoense*) (EN).

Có 12 loài thực vật đang bị đe dọa ở cấp Rất Nguy cấp toàn cầu: Dầu thanh (*Dipterocarpus gracilis*), Dầu Hasselt (*Dipterocarpus hasseltii*), Dầu con rái đỏ (*Dipterocarpus turbinatus*), Hồng Quang (*Hopea chinensis*), Sao Hải Nam (*Hopea hainanensis*), Sao mặt quỷ (*Hopea mollissima*), Sao mạng (*Hopea reticulata*), Kiền kiền (*Hopea siamensis*), Mun (*Diospyros*), Trầm hương (*Aquilaria crassna*), Lan đốm (*Gastrochilus calceolaris*).

1.7 Khu hệ động vật

Vườn Quốc gia có hệ động vật đặc trưng của rừng khu vực núi đá vôi Dãy Trường Sơn. Hiện tại, Vườn có 755 loài động vật có xương sống, trong đó có 121 loài thú, 303 loài chim, 161 loài bò sát và lưỡng cư và 170 loài cá. Ngoài ra, theo kết quả điều tra cho thấy Vườn còn có 261 loài bướm ngày (xem Bảng 1). Trong đó có 62 loài ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 73 loài ghi trong Sách đỏ Thế giới (IUCN, 2012) và 35 loài đặc hữu hoặc phân bố hẹp.

Bảng 1: Các loài động vật có xương sống và không xương sống ghi nhận ở VQG PNKB

	Tổng số loài	Sách đỏ Việt Nam 2007	IUCN 2012	Loài đặc hữu / có vùng phân bố hẹp
Thú (gồm cả dơi)	121	28	31	6
Dơi	41		2	
Chim	303	6	10	4
Bò sát và ếch nhái	161 (107&54)	24	15	9
Cá	170	3	15	16
Bướm	261	1		
Tổng	1.016	62	73	35

Các loài thú

Vườn có 121 loài thú, trong đó có 115 loài được khẳng định có mặt trong ranh giới của Vườn. Sáu loài khác được ghi nhận nhưng chưa chắc chắn là Saola (*Pseudoryx nghetinhensis*) và Voọc đen (*Trachypithecus laotum*) hoặc phân bố ngoài khu vực vườn (ví dụ như Bò tót *Bos gaurus*). Trong số các loài ghi nhận được thì Voọc Hà Tĩnh, Chuột đá

Trường Sơn và 41 loài Dơi được ghi nhận trong Vườn và đây là những loài đặc trưng của khu vực núi đá vôi. Có 6 loài đặc hữu của Việt Nam và Dãy Trường Sơn. Các loài đặc hữu này gồm có: Voọc Hà Tĩnh (*Trachypithecus hatinhensis*), Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Vượn đen má trắng siki (*Nomascus siki*), Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), Chuột đá Trường Sơn (*Laonastes aenigmamus*) và Thỏ vằn Trường Sơn (*Nesolagus timminsi*). Loài Chuột đá Trường Sơn (*Laonastes aenigmamus*), là loài bị đe dọa Nguy cấp toàn cầu, đồng thời cũng là loài mới ghi nhận cho Vườn quốc gia trong cuộc điều tra năm 2011 (Nguyễn Xuân Đăng và cộng sự 2011).

VQG có 33 loài nằm trong sách đỏ cấp quốc gia và thế giới, là những loài nguy cấp, sắp nguy cấp và còn thiếu số liệu (xem Phụ lục 3).

VQG cũng có quần thể của 9 loài linh trưởng trong số 41 loài có mặt ở Việt Nam chiếm 43% tổng số loài Linh trưởng có ở Việt Nam (Phụ lục 3).

Các loài chim:

Vườn Quốc gia nằm trong Vùng Chim đặc hữu đất thấp Trung Bộ (Stattersfield và cộng sự 1998) và có hai Vùng Chim quan trọng theo BirdLife Quốc tế/BirdLife International (2002, 2011).

Hiện nay, đã ghi nhận 303 loài chim cho Vườn quốc gia (xem Phụ lục). Trong đó, có 10 loài trong Danh lục đỏ các loài bị đe dọa của IUCN (2012) và 6 loài trong Sách đỏ Việt Nam (2007) (xem Bảng 2). Vườn Quốc gia có 4 loài có vùng phân bố hẹp toàn cầu, bao gồm Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*), Khướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui*, Khướu đá mun (*Stachyris herberti*) và Chích chạch má xám (*Macronous kelleyi*). Các loài chim có vùng phân bố hẹp là loài sống trên cạn và có vùng phân bố sinh sản dưới 50.000 km² trong các thời kỳ lịch sử (từ năm 1800) (Stattersfield và cộng sự 1998). Trong số các loài ghi nhận ở Vườn có ba loài là: Khướu đá mun, Chà mào trọc đầu và Chích đá vôi là các loài tiêu biểu hoặc đặc trưng của vùng núi đá vôi. Trong đó hai loài Khướu đá mun và Chà mào trọc đầu không tìm thấy bất cứ nơi đâu trên thế giới.

Bảng 2: Các loài chim trong sách đỏ Việt Nam và IUCN và các loài có vùng phân bố hẹp ở VQG PNKB

Tên	Tên khoa học	IUCN 2012	Sách đỏ Việt Nam 2007
Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>	NT	VU
Gà lôi hông tía	<i>Lophura diardi</i>	NT	
Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	NT, RRS	VU
Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>		VU
Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>	NT	
Niệc nâu	<i>Anorrhinus austeni</i>	NT	VU
Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	NT	VU
Gỗ kiến xanh cổ đỏ	<i>Picus rabieri</i>	NT	
Thiên đường đuôi đen	<i>Terpsiphone atrocaudata</i>	NT	
Khướu mỏ dài	<i>Jabouilleia danjoui</i>	NT, RRS	
Khướu đá mun	<i>Stachyris herberti</i>	NT, RRS	VU
Chích chạch má xám	<i>Macronous kelleyi</i>	RRS	
Chà mào trọc đầu *	<i>Pycnonotus hualon</i>		
Chích đá vôi *	<i>Phylloscopus colliatilis</i>		

Chú thích: tình trạng toàn cầu: NT = Gần bị đe dọa theo BirdLife Quốc Tế (2011). Tình trạng cấp quốc gia: VU = Sắp Nguy cấp theo Sách đỏ Việt Nam (2007); RRS = Loài có vùng phân bố hẹp (BirdLife International 2011). * loài mới cho khoa học đã ghi nhận có mặt ở Vườn.

Các loài Bò sát và Ếch nhái

Các loài bò sát và ếch nhái của VQG PNKB cũng được nghiên cứu rất kỹ so với các nhóm động vật khác. Hiện tại, VQG có tổng số 161 loài, trong đó có 107 loài bò sát và 54 loài ếch nhái. Trong số các loài được ghi nhận, có 30 loài bảo tồn toàn cầu và trong Sách đỏ Thế giới (IUCN 2012.1). Có 26 loài bò sát và ếch nhái có trong Sách đỏ Việt Nam, trong đó có 22 loài bò sát và 4 loài ếch nhái. Trong số các loài ghi nhận ở Vườn, có 9 loài là đặc hữu đối với Việt Nam và VQG PNKB, đó là các loài: Thạch sùng Phong Nha - Kẻ Bàng (*Cyrtodactylus phongnhakebangensis*), Tắc kè lưng nhẵn (*Gekko scientiadventura*), Rắn bình mũi Trung Bộ (*Parahelicops annamensis*), Rắn lục sùng (*Protobothrops cornutus*), Rắn lục vảy lưng ba gờ (*Protobothrops sieversorum*), Thần lằn bốn ngón (*Sphenomorphus tetradactylus*), Thần lằn nước (*Tropidophorus noggei*), Ếch cây Trung bộ (*Rhacophorus annamensis*), Ếch cây sần Bắc bộ (*Theloderma corticale*). Ngoài ra, Ếch giun (*Ichthyophis sp.*) được xem là loài mới cho khoa học, cần có thêm tài liệu để xác nhận loài này.

Các loài cá

Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng đã ghi nhận 170 loài cá, trong đó có 3 loài trong Sách đỏ Việt Nam và 15 loài trong Sách đỏ Thế giới (IUCN 2012). Ngoài ra, khu vực có 16 loài đặc hữu của Việt Nam và Dãy Trường Sơn. Đặc biệt, có 9 loài được ghi nhận là các loài mới đối với khoa học, gồm có: 9 loài được ghi nhận là các loài mới đối với khoa học, gồm có: *Aspidoparia viridis*, *Yaoshanicus albus*, *Acrossocheilus albus*, *Acrossocheilus carongensis*, *Acrossocheilus fissirostris*, *Acrossocheilus lineatus*, *Acrossocheilus longianalis*, *Acrossocheilus yeni* và *Carassioides phongnhaensis*

Các loài bướm

Vườn Quốc gia đã ghi nhận có 261 loài bướm theo kết quả điều tra năm 1999. Theo điều tra của Devyatkin (2000-2002), có 5 loài mới đã được ghi nhận cho Vườn, bao gồm các loài: *Celaenorrhinus incestus*, *C. kuznetsoovi*, *Darpa inopinata*, *Coladenia tanya* and *Halpe paupera*. Trong tổng số các loài ghi nhận cho VQG chỉ có một loài bướm có trong Sách đỏ Việt Nam (*Troides aeacus*- Sắp Nguy cấp-VU).

Các loài động vật không xương sống hang động

Hai loài bọ cạp mới của một giống mới (**Vietbocap**) đã được công bố. Loài mới được đặt tên khoa học là *Vietbocap thienduongensis* Lourenco & Pham đã được công bố trên tạp chí Quốc tế C.R. Biologies. Tên tiếng Việt của loài bọ cạp này là bọ cạp Thiên Đường (do được phát hiện trong động Thiên Đường). Loài thứ hai được phát hiện tại động Tiên Sơn, tên khoa học là *Vietbocap canhi* Lourenco & Pham, được công bố trên tạp chí Quốc tế Zookeys. Hai loài bọ cạp này thuộc họ Pseudochactidae. Cho đến nay, trên toàn thế giới, họ Pseudochactidae mới phát hiện được 4 loài thuộc 3 giống: 1 loài thuộc giống *Troglokhammouanus* (phát hiện ở Lào), 1 loài thuộc giống *Pseudochatas* (phát hiện ở Uzbekistan và Tajikistan), và 2 loài thuộc giống *Vietbocap* (vừa mới phát hiện ở Việt Nam). Đây là những loài chuyên biệt, thích nghi với điều kiện sống trong hang động. Sự cách biệt với môi trường bên ngoài, cùng với sự khác biệt về chế độ ánh sáng cũng như ẩm độ đã khiến hình thành loài đặc hữu cho khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng (Phạm Đình Sắc và cộng sự 2011).

1.8 Đặc điểm kinh tế xã hội

Dân số trong khu vực vùng lõi

Xã Tân Trạch có hai bản nằm trong khu vực vùng lõi của Vườn. Bản Đòng là bản nhỏ nhất, có 6 hộ gia đình, người dân Bản Đòng thuộc nhóm dân tộc Vân Kiều. Bản thứ hai là bản Arem, là nhóm dân tộc thiểu số nhỏ nhất Việt Nam, gồm có 307 người với 79 hộ. Tân Trạch là xã có dân số ít nhất và đây là nhóm tộc thiểu số ít người nhất trên cả nước.

Dân số ở khu vực vùng đệm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Theo kế hoạch mở rộng vườn, khu vực vùng đệm của vườn gồm có 13 xã, với hơn 15.000 hộ gia đình gồm có 65.000 nhân khẩu. Mật độ dân số phân bố không đều, các thôn, bản hoặc các xã dọc theo tuyến đường chính có mật độ dân số đông hơn các xã nằm ở vùng xa xôi tiếp giáp biên giới Việt – Lào (Xem Bảng 3).

Bảng 3: Diện tích và dân số của các xã vùng đệm của Vườn Quốc gia

TT	Huyện/xã	Diện tích (ha)	Số hộ	Số khẩu	Mật độ Ng/Km ²
<u>I</u>	<u>Minh Hóa</u>	98.605	3.831	17.154	32
1	Dân Hóa	17.697	834	3.519	19
2	Hóa Sơn	18.031	369	1.607	9
3	Thượng Hóa	34.634	706	3.105	9
4	Trọng Hóa	18.789	693	3.636	19
5	Trung Hóa	9.454	1.229	5.287	55
<u>II</u>	<u>Bố Trạch</u>	167.606	10.279	43.829	190
6	Hưng Trạch	9.515	2.716	11.104	117
7	Phú Định	15.360	659	2.719	18
8	Phúc Trạch	6.022	2.478	10.761	178
9	Sơn Trạch	10.139	2.582	10.653	105
10	Tân Trạch	36.281	72	401	1
11	Thượng Trạch	72.572	461	2.457	3
12	Xuân Trạch	17.717	1.311	5.734	32
<u>III</u>	<u>Quảng Ninh</u>	77.384	929	3.972	5
13	Trường Sơn	77.384	929	3.972	5
	Cộng	343.595	15.039	64.955	19

Nguồn: Niên giám thống kê các huyện, 2011

Tất các xã vùng đệm là các xã ưu tiên trong chương trình phát triển kinh tế, ví dụ như: chương trình 135 (nâng cấp cơ sở hạ tầng), chương trình 661 (trồng và phục hồi rừng), Dự án giảm nghèo miền Trung (do ADB tài trợ), ...v.v. Các chương trình, dự án này hỗ trợ người dân địa phương phát triển kinh tế, trồng và bảo vệ rừng. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) đang trong quá trình thực hiện dự án Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Đặc điểm của các nhóm dân tộc tại Phong Nha - Kẻ Bàng

Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng không chỉ nổi tiếng về hệ thống hang động, cảnh quan đẹp tuyệt mỹ và đa dạng sinh học cao mà còn nổi tiếng vì các nhóm dân tộc sống trong khu vực. Bên cạnh dân tộc Kinh (nhóm dân tộc chiếm đa số ở Việt Nam), có hai nhóm dân tộc chính: Vân Kiều và Chứt.

Nhóm dân tộc Bru – Vân Kiều:

+ Bru – Vân Kiều là nhóm có dân số lớn nhất trong tất cả các nhóm dân tộc sống ở phía bắc dãy Trường Sơn (ngoại trừ nhóm dân tộc Kinh). Nhóm Bru – Vân Kiều thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ Me, một nhóm bản địa đối với Đông Dương, gồm các tộc: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong và Trĩ (www.viendantochoc.org.vn).

+ Trong số các nhóm dân tộc đề cập trên đây, tộc Vân Kiều là tộc lớn nhất và phân bố rộng khắp ở khu vực dãy Trường Sơn. Tộc Trĩ và Ma Coong phân bố ở xã Thượng Trạch và Tân Trạch, huyện Bố Trạch và Lào. Còn tộc Khùa chủ yếu phân bố xã Dân Hoá, huyện Minh Hoá.

Nhóm dân tộc Chứt:

Trong Bài báo “các ngôn ngữ Việt - Mường” trên Tạp chí Dân tộc số 1, Hà Văn Tấn và Phạm Đức Dương cho biết tiếng Khùa là ngôn ngữ cổ nhất trong nhóm ngôn ngữ Việt – Mường và tách riêng ra khỏi ngôn ngữ Việt - Mường trong thế kỷ 10 hoặc 11. Nhóm dân tộc Chứt gồm có rất nhiều tộc nhỏ như Sách, Mày, Rục và Arem.

Người Arem và Rục

Trong tiếng dân tộc Chứt, từ Rục có nghĩa là nơi ở phía cuối suối ngầm và từ Arem có nghĩa là hang đá hoặc vòm đá. Người Arem định cư ở bản 39, xã Tân Trạch trong Vườn Quốc Gia, còn người Rục định cư ở vùng đệm, xã Thượng Hoá. Arem và Rục không chỉ là tộc nhỏ nhất trong nhóm dân tộc Chứt mà còn là hai tộc nhỏ nhất Việt Nam. Họ sống tách biệt với các nhóm khác trong khu vực núi đá vôi. Năm 2006, tộc Arem chỉ có 202 người, còn tộc Rục chỉ có 322 người.

Người Arem và người Rục có ngôn ngữ riêng của họ, là ngôn ngữ thuộc nhánh Việt - Mường của gia đình ngôn ngữ Môn – Khơ Me. Từ năm 1992, tộc Arem và Rục bắt đầu sống trong những ngôi nhà kiên cố. Trước đây, họ thích di chuyển trong rừng sâu, sống trong các hang động hoặc trong các lều tạm. Tộc Rục và Arem là hai tộc cuối cùng bắt đầu dựng nhà để ở trong những năm 1960.

Di sản văn hoá

Bằng chứng cổ nhất về sự cư trú của con người ở khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng là từ thời kỳ đồ đá qua các di chứng khảo cổ được tìm thấy trong một số hang động.. Hiện tại, tộc Arem sinh sống tại hai bản trong vùng lõi của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, còn người Rục và Ma Coong sống ở vùng đệm. Từ năm 1992, Chính phủ thành lập hai khu tái định cư mới cho 475 nhân khẩu, họ là các tộc người có dân số nhỏ nhất ở Việt Nam. Các tộc người này thường sử dụng một số loài có giá trị kinh tế, đặc biệt là các loài gỗ quý hiếm như Mun (*Diospyros spp*) và Huê (*Dalbergia tonkinensis*), và chưng cất dầu từ các loài như Táu (*Hopea hainanensis*) và nhiều loài cây thuốc. Động Phong Nha khu vực có ý nghĩa tôn giáo và du lịch quan trọng từ rất lâu, Đền thờ của người Chăm đã được tìm thấy trong động Phong Nha và đây là khu vực thờ cúng trong thế kỷ 9 và 10. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, các khu rừng và hang động ở khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi đóng quân và cất giấu vũ khí của bộ đội Việt Nam.

Chương 2: Đánh giá các giá trị của VQG PNKB dựa trên các tiêu chí Di sản Thế giới

2.1 Địa mạo và lịch sử trái đất

Là một mẫu chuẩn nổi bật hiện diện cho các giai đoạn chính của lịch sử trái đất, bao gồm các quá trình địa chất đang tiếp diễn có ý nghĩa quan trọng (Tiêu chí DSTG viii).

Phong Nha đang nắm giữ những bằng chứng về lịch sử trái đất vô cùng ấn tượng. Đây là khu vực có ý nghĩa rất quan trọng nâng cao nhận thức của chúng ta về lịch sử địa chất, địa mạo và địa thời gian của khu vực. Phong Nha là một phần thuộc cao nguyên rộng lớn bị chia cắt, bao gồm vùng núi đá vôi Kẻ Bàng và Hin Namno (Lào). Cao nguyên này là một trong những ví dụ điển hình và nổi bật nhất về địa mạo đá vôi phức tạp ở khu vực Đông Nam Á. Kiến tạo đá vôi của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng hình thành từ Kỷ Đại cổ sinh (cách đây khoảng 400 triệu năm) và đây được xem là khu vực núi đá vôi cổ nhất ở châu Á. Với những biến đổi địa chất hùng vĩ, cảnh quan vùng núi đá vôi của Vườn rất phức tạp với nhiều đặc trưng địa mạo có ý nghĩa rất quan trọng. Khu vực vùng núi đá vôi rộng lớn, mở rộng qua biên giới Việt Nam-Lào bao gồm các kiến tạo hùng vĩ với hơn 104 km các hang động và các dòng sông ngầm, làm cho khu vực này trở thành một trong những hệ sinh thái núi đá vôi nổi tiếng bậc nhất trên thế giới.

Các quá trình hình thành vùng núi đá vôi dẫn tới sự hình thành các kiểu hang động khác nhau ở khu di sản, bao gồm các dòng sông ngầm, hang động khô, hang động bậc thang, hang động treo, hang động hình cây và các hang động giao nhau. Trong đó nổi bật nhất là động Phong Nha, với một dòng sông ngầm dài 44,5km chảy trong lòng động và Động Thiên Đường mới được mở cho du khách đến tham quan. VQG đang bảo vệ động Sơn Đoòng là loại động khô lớn nhất thế giới. Các hang động này cùng với hàng trăm hang động khác được khám phá cho tới nay chứng minh trình tự của từng giai đoạn rời rạc của các sự kiện, để lại các mức độ chiều hướng hóa thạch khác nhau bị chôn vùi trước đây và bây giờ phát lộ ra núi đá vôi rất cổ ở các thời kỳ; bằng chứng về sự thay đổi lớn trong các tuyến sông ngầm; thay đổi trong chế độ hòa tan và các đặc trưng bất thường khác.

2.2 Các giá trị Di sản Thế giới tiềm năng

DSTG Phong Nha-Kẻ Bàng có các giá trị tiềm năng khác để lập hồ sơ đưa vào Danh sách DSTG trong phạm vi quyền hạn của khu vực.

2.2.1 Các quá trình tiến hóa đang tiếp diễn

VQG PNKB nên đề xuất được công nhận về giá trị nổi bật toàn cầu cho các quá trình sinh thái và sinh học đang diễn ra trong tiến trình tiến hoá và phát triển của các hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước ngọt, hệ sinh thái dưới mặt nước và các quần thể động thực vật ở các hệ sinh thái này (Tiêu chí DSTG ix)

Vườn Quốc gia PNKB bảo vệ một phần lớn rừng trên núi đá vôi, một trong những dải rừng được bảo tồn tốt nhất ở khu vực trung Trường Sơn, được công nhận là vùng cảnh quan quan trọng của dãy Trường Sơn có ý nghĩa toàn cầu theo Global 200. Khu vực sinh thái này có rất nhiều loài động vật có xương sống đặc hữu hoặc gần đặc hữu và được xem là một trong những nơi tập trung nhiều loài đặc hữu nhất ở trên đất liền mà không tìm thấy bất cứ nơi

đâu¹. Khu vực cảnh quan ưu tiên núi đá vôi ở Trung Đông Dương (NA6), được xếp hạng là khu vực trung tâm về bảo tồn đa dạng sinh học, có rất nhiều loài đặc trưng của khu vực núi đá vôi, trong đó có một số loài đặc hữu của dãy Trường Sơn - nhiều hơn khu vực cảnh quan khu vực núi đá vôi ở Bắc Đông Dương (NA1), làm cho Khu vực núi đá vôi vùng Trung tâm Đông Dương trở thành khu vực núi đá vôi rộng lớn nhất có quần thể núi đá vôi đặc biệt nhất ở Sinh thái vùng Dãy Trường Sơn. Đây là khu vực trung tâm đối với công tác bảo tồn các loài linh trưởng và các loài chim đặc trưng vùng núi đá vôi, ví dụ như Khướu đá mun (*Stachyris herberti*), Chào mào trọc đầu (*Pycnonotus hualon*) và Chích đá vôi (*Phylloscopus calciatilis*). Trong số các loài này, Chào mào trọc đầu và Chích đá vôi là các loài mới được công bố cho khoa học, Chào mào trọc đầu được ghi nhận năm 2009 còn Chích đá vôi được ghi nhận năm 2010.

Vườn Quốc gia nằm trong khu vực Rừng mưa nhiệt đới Đông Dương thuộc quần xã sinh vật Rừng nhiệt đới ẩm của vùng Đông Nam Á (Udvardy 1975). VQG PNKB cũng nằm trong khu vực Điểm nóng Đa dạng sinh học Đông Dương (Djik và cộng sự 1999). Bên cạnh đó, Vườn có hai Khu vực Chim quan trọng: Phong Nha và Kẻ Bàng cũng nằm trong Khu vực Chim đặc hữu đất thấp Miền Trung (Stattersfield và cộng sự 1998), do Vườn có một số loài chim có vùng phân bố hẹp đặc trưng của Khu vực Chim đặc hữu.

Trong đó, đáng chú ý là một số loài sinh vật nguyên sinh hoặc các loài sinh vật cổ còn sót lại mới được phát hiện trong thời gian gần đây ở PNKB mà có ít hoặc không có các loài họ hàng, trong đó có Thỏ vằn (*Nesolagus timminsi*) và Chuột đá Trường Sơn (*Laonastes aenigmamus*). Đặc biệt, loài Chuột đá Trường Sơn, được xem là loài Lazarus (là loài được xem là đã tuyệt chủng bỗng nhiên xuất hiện trở lại), là đại diện duy nhất của họ gặm nhấm (Diatomyidae) trước đây chỉ được biết đến qua các hoá thạch có thời gian ít nhất là 11 triệu năm. Sự tồn tại của các loài nguyên sinh hoặc các loài động vật cổ này thể hiện sự ổn định lâu dài của sinh cảnh sống trong khu vực, ảnh hưởng của khí hậu ổn định và sự nâng lên thường xuyên trong suốt quá trình lâu dài đang duy trì sự ổn định của các sinh cảnh sống.

Mặc dù rất khó xác định số lượng các loài đặc hữu và so sánh chúng với các khu vực và các nhóm sinh vật nhưng kết quả các cuộc quan sát cho thấy các khu vực vùng cao và vùng thấp liên kề ở miền Trung Việt Nam có thể là trung tâm hoặc điểm nóng của các loài đặc hữu trong khu vực đất liền ở Đông Nam Á. Nếu đúng như vậy, điều này có thể giải thích là do Dãy Trường Sơn ổn định về khí hậu và sinh thái, và do các khu rừng bao quanh và các sinh cảnh sống khác được bền vững, mở rộng hoặc được tái tạo trong suốt quá trình biến đổi khí hậu lâu dài. Các khu rừng ở đây là nơi trú ẩn đối với các loài sống phụ thuộc vào rừng các giai đoạn thời tiết mát hơn, khô hơn khi các sinh cảnh rừng thường xanh ở vùng thấp bị khai phá, chuyển đổi. Trong điều kiện lâu dài và ổn định này, các loài hình thành trước được bảo tồn và sự tiến hoá của các loài mới được thúc đẩy.²

VQG có rất nhiều loài đặc hữu, ví dụ có 3 loài voọc tương tự nhau, đó là Voọc Hà Tĩnh, Voọc Lào và Voọc đen có những khu vực phân bố khác nhau. Sự phân bố không đồng đều này có thể là do điều kiện khí hậu, địa lý, hoặc hàng rào sinh thái, hoặc do sự cạnh tranh giữa các loài, giúp ngăn chặn sự phân tán hiệu quả của các loài ra khỏi khu vực phân bố. Cũng có thể các loài này không xâm nhập đến các khu vực khác kể từ Kỷ Băng hà cuối cách đây tối đa là 18.000 năm, mặc dù chúng có khả năng di chuyển đến các khu vực đó. Một số quá trình tiến hoá đang diễn ra dẫn đến tỷ lệ các loài đặc hữu cao và các đặc điểm hệ động vật đặc biệt

¹ WWF (2012) về Khu vực sinh thái dãy Trường Sơn.

http://wwf.panda.org/what_we_do/where_we_work/project/projects_in_depth/greater_annamites_ecoregion/about_the_area/ tải về ngày 18 tháng 08 năm 2012.

² Đoạn 223-224 trong EJ Sterling, MM Hurley, Lê Đức Minh (2006) Việt Nam: A Natural History. Ấn phẩm Đại học Yale; New Haven.

của PNKB: Quá trình nâng lên từng đoạn của cảnh quan núi đá vôi từ (ít nhất) Kỷ thứ Ba và sự phát triển khu vực núi đá vôi liên tục, quá trình trẻ hoá và diễn biến vùng núi đá vôi tiến hoá đang diễn ra đã hình thành nên các sinh cảnh sống đặc trưng. Sự phát triển của hệ khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa cao và ổn định kể từ thời kỳ lạnh giá của Kỷ Pleitoxen đã thúc đẩy quá trình tiến hoá trong khu vực cảnh quan núi đá vôi.

Các sinh cảnh sống đặc trưng này thúc đẩy quá trình tiến hoá ở khu vực cảnh quan núi đá vôi tiếp tục diễn ra, bao gồm trong khu vực các hang động (các loài hang động), tại các cửa hang động (các quần thể động vật có xương sống và không có xương sống biết bay làm tổ tại hang động; các loài thực vật thích ánh sáng yếu), và trong các hố sụt trong lòng hang động (nơi cư trú của các loài động vật cổ sống phụ thuộc vào độ ẩm cao và nhiệt độ không khí lạnh do các hang động mang lại).

Đặc biệt, hệ động vật hang động phản ánh tác động nổi bật của sự cách ly trong quá trình hình thành loài. Nghiên cứu sơ bộ hệ động vật hang động ở Khu DSTG VQG PNKB cho thấy có ít nhất 41 loài động vật không xương sống trong số 248 mẫu vật thu thập được từ khảo sát ba hệ thống hang động. Trong đó, chỉ có 5 loài phổ biến ở cả ba hang động này. Việc phát hiện hai loài bộ cặp mù trong khu vực PNKB có ý nghĩa rất quan trọng bởi vì hiện tại trên thế giới chỉ có khoảng 20 loài bộ cặp sống trong hang động được mô tả có các đặc điểm hình thái hang động. Các loài mới là Bộ cặp Thiên Đường (*Vietbocap thienduongensis*) và Bộ cặp Cảnh (*Vietbocap canhi*), là hai loài bộ cặp hang động đầu tiên được phát hiện ở trên lục địa châu Á.

2.2.2 Đa dạng sinh học

DSTG VQG PNKB cũng cần được công nhận về giá trị đa dạng sinh học vì có tầm quan trọng toàn cầu đối với bảo tồn nguy cơ đa dạng sinh học, bao gồm các loài có giá trị nổi bật toàn cầu trên quan điểm khoa học hoặc bảo tồn (Tiêu chí DSTG x).

DSTG VQG PNKB có ý nghĩa quan trọng toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học bởi nơi đây chứa đựng các hệ sinh thái rừng, bao gồm rừng trên núi đá vôi và rừng trên núi đất, tạo nên tính đa dạng sinh học cao của khu hệ động, thực vật, bao gồm một số các loài đặc trưng của địa hình đá vôi, nhiều loài đặc hữu và một số loài đang bị đe dọa toàn cầu. Sự đa dạng phong phú về các loài đang bị đe dọa ở VQG và vùng lân cận bao gồm các loài thú lớn như Hổ, Mang lớn, Sao la, Gấu ngựa, Gấu chó, Cây mực và Bò tót. Cụ thể các loài đã khẳng định chắc chắn, bao gồm loài đặc hữu và loài có vùng phân bố hẹp đang bị đe dọa ở cấp quốc tế và quốc gia, ví dụ như Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Vượn đen má trắng Siki (*Nomascus siki*), Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*), và Ếch cây trung bộ (*Rhacophorus annamensis*).

Hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi của PNKB có sự đa dạng sinh học cao về các loài động thực vật. Có lẽ, một trong số các loài có ý nghĩa bảo tồn quan trọng nhất là một số loài được tìm thấy ở khu vực, là các loài đặc hữu ở miền Trung Việt Nam và Lào. VQG có 419 loài thực vật đặc hữu đối với Việt Nam (Averyanov và cộng sự 2011). Ngoài ra, có một Chi mới và 9 loài là các loài mới đối với khoa học (Averyanov và cộng sự 2011)

PNKB có 4 trong số 7 loài có vùng phân bố hẹp của khu vực địa hình thấp dãy Trường Sơn, thuộc vùng Chim đặc hữu³. Hệ động vật của VQG bao gồm các loài đặc hữu vùng núi đá vôi mới được phát hiện gần đây, trong đó có các loài như Voọc Hà Tĩnh (*Trachypithecus hatinhensis*), Khướu đá Mun (*Stachyris herberti*), Chèo mào trợ đầu (*Pycnonotus hualon*) và Chích đá vôi (*Phylloscopus calciatilis*). Đặc biệt là loài Chuột đá Trường Sơn đã biến mất

³Tài liệu Chương trình BirdLife International tại Việt Nam năm 2011

theo các dấu tích hoá thạch cách đây 11 triệu năm nhưng gần đây đã được các nhà khoa học phát hiện lại. Gần 99% diện tích VQG được bao phủ bởi rừng và 84% diện tích là rừng nguyên sinh. VQG còn là một trong 200 khu vực sinh thái ưu tiên cần bảo vệ trên toàn cầu, đồng thời là điểm nóng về đa dạng sinh học toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á (Indo-Burma) và là khu vực Chim đặc hữu chưa có trong Danh sách của các khu Di sản Thế giới. VQG có hơn 2.851 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 419 loài đặc hữu đối với Việt Nam, và 755 loài động vật có xương sống, trong đó có 69 loài đang bị đe dọa toàn cầu. Theo kết quả khảo sát đến năm 2012, VQG có 12 loài thực vật đang bị đe dọa Rất nguy cấp toàn cầu (CR), và có 12 loài bị đe dọa Nguy cấp toàn cầu (EN). Có tới 99 loài động vật có xương sống (Thú, Chim, Bò sát và Ếch nhái và Cá) được ghi trong sách đỏ Quốc Tế và Việt Nam (xem phụ lục 3) Đáng chú ý là nhóm Linh Trường, có 7 trong số 9 loài có mặt ở VQG là các loài đang bị đe dọa toàn cầu, và VQG cũng là môi trường sống quan trọng đối với 3 loài trong số đó như: Voọc Hà Tĩnh, Chà vá chân nâu và Vượn đen má trắng Siki. VQG có quần thể Voọc Hà Tĩnh đang bị đe dọa toàn cầu lớn nhất, là loài đặc trưng cho khu vực rừng trên núi đá vôi và là loài đặc hữu đối với Việt Nam và Lào.

Chương 3: Các mối đe dọa và thách thức trở ngại đối với VQG Phong Nha-Kẻ Bàng

3.1 Các mối đe dọa

Theo dự án đầu tư cho VQG PNKB, các mục tiêu của Vườn bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái vùng núi đá vôi, bảo vệ lưu vực sông Gianh nhằm hạn chế lũ lụt, bảo vệ cảnh quan và góp phần cải thiện sinh kế cho người dân vùng đệm. Các vấn đề mô tả sau đây được xem là các mối đe dọa trực tiếp đối với các mục tiêu quản lý của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Các mối đe dọa này được xác định trên cơ sở kết quả của các cuộc họp tham vấn với các bên liên quan khác nhau, gồm có Nhóm Lập kế hoạch Quản lý Vườn, cán bộ Hạt Kiểm lâm, chính quyền địa phương và người dân vùng đệm ở huyện Bố Trạch và Minh Hoá vào tháng 6 năm 2012. Tại các cuộc họp này, đã tiến hành đánh giá, cho điểm và lập danh sách các mối đe dọa theo mức độ nghiêm trọng (nội dung đánh giá chi tiết được trình bày trong Phụ lục 4).

Kết quả đánh giá đã xác định có tới 13 mối đe dọa từ thấp tới cao tới tài nguyên rừng của VQG. Tuy nhiên 5 mối đe dọa trong nhóm cao nhất cần phải chú ý trong Kế hoạch quản lý của VQG là: Săn bắn động vật hoang dã, khai thác gỗ trái phép, khai thác các loại lâm sản phi gỗ, phát triển du lịch không bền vững và xây dựng hạ tầng cơ sở trong vườn quốc gia.

Tám mối đe dọa còn lại cũng đang hiện hữu hoặc tiềm năng nhưng mức độ đe dọa hiện tại đối với công tác bảo vệ, bảo tồn di sản của VQG thấp hơn. Tất cả các mối đe dọa được xem xét và đánh giá được liệt kê theo thứ tự từ cao xuống thấp sau đây và được mô tả chi tiết về nguyên nhân trực tiếp, giám tiếp và ảnh hưởng của chúng ở Phụ lục 4.

- Săn bắn động vật hoang dã trái phép
- Khai thác gỗ trái phép
- Khai thác lâm sản ngoài gỗ
- Du lịch sinh thái không bền vững (phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, quá tải du khách, ô nhiễm...)
- Xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực Vườn Quốc Gia
- Các loài ngoại lai xâm hại (nguy cơ lan rộng và xâm lấn)
- Khai thác củi đốt quá mức
- Chăn thả gia súc trong VQG
- Đánh bắt cá bằng các công cụ hủy diệt
- Xâm lấn đất rừng làm nương rẫy và các dạng sử đất khác
- Chưng cất dầu de
- Cháy rừng
- Thảm họa thiên nhiên (lũ lụt, cháy rừng)

3.2 Khó khăn, trở ngại và điểm yếu trong công tác quản lý

Vườn Quốc gia đang gặp một số khó khăn để Vườn giải quyết hiệu quả các mối đe dọa nêu trên. Dưới đây là một số điểm hạn chế của Vườn trong công tác quản lý bảo vệ và bảo tồn trong những năm qua:

- Nguồn kinh phí hàng năm phân bổ cho Vườn ít hơn kinh phí được lập kế hoạch trong kế hoạch đầu tư do Ban Quản lý VQG PNKB đề xuất;
- Thiếu nguồn nhân lực về cả số lượng và năng lực;

- Sự phối hợp giữa các cơ quan về thực thi pháp luật còn thấp; và
- Thiếu kinh phí cho kế hoạch phát triển vùng đệm.

Thiếu kinh phí cho Vườn trong vòng 5 năm qua

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho Vườn chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng. Thiếu ngân sách cho các chương trình giám sát, điều tra và nghiên cứu. Các hoạt động tuần tra cũng thiếu kinh phí, hiện tại lực lượng kiểm lâm của vườn đang được hỗ trợ một phần kinh phí cho công tác tuần tra rừng từ Vườn thú Coglone cho đến năm năm 2013. Điều này đã hạn chế các đợt tuần tra dài ngày trong rừng trong những trường hợp cần thiết.

Nhân sự và năng lực

Kết quả Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn thực hiện vào tháng 7 năm 2012 cho thấy hiện tại vườn đang thiếu cán bộ công nhân viên chức so với quy chế các khu bảo tồn của Chính phủ (Nghị định 117/2010/ND-CP). Ví dụ, hiện tại số lượng cán bộ kiểm lâm của Vườn (125 cán bộ) chỉ mới đáp ứng được 50 % số lượng cho phép theo quy định của Nghị Định. Để thực hiện công tác truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng, Vườn chỉ có một cán bộ phụ trách. Tương tự như vậy cũng chỉ có một cán bộ phụ trách các hoạt động liên quan đến cộng đồng địa phương trong vùng đệm.

Ngoài ra, năng lực của đội ngũ cán bộ VQG PNKB hiện nay còn thấp, chưa đáp ứng các tiêu chuẩn theo yêu cầu để thực hiện công tác bảo vệ và bảo tồn VQG. Tại thời điểm viết kế hoạch Quản lý này, đánh giá nhu cầu đào tạo cho cán bộ vườn vẫn chưa được thực hiện, tuy nhiên, nhìn chung có khoảng 75% cán bộ kiểm lâm Vườn có năng lực trong công tác thực thi pháp luật trong khu bảo tồn, trong số đó có 15 % được đào tạo chính thức về các kỹ năng thực thi và các kỹ năng cơ bản trong thực thi pháp luật. Trang thiết bị phục vụ cho công tác thực thi pháp luật và công cụ hỗ trợ còn thiếu rất nhiều. Bên cạnh đó, có rất ít hoặc không có kinh phí cho hoạt động tuần tra dài ngày hoặc tuần tra định kỳ (VD: một vài lần trong 1 tháng).

Hầu như cán bộ Vườn còn thiếu các kỹ năng hoặc kiến thức liên quan đến bảo tồn, chẳng hạn như kỹ năng xác định các loài có giá trị bảo tồn, kỹ năng thực thi pháp luật đối với các loài hoang dã và kỹ năng xây dựng và áp dụng các chương trình giám sát và nghiên cứu. Đa số các cán bộ của Vườn đều thiếu năng lực cơ bản cần thiết để thực hiện hiệu quả công việc của họ, ví dụ như kỹ năng truyền thông, lập kế hoạch và viết báo cáo. Thiếu hụt về năng lực cho thấy thiếu kinh phí cho hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ và thiếu hoạt động xây dựng năng lực trong kế hoạch đầu tư cho Vườn giai đoạn 2001-2006. Những hạn chế này dẫn đến công tác bảo vệ và bảo tồn kém hiệu quả.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành liên quan

Các bên liên quan chủ chốt đến công tác bảo vệ và quản lý ở khu vực xung quanh VQG PNKB gồm có chính quyền huyện Bồ Trạch, Quảng Ninh và Minh Hoá, chính quyền các xã vùng đệm và các lâm trường Quốc doanh. Trong vài năm qua, Ban Quản lý VQG cũng nhận được sự hỗ trợ từ công an, bộ đội biên phòng và các Hạt Kiểm lâm huyện Bồ Trạch và Minh Hoá. Tuy nhiên, sự phối hợp này chỉ được thực hiện sau khi xảy ra các hoạt động khai thác trái phép lớn. Các hoạt động phối hợp liên quan đến thực thi pháp luật về bảo vệ rừng cần phải được tăng cường và thể chế hoá thông qua việc xây dựng quy chế phối hợp cụ thể giữa VQG và các bên liên quan, sau đó thực hiện nâng cao nhận thức cho các bên liên quan và các đơn vị quản lý rừng ở khu vực vùng đệm.

3.3 Sự cần thiết của Kế hoạch quản lý hoạt động

Điều khoản 108-109 của Hướng dẫn hoạt động đối với thực hiện Công Ước Di sản Thế giới đã chỉ rõ rằng “Mỗi một khu di sản đã được đề xuất phải có một kế hoạch quản lý thích hợp hoặc một hệ thống quản lý khác được cụ thể hóa mà chúng phải chỉ rõ Giá trị nổi bật toàn cầu của khu vực được bảo vệ tốt nhất bằng biện pháp với sự tham gia của các bên. Mục đích của một hệ thống quản lý là đảm bảo công tác bảo vệ hiệu quả giá trị di sản cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Theo Nghị Định 117 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng của Chính Phủ, Ban quản lý khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, 5 năm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác lập kế hoạch, dự toán, tài chính và phê duyệt. Nội dung chủ yếu của kế hoạch bao gồm: hoạt động tuyên truyền, quản lý rừng, bảo vệ rừng, xây dựng và phát triển rừng, sử dụng rừng, bảo tồn thiên nhiên, nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, cứu hộ động thực vật hoang dã, các hoạt động dịch vụ, kế hoạch quản lý, sử dụng lao động, đầu tư xây dựng, tài chính.

Thông tư 78, hướng dẫn chi tiết để thực hiện nghị định 117/2010/NĐ-CP cũng chỉ rõ:

Kế hoạch hoạt động của khu rừng đặc dụng phải thể hiện rõ mục tiêu, giải pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả về các lĩnh vực: bảo vệ, bảo tồn rừng, các hệ sinh thái rừng, biển, đất ngập nước; phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo tồn, giám sát đa dạng sinh học; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; cứu hộ và phát triển bền vững sinh vật; tổ chức thực hiện các dịch vụ môi trường rừng; phát triển du lịch sinh thái; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; thông tin, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng; đầu tư phát triển vùng đệm.

Chương 4: Phân khu chức năng, Mục Tiêu và Kế hoạch hoạt động của VQG PNKB đến năm 2020

4.1 Quy hoạch các phân khu chức năng

Diện tích và ranh giới của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Tổng diện tích của Vườn: 123.326 ha

Ranh giới hiện tại của Vườn Quốc Gia PNKB có những đặc trưng sau:

- Chứa đựng tất cả các giá trị nổi bật toàn cầu (đặc điểm tự nhiên và xã hội) của Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng;
- Đảm bảo bảo tồn tất cả các thuộc tính đa dạng sinh học và các hệ sinh thái trong Vườn và khu vực cảnh quan xung quanh;
- Đảm bảo bảo tồn và duy trì các giá trị địa chất và địa mạo của các hệ sinh thái (hệ thống hang động, sông suối bề mặt và ngầm trong và xung quanh Vườn);
- Kết nối bền vững bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của Khu vực núi đá vôi Vùng trung tâm Đông Dương và Dãy Trường Sơn giữa Việt Nam và Lào.

Các phân khu chức năng

Theo quy chế quản lý ba loại rừng, Chính phủ đã ban hành quyết định số 186/2006/QĐ-TTg và Nghị định số 117/2010/NĐ-CP về tổ chức và quản lý Rừng đặc dụng. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được quy hoạch thành ba phân khu chức năng khác nhau và được tóm tắt sau đây:

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có tổng diện tích là 123.326 ha. Vườn được quy hoạch thành 3 phân chức năng, mỗi phân khu có cơ chế quản lý khác nhau, bao gồm: Bốn Phân Khu Bảo vệ nghiêm ngặt, hai Phân Khu phục hồi sinh thái và một Phân Khu Hành chính dịch vụ (xem Phụ lục 2-Bản đồ Quy hoạch). Để thúc đẩy công tác quản lý và bảo vệ có hiệu quả hơn, Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt và Phục hồi sinh thái được phân chia thành các phân khu nhỏ khác nhau.

Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt

Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích là 100.296 ha, chiếm 81,32% tổng diện tích của Vườn. Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt được chia nhỏ thành 4 phân khu nhỏ để tiện cho công tác quản lý như sau:

- (a) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt I.
- (b) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt II.
- (c) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt III
- (d) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt IV

Bảng 4: Đề xuất Cơ chế Quản lý cho Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt

Hoạt động	Tác động có thể	Biện pháp quản lý
Khai thác gỗ trái phép	Phá vỡ cấu trúc rừng, làm mất sinh cảnh, mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Hầm than củi	Phá vỡ cấu trúc rừng, làm mất sinh cảnh, mất các loài động thực vật, ô nhiễm không khí và ô nhiễm đất đai	Nghiêm cấm
Chung cất dầu De	Suy thoái rừng, làm mất sinh cảnh, mất các loài thực vật, ảnh hưởng đến quá trình tái sinh tự nhiên	Nghiêm cấm
Khai khoáng	Mất rừng và mất sinh cảnh, gây ô nhiễm, mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Xây dựng đường giao thông, nhà cửa và cơ sở hạ tầng	Mất rừng và mất sinh cảnh, ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã, gây ô nhiễm	Nghiêm cấm
Săn bẫy động vật hoang dã	Làm mất các loài động vật, ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã	Nghiêm cấm
Sử dụng chất độc hoặc mìn để đánh bắt cá	Hủy diệt các loài động vật thủy sinh, gây ô nhiễm	Nghiêm cấm
Khai thác cây cảnh	Chưa biết nhưng có thể đe dọa quần thể các loài thực vật	Nghiêm cấm
Chăn thả gia súc	Ảnh hưởng đến quá trình tái sinh tự nhiên, sinh cảnh và động vật hoang dã	Nghiêm cấm
Đốt rừng	Làm mất rừng và sinh cảnh sống	Nghiêm cấm
Khai thác song mây	Làm mất sinh cảnh, ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã	Nghiêm cấm
Khai thác cây thuốc	mất các loài thực vật cây thuốc quý hiếm	Cho phép nhưng phải khai thác bền vững theo hướng dẫn trong báo cáo nghiên cứu về thực vật cây thuốc
Khai thác mật ong	Nguy cơ cháy rừng	Cho phép nhưng phải nâng cao nhận thức cho người dân địa phương
Phát triển du lịch	Làm mất sinh cảnh và ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã	Cho phép xây dựng đường mòn/ đường đi bộ, khu vực nghỉ ngơi và các biện pháp chỉ dẫn phục công tác tuần tra và du lịch.

Theo: (i) Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 14/8/2006; (ii) Quyết định số 18/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 16/08/2007 ban hành quy chế quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng;

Phân khu Phục hồi sinh thái

Phân khu Phục hồi sinh thái có diện tích là 19.619 ha, chiếm 16,00% tổng diện tích của Vườn. Mục đích của Phân khu Phục hồi sinh thái là khôi phục diện tích rừng đã bị suy thoái theo điều kiện tự nhiên thông qua quá trình phục hồi tự nhiên hoặc có sự hỗ trợ, nhằm làm tăng tổng diện tích sinh cảnh sống cho quần thể các loài động vật hoang dã. Cơ chế quản lý cho phép thực hiện một số hoạt động phù hợp với mục tiêu quản lý đã được quy định theo các văn bản pháp lý (Bảng 5).

Bảng 5: Đề xuất cơ chế Quản lý Phân khu Phục hồi sinh thái

Hoạt động	Tác động có thể	Biện pháp quản lý
Khai thác gỗ trái phép	Phá vỡ cấu trúc rừng, mất sinh cảnh, làm biến mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Chung cất dầu De	Làm suy thoái rừng, Làm mất sinh cảnh, làm biến mất các loài thực vật, ảnh hưởng đến quá trình tái sinh tự nhiên	Nghiêm cấm
Trồng rừng với các loại ngoại lai	Làm mất sinh cảnh, làm biến mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Săn bắt động vật hoang dã	Làm mất các loài động vật, ảnh hưởng đến sinh cảnh sống	Nghiêm cấm
Khai khoáng	Làm mất rừng và sinh cảnh sống, gây ô nhiễm, làm biến mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Xây dựng đường giao thông, nhà cửa, cơ sở hạ tầng khác	Làm mất rừng và sinh cảnh sống, ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã, gây ô nhiễm	Nghiêm cấm
Chăn thả gia súc	ảnh hưởng đến quá trình tái sinh tự nhiên, sinh cảnh sống và các loài động vật hoang dã	Nghiêm cấm
Đốt rừng	Làm mất rừng và sinh cảnh sống	Nghiêm cấm
Chuyển đổi đất rừng thành đất trồng trọt	Phá huỷ rừng và sinh cảnh sống, làm biến mất các loài động thực vật	Nghiêm cấm
Khai thác mật ong	Nguy cơ cháy rừng	Cho phép
Khai thác lâm sản ngoài gỗ	Khai thác bừa bãi có thể làm biến mất các loài thực vật và mất sinh cảnh	Hạn chế và theo quy định
Trồng rừng với các loài cây bản địa ở phương	Mở rộng sinh cảnh sống, duy trì đa dạng sinh học	Khuyến khích
Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng	Bảo vệ sinh cảnh sống, duy trì đa dạng sinh học	Khuyến khích
Phát triển du lịch	Làm mất sinh cảnh và ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã	Cho phép xây dựng đường giao thông và cơ sở hạ tầng nhằm bảo vệ và phát triển rừng cũng như phục vụ du lịch và các dịch vụ.

Theo: (i) Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 14/8/2006; (ii) Quyết định số 18/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 16/08/2007 ban hành quy chế quản lý Vườn Quốc gia PNKB;

Phân khu Hành chính dịch vụ

Phân khu Hành chính dịch vụ gồm có Trụ sở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở xã Sơn Trạch. Phân khu này nằm ngoài Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt và Phục hồi sinh thái và có diện tích là 3.411 ha.

Vùng đệm

Tổng diện tích Vùng đệm (ngoài) là 220.269 ha, là diện tích tự nhiên của 13 xã trừ đi diện tích của VQG (123.326 ha). Khu vực vùng đệm của Vườn đã được đề xuất và quy hoạch thành hai khu vực vùng đệm: vùng đệm bên ngoài và vùng đệm bên trong.

Vùng đệm bên ngoài

Tổng diện tích của Vùng đệm ngoài bao gồm diện tích còn lại hoặc toàn bộ của 13 xã là 220.269 ha. Khu vực vùng đệm sẽ được quy hoạch theo luật pháp và các quy chế của nhà

nước: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2003), các quy định của Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg và Nghị định số 117/2010/NĐ-CP.

Vùng đệm bên trong

Bản Đòng và Bản Arem là hai bản thuộc xã Tân Trạch nằm trong ranh giới Vườn. Trong hai bản này, Bản Arem đang được đề xuất là vùng đệm bên trong. Hiện tại, bản Arem có tổng số 79 hộ với 307 nhân khẩu. Theo quy hoạch đề xuất này, tổng diện tích 200 ha đất tự nhiên sẽ được quy hoạch cho bản Arem, trong đó 50 ha là đất ở và 150 ha là đất trồng rừng, cây bụi và đất nông nghiệp (Quy hoạch mở rộng VQG PNKB, 2012). Cũng theo quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng đệm VQG PNKB chuyển 07 hộ đang ở Bản Đòng về bản Ploang xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh.

4.2 Các mục tiêu và chương trình hành động

Mục tiêu tổng thể

Mục tiêu tổng thể của VQG PNKB là nhằm đảm bảo quản lý và bảo tồn bền vững các đặc điểm địa chất và địa mạo của DSTG, đồng thời bảo tồn các quá trình sinh thái và hệ động thực vật bị đe dọa toàn cầu của khu di sản. Phát triển du lịch sinh thái bền vững dựa vào các giá trị nổi bật toàn cầu của khu vực nhằm nâng cao các lợi ích kinh tế và mang đến sự thịnh vượng cho cộng đồng địa phương cũng như cho tỉnh Quảng Bình.

4.3 Mục tiêu quản lý và các hoạt động

Các mục tiêu quản lý và các hoạt động của Vườn giai đoạn 2013 đến 2020 được xây dựng trên cơ sở đánh giá và phân tích những thách thức và các mối đe dọa đối với vườn nhằm quản lý, bảo vệ và bảo tồn những Giá trị di sản thế giới nổi bật toàn cầu của khu vực.

Kế hoạch Quản lý Hoạt động 8 năm được gộp lại trong 7 chương trình và dưới mỗi chương trình là các hoạt động để đạt được Mục tiêu của mỗi Chương trình.

4.3.1 Chương trình Bảo vệ và bảo tồn

Mục tiêu:

Bảo tồn nguyên vẹn các giá trị di sản thế giới nổi bật toàn cầu đã được UNESCO công nhận của VQG PNKB [tiêu chí (viii) đã được công nhận, hai tiêu chí (ix) và (x) – hiện vườn đang đề xuất xin công nhận] thông qua hoàn tất quá trình mở rộng vườn và thực thi pháp luật có hiệu quả nhằm ngăn chặn các hoạt động săn bắn động vật hoang dã và khai thác gỗ trái phép.

Các hoạt động:

- Tổ chức hội thảo công bố ranh giới khu vực mở rộng của Vườn sau khi được tỉnh thẩm định về quy mô VQG.
- Cắm mốc ranh giới khu vực mở rộng và nâng cấp các cột mốc ranh giới cũ nếu cần thiết.
- Tăng cường thực thi pháp luật nhằm giảm thiểu và ngăn chặn các hoạt động trái pháp luật (săn bắn động vật hoang dã, khai thác gỗ và LSNG trái phép).
- Xây dựng quy chế và quản lý theo quy chế trong công tác QLTVR và Bảo Tồn đa dạng sinh học.
- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Vườn với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện và các lực lượng vũ trang (công an, bộ đội biên phòng) trong khu vực.
- Thực hiện cơ chế phối hợp.

- Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn, quy chế và thoả thuận với thôn/ bản, cam kết bảo vệ rừng của người dân địa phương.
- Hỗ trợ xây dựng và ký các cam kết với các nhà hàng ở địa phương về không sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã.
- Xây dựng mạng lưới thông tin ở các thôn, bản nhằm hỗ trợ việc thực thi pháp luật.
- Thực hiện quy hoạch vùng đệm trong đối với xã Tân Trạch (xác định rõ ranh giới giữa Vườn và thôn A Rem, xã Tân Trạch)
- Định vị các biển chỉ dẫn/ biển báo, bảng nội quy trong và xung quanh Vườn.
- Kiện toàn BCH các vấn đề cấp bách trong BVR và PCCCR, các tổ đội BVR, PCCCR và nâng cao năng lực PCCCR
- Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng: các trạm kiểm lâm của vườn như đã đề xuất trong dự án Vùng PNKB của KfW (Trạm 39, đường 20 và Trạm Hóa Sơn)
- Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng: Vườn Thực vật
- Gây trồng, chăm sóc làm giàu rừng, phục hồi hệ sinh thái rừng ở khu vực đất trống, rừng nghèo kiệt thuộc phân khu phục hồi sinh thái...
- Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật rừng nhằm duy trì ĐDSH đặc biệt là các loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

4.3.2 Chương trình du lịch sinh thái bền vững

Mục tiêu:

Du lịch sinh thái được phát triển bền vững đảm bảo bảo tồn và phát triển các giá trị nổi bật của khu DSTG PNKB theo Tài liệu hướng dẫn của UNESCO về công tác Quản lý Hang động trong hoạt động du lịch sinh thái.

Các hoạt động:

- Xây dựng và thực hiện chương trình quản lý và giám sát du lịch sinh thái
- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ đối với các địa điểm du lịch như Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha
- Thực hiện điều tra giám sát Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha
- Tu bổ và nâng cấp Trung tâm Du khách Phong Nha
- Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ tại Hang Tám cô.
- Phát triển sản phẩm du lịch dưới nước ở VQG PNKB/ vùng đệm
- Phát triển ý tưởng du lịch Vườn Thực vật
- Phát triển ý tưởng hoạt động du lịch ở Thung Tre
- Phát triển ý tưởng du lịch khu vực Rừng Gáo
- Phát triển ý tưởng du lịch Đỉnh U Bò
- Xây dựng chương trình giám sát và quản lý Du lịch
- Xây dựng tài liệu diễn giải thông tin cho Trung tâm Du khách Phong Nha
- Xây dựng kế hoạch diễn giải cho từng điểm du lịch và thông tin chi tiết riêng cho các điểm du lịch ưu tiên
- Xây dựng Quy hoạch phát triển du lịch bền vững cho Vườn hướng đến cổ phần hoá Trung tâm Du lịch của Vườn theo Quyết định số 24/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 1/6/2012.

4.3.3 Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng

Mục tiêu:

Xây dựng chiến lược và chương trình nâng cao nhận thức nhằm vào tất cả các đối tượng bao gồm cả học sinh các trường phổ thông và những người ra quyết định ở tất cả các cấp thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường cho người vùng đệm.

Các hoạt động:

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông và nâng cao nhận thức
- Duy trì, thành lập và tổ chức hoạt động cho các câu lạc bộ bảo tồn ở 13 xã (50 Câu lạc bộ bảo tồn thôn bản)
- Xây dựng, thiết kế, in ấn và phổ biến các tài liệu truyền thông (áp phích, tờ rơi, tập gấp)
- Xây dựng biểu tượng cho vườn
- Nâng cấp trang web của Vườn
- Bảo trì trang web của Vườn
- Tổ chức các cuộc họp thôn, bản (157 thôn/bản)
- Phim ảnh, tài liệu nghe nhìn (CD, VCD)
- Chương trình truyền thanh ở cấp xã và cấp tỉnh
- Tổ chức và thực hiện truyền thông trong nhà trường ở vùng đệm
- Tổ chức các sự kiện truyền thông cùng với Ngành du lịch của tỉnh

4.3.4 Chương trình nghiên cứu và giám sát Đa dạng sinh học

Mục tiêu:

Nâng cao kiến thức và thông tin về đa dạng sinh học của Vườn thông qua các kết quả của các đợt khảo sát, nghiên cứu và giám sát

Các hoạt động:

- Xây dựng chương trình giám sát đa dạng sinh học, tập huấn và thử nghiệm chương trình
- Thực hiện chương trình giám sát đối với các loài chủ chốt: linh trưởng, các loài thú móng guốc và các loài chim có vùng phân bố hẹp.
- Tiến hành điều tra khảo sát đa dạng sinh học trong hang động và khu hệ cá ở hệ thống hang động của Vườn
- Xây dựng các kế hoạch hành động cho các loài/ nhóm loài chủ chốt: các loài thú lớn, linh trưởng và các loài chim có vùng phân bố hẹp.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu cho Vườn, áp dụng phần mềm MIST để quản lý và giám sát.
- Nghiên cứu sâu về địa chất và địa mạo của hệ thống hang động
- Nghiên cứu về các loài LSNG, trong đó có các loài cây thuốc
- Nghiên cứu về các loài ngoại lai xâm hại và xây dựng các biện pháp ngăn chặn

4.3.5 Chương trình nâng cao năng lực

Mục tiêu:

Nhằm cung cấp cho cán bộ, nhân viên của Vườn những kỹ năng chuyên môn và quản lý để quản lý, bảo vệ và bảo tồn hiệu quả khu di sản; cung cấp trang thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho Vườn nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình hoạt động đã đề ra trong Kế hoạch Quản lý Hoạt động.

Các hoạt động:

- Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng thực thi pháp luật như kỹ năng tuần tra, kỹ năng xử lý các vụ vi phạm pháp luật, kỹ năng sử dụng trang thiết bị và vũ khí thực thi pháp luật.
- Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng truyền thông (kỹ năng thuyết trình và thuyết minh, kỹ năng truyền thông, giao tiếp cộng đồng, v.v.v)
- Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng điều tra và giám sát đa dạng sinh học
- Tập huấn/ đào tạo về công tác quản lý du khách và đặc biệt là quản lý các hang động
- Tập huấn/ đào tạo các kỹ năng quản lý khu DSTG cho cán bộ/ nhân viên chủ chốt của Vườn theo tài liệu hướng dẫn của UNESCO
- Cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho công tác tuần tra và thực thi pháp luật cho cán bộ kiểm lâm (ví dụ, máy định vị toàn cầu (GPS), ống nhòm, máy chụp ảnh, máy quay phim...v.v)
- Tổ chức các khoá tập huấn về thông tin địa lý (GIS) và xây dựng các loại bản đồ chuyên đề .
- Tổ chức các khoá học tiếng Anh cho cán bộ vườn
- Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu trong nước cho cán bộ/ nhân viên của Vườn Quốc gia
- Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu ngoài nước cho cán bộ/ nhân viên của Vườn Quốc gia

4.3.6 Chương trình phát triển vùng đệm

Mục tiêu:

Thúc đẩy và hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển kinh tế hộ, huy động sự hỗ trợ và tham gia của người dân địa phương vào công tác bảo vệ các giá trị DSTG của Vườn và du lịch sinh thái bền vững nhằm giảm thiểu áp lực lên nguồn tài nguyên thiên nhiên trong Vườn.

Một số hoạt động (theo dự án kế hoạch phát triển vùng đệm):

Chương trình phát triển vùng đệm không phải là một phần của kế hoạch đầu tư cho VQG PNKB nhưng cần được Ban Quản lý Vườn phối hợp với các cơ quan ban ngành cấp tỉnh và cấp huyện xây dựng và thực hiện cùng với sự tham gia của Vườn. Tuy nhiên, cần kết hợp thực hiện chương trình phát triển vùng đệm với các chương trình quản lý Vườn. Ở khu vực vùng đệm của Vườn, Hợp phần GIZ đang xây dựng Quy hoạch Phát triển KTXH vùng đệm theo hướng bảo tồn đến năm 2020. Kế hoạch Quản lý Hoạt động này chỉ đưa vào một số các hoạt động đã xác định trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Vùng đệm hướng tới bảo tồn của hợp phần GIZ.

Các dự án ưu tiên trong chu kỳ kế hoạch này

- Phát triển các vườn cây ăn quả (858 ha)
- Hỗ trợ các mô hình trồng rau sạch (26 ha)
- Hỗ trợ các mô hình trồng sản phẩm năng suất cao (130 ha)
- Hỗ trợ các mô hình trồng ngô lai năng suất cao (316 ha)
- Trồng cây cao su (450 ha)
- Hỗ trợ trồng “rừng kinh tế” (cây keo *Acacia spp.*) (2982 ha)
- Trồng cây bản địa có giá trị cao (3612 ha)
- Hỗ trợ trồng rừng tre để lấy măng (274 ha)
- Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với bản A Rem
- Nghiên cứu khả thi về cơ chế chi trả dịch vụ sinh thái (PPES) để bổ sung nguồn vốn cho vườn và các thôn bản vùng đệm.

4.3.7 Chương trình hợp tác bảo tồn liên biên giới

Hiện tại chưa có quy chế phối hợp chính thức được ký kết giữa hai tỉnh của hai quốc gia nhưng nhiều hoạt động trao đổi và chia sẻ thông tin giữa hai vườn đã và đang thực hiện trong những năm qua.

Mục tiêu:

Nhằm tăng cường sự hợp tác liên biên giới để bảo tồn các giá trị cảnh quan và đa dạng sinh học nổi bật của Khu vực núi đá vôi trung tâm Đông Dương/ điểm nóng đa dạng sinh học toàn cầu, bảo tồn tính toàn vẹn, nguyên vẹn và kết nối giữa VQG PNKB và Khu Bảo tồn Thiên nhiên Quốc gia Hin Namno, Lào thông qua xây dựng cơ chế hợp tác bảo tồn liên biên giới.

Các hoạt động:

Xây dựng cơ chế phối hợp với Khu bảo tồn Đa dạng sinh học Quốc gia Hin Namno, Lào nhằm chia sẻ thông tin và thực hiện công tác bảo vệ rừng.

- Xây dựng quy chế phối hợp và ký kết bản quy chế phối hợp
- Thực hiện quy chế: điều tra, khảo sát, tuần tra, báo cáo, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, họp định kỳ, hội thảo, và tham quan học hỏi.

Chương 5: Tổ chức thực hiện Kế hoạch và giám sát đánh giá

5.1 Thực hiện Kế hoạch

Kế hoạch xây dựng theo phân kỳ quy hoạch của quốc gia cũng như của tỉnh đến năm 2020.

Kế hoạch xây dựng cho 8 năm và điểm khởi đầu của Kế hoạch này bắt đầu từ năm 2013.

Bảng 6: Kế hoạch thực hiện các hoạt động để đạt được các mục tiêu quản lý

Hoạt động	2013	2014	2015	2016	2017-2020
1. Chương trình Bảo vệ và bảo tồn					
Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược và Kế hoạch quản lý hoạt động	X				
Tổ chức hội thảo công bố ranh giới khu vực mở rộng của Vườn	X				
Cắm mốc ranh giới khu vực mở rộng và nâng cấp các cột mốc ranh giới nếu cần thiết		X	X	X	
Xây dựng quy chế và quản lý theo quy chế trong công tác QLBR và Bảo Tồn đa dạng sinh học.	X				
Tăng cường thực thi pháp luật nhằm giảm thiểu và ngăn chặn các hoạt động trái pháp luật (săn bắt động vật hoang dã, khai thác gỗ và LSNG trái phép)	X	X	X	X	X
Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Vườn với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện và các lực lượng vũ trang (công an và bộ đội) trong khu vực	X				
Thực hiện cơ chế phối hợp	X	X	X	X	X
Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn, quy chế và thỏa thuận với thôn, bản, cam kết bảo vệ rừng của người dân địa phương	X	X	X	X	X
Hỗ trợ xây dựng và ký các cam kết với các nhà hàng ở địa phương không bán các sản phẩm từ động vật hoang dã	X	X	X	X	X
Xây dựng mạng lưới thông tin ở các thôn, bản nhằm hỗ trợ thực thi pháp luật.	X	X	X	X	X
Thực hiện quy hoạch vùng đệm trong đối với xã Tân Trạch	X				
Định vị các biển chỉ dẫn/ biển báo, bảng nội quy/ quy định trong và xung quanh Vườn.		X	X	X	
Kiện toàn BCH các vấn đề cấp bách trong BVR và PCCCR, các tổ đội BVR, PCCCR và nâng cao năng lực PCCCR	X	X	X	X	X
Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng: các trạm kiểm lâm của vườn như đã đề xuất trong dự án Vùng PNKB của KfW (Trạm 39, đường 20 và Trám Hóa Sơn)	X	X			
Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng: Vườn Thực vật	X	X			
Gây trồng, chăm sóc làm giàu rừng, phục hồi hệ sinh thái rừng ở khu vực đất trống, rừng nghèo kiệt thuộc phân khu phục hồi sinh thái...	X	X	X	X	X
Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật rừng nhằm duy trì ĐDSH đặc biệt là các loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.	X	X	X	X	X

Hoạt động	2013	2014	2015	2016	2017-2020
2. Phát triển Du lịch bền vững (dựa trên cơ sở Kế hoạch Du lịch)					
Xây dựng và thực hiện chương trình quản lý và giám sát du lịch sinh thái	X	X	X	X	X
Xây dựng và thực hiện Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ đối với các địa điểm du lịch như Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha	X	X	X		
Thực hiện việc giám sát Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha	X	X	X	X	X
Tu bổ và nâng cấp Trung tâm Du khách Phong Nha	X	X	X	X	
Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ tại Hang Tám cô.	X				
Phát triển sản phẩm du lịch dưới nước ở VQG PNKB/ vùng đệm			X		
Phát triển ý tưởng du lịch Vườn Thực vật			X	X	
Phát triển ý tưởng hoạt động du lịch ở Thung lũng Tre			X	X	X
Phát triển ý tưởng du lịch Rừng Gáo			X	X	
Phát triển ý tưởng du lịch Đỉnh U Bò					X
Xây dựng tài liệu diễn giải thông tin cho Trung tâm Du khách Phong Nha	X	X	X	X	X
Xây dựng kế hoạch diễn giải cho các điểm cụ thể và tài liệu cụ thể cho các điểm du lịch ưu tiên	X	X			
3. Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức					
Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông và nâng cao nhận thức	X				
Duy trì, thành lập và tổ chức hoạt động cho các câu lạc bộ bảo tồn ở 13 xã (50 câu lạc bộ bảo tồn thôn bản)	X	X	X	X	X
Xây dựng, thiết kế, in ấn và phổ biến các tài liệu truyền thông (áp phích, tờ rơi, tập gấp)	X	X	X	X	X
Xây dựng biểu tượng cho vườn	X				
Nâng cấp trang web của Vườn	X				
Duy trì hoạt động trang web của Vườn	X	X	X	X	X
Tổ chức các cuộc họp thôn, bản (157 thôn)	X	X	X	X	X
Phim ảnh, tài liệu nghe nhìn (CD, VCD)	X	X	X	X	X
Chương trình truyền thanh ở cấp xã và cấp tỉnh	X	X	X	X	X
Tổ chức và thực hiện truyền thông trong nhà trường ở vùng đệm	X	X	X	X	X
Tổ chức các sự kiện truyền thông cùng với Ngành du lịch của tỉnh	X	X	X	X	X
4. Chương trình điều tra và giám sát đa dạng sinh học					
Xây dựng chương trình giám sát, tập huấn và thử nghiệm chương trình	X				
Thực hiện chương trình giám sát đối với các loài chủ chốt: linh trưởng, các loài thú móng guốc và các loài gà lôi.	X	X	X	X	X
Tiến hành điều tra khảo sát đa dạng sinh học trong hang động và khu hệ cá ở hệ thống hang động	X	X	X	X	X

Hoạt động	2013	2014	2015	2016	2017-2020
Xây dựng các kế hoạch hoạt động cho các loài/ nhóm loài chủ chốt: các loài thú lớn, linh trưởng và các loài chim có vùng phân bố hẹp.		X			
Xây dựng cơ sở dữ liệu cho Vườn, áp dụng phần mềm MIST để quản lý dữ liệu.	X				
Nghiên cứu sâu về địa chất và địa mạo của hệ thống hang động		X			
Nghiên cứu về LSNG, trong đó có cây thuốc			X	X	X
Nghiên cứu về các loài ngoại lai xâm hại và xây dựng các biện pháp ngăn chặn				X	X
5. Chương trình nâng cao năng lực					
Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng thực thi pháp luật như kỹ năng tuần tra, kỹ năng xử lý các vụ vi phạm pháp luật, kỹ năng sử dụng trang thiết bị và vũ khí thực thi, v.v.	X	X	X	X	X
Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng giáo dục truyền thông	X	X	X	X	X
Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng điều tra và giám sát đa dạng sinh học	X	X	X	X	X
Tập huấn/ đào tạo về công tác quản lý du khách và đặc biệt là quản lý các hang động	X	X			
Tập huấn/ đào tạo các kỹ năng quản lý khu DSTG cho cán bộ/ nhân viên chủ chốt của Vườn		X			
Cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho công tác tuần tra và thực thi pháp luật cho cán bộ kiểm lâm	X	X	X	X	X
Tổ chức các khóa tập huấn về GIS, lập bản đồ.	X	X			
Tổ chức các khóa học tiếng Anh	X	X	X	X	X
Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu trong nước cho cán bộ/ nhân viên của VQG	X	X	X	X	X
Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu ngoài nước cho cán bộ/ nhân viên của VQG	X	X	X	X	X
6. Chương trình vùng đệm (trên cơ sở Quy hoạch Phát triển vùng đệm)					
Phát triển các vườn cây ăn quả (858 ha)	X	X	X	X	X
Hỗ trợ các mô hình trồng rau sạch (26 ha)	X	X	X	X	X
Hỗ trợ các mô hình trồng sản năng suất cao (130 ha)	X	X	X	X	X
Hỗ trợ các mô hình trồng ngô lai năng suất cao (316 ha)	X	X	X	X	X
Trồng cây cao su (450 ha)	X	X	X	X	X
Hỗ trợ trồng “rừng kinh tế” (các loài keo Acacia spp.) (2982 ha)	X	X	X	X	X
Trồng cây bản địa có giá trị cao (3612 ha)	X	X	X	X	X
Hỗ trợ trồng tre để lấy măng (274 ha)	X	X	X	X	X
Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với bản A Rem	X	X	X	X	X
Nghiên cứu khả thi về cơ chế chi trả dịch vụ sinh thái (PPES) để bổ sung nguồn vốn cho vườn và các thôn bản vùng đệm	X				
7. Hợp tác liên biên giới với Khu bảo tồn Đa dạng sinh học Quốc gia Hin Namno, Lào					
Xây dựng quy chế phối hợp và ký kết	X				
Thực hiện quy chế phối hợp	X	X	X	X	X

5.2 Giám sát và Đánh giá

Giám sát hiệu quả của các hoạt động quản lý là rất quan trọng, cung cấp thông tin cần thiết cho việc giám sát sự thành công của công tác quản lý và điều chỉnh công tác quản lý khi cần thiết. Hoạt động giám sát dựa vào việc tự đánh giá mang tính chất chủ quan, sử dụng các bộ công cụ sẵn có khác nhau đồng thời dựa vào việc giám sát theo chỉ số trên thực địa.

- Giám sát hiệu quả quản lý: Cán bộ Vườn sẽ tiến hành lại đợt đánh giá Hiệu quả quản lý (METT) trong năm 2008 và 2012, sử dụng công cụ giống nhau đã được sử dụng trước đây nhằm đảm bảo sự so sánh và cho phép đánh giá tiến độ. Ngoài ra, Vườn sẽ bắt đầu áp dụng tài liệu Cải tiến Bộ công cụ Di sản của chúng ta, áp dụng bộ khung của Ủy ban Thế giới về các Khu Bảo tồn IUCN để xây dựng các công cụ đánh giá chi tiết hơn cho các cơ quan quản lý các khu Di sản Thiên nhiên Thế giới. Bộ công cụ này sẽ được sử dụng để xây dựng cơ chế toàn diện nhằm đánh giá hiệu quả của công tác quản lý.
- Giám sát giảm thiểu môi đe dọa: Cán bộ Vườn sẽ tiến hành Đánh giá Giảm thiểu Môi đe dọa có sự tham gia, so sánh với kết quả của cuộc đánh giá cơ sở đã thực hiện trong năm 2012 cũng sử dụng các phương thức giám sát giống nhau nhằm cải thiện khả năng so sánh, đối chiếu.
- Giám sát du lịch: Quá trình đề cử DSTG yêu cầu đánh giá hoạt động du lịch; trong đó có đánh giá số lượng và xu hướng khách thăm quan, và cơ sở vật chất và các dịch vụ phục vụ khách thăm quan như diễn giải/ giải thích, cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú và các hoạt động cứu hộ. Mẫu Báo cáo Định kỳ của UNESCO yêu cầu có các thông tin về những nội dung này và bao gồm đánh giá cơ sở vật chất phục vụ du lịch và năng lực quản lý du lịch.
- Giám sát tác động giảm thiểu tình trạng săn bắn động vật của Hoạt động Quản lý: Giám sát Voọc Hà Tĩnh và Voọc Chân xám theo phương pháp tuyến. Tiến hành điều tra, khảo sát định kỳ theo các tuyến cố định (đã áp dụng từ năm 2000-2003). Giám sát quần thể loài vượn bằng phương pháp tiếng hót theo điểm cố định: Nghe tiếng hót của Vượn vào buổi sáng sớm (4h.30 – 5h.00 vào mùa hè, 6h.00 – 7h.00 vào mùa đông). Tiến hành sử dụng bẫy ảnh (đối với Voọc Hà Tĩnh). Đặt bẫy ảnh trong hang. Đếm số lượng bẫy trên một diện tích cố định và trong suốt quá trình tuần tra. Quan sát các loài thú móng guốc (Bò tót, nai, mang lớn) trong quá trình tuần tra theo số lượng/km (Chỉ số phong phú trên km (IKA). Hệ thống thông tin quản lý (MIST) sử dụng ở Uganda và Cam-pu-chia⁴ sẽ được giới thiệu như một công cụ giúp tổng hợp số liệu cán bộ tuần tra thu thập được và xử lý thành các thông tin hữu ích cho cán bộ quản lý Vườn.
- Giám sát tác động giảm thiểu tình trạng khai thác gỗ trái phép của Hoạt động Quản lý: tiến hành điều tra tài nguyên rừng ở các ô tiêu chuẩn cố định trong nhiều lần và thông qua giải đoán ảnh vệ tinh. Cán bộ tuần tra sẽ đếm số gốc cây vừa mới bị chặt trong lúc tuần tra trên tuyến và ô giám sát được thiết kế (ô định vị và tuyến cố định). Cán bộ nghiên cứu sẽ theo dõi số cây có giá trị cao còn sót lại trong một khu vực cố định, nhập và lưu trữ an toàn tất cả các số liệu vào máy vi tính..
- Khai thác LSNG: Điều tra trữ lượng các loài LSNG có giá trị cao ở các khu vực ưu tiên thuộc các lô cố định. Phỏng vấn các đối tượng khai thác (điều tra nhóm có trọng tâm) nhằm theo dõi số lượng khai thác trong từng đợt khai thác.

⁴ Dự án Quản lý Đa dạng sinh học và Khu Bảo tồn (BPAMP) (2006) Thu thập số liệu theo vùng, Tài liệu hướng dẫn tham khảo và Tài liệu Tập huấn cho cán bộ Khu bảo tồn ở Cam-pu-chia. Phòng Bảo tồn và Bảo vệ Thiên nhiên, Bộ Môi trường, Cam-pu-chia

- Sử dụng gõ cùi : Điều tra việc sử dụng cùi ở các hộ gia đình theo phương pháp điều tra mẫu ở các thôn/bản chủ chốt.
- Tác động du lịch: Ô nhiễm nguồn nước. Số liệu đo lường hoá học và vật lý (đối với khí oxi hoà tan, nhiệt độ nước, chất rắn lơ lửng, vi khuẩn), sự hiện diện và mức độ phong phú của các loài nhạy cảm có khả năng chịu đựng ô nhiễm thấp. Tại các dòng suối (Nước Mọc), hồ sục và trong các hang động mở cửa phục vụ du khách: Tiến hành đo lường chất thải rắn nằm ngoài thùng rác theo định kỳ (kg/người/điểm/ngày). Ô nhiễm tiếng ồn: dB meter. Tác động của ô nhiễm ánh sáng (loài tảo).
- Giám sát các tác động du lịch trong hang động: Giám sát điều kiện khí hậu trong hang động có khả năng trở thành nội dung bảo tồn tài nguyên quan trọng nhất của nhiều hang động. Phương pháp dùng các thiết bị đo tự động sẽ được lắp đặt trong các hang động chính nhằm thu thập số liệu về nhiệt độ không khí, độ ẩm, luồng không khí... Việc giám sát nồng độ khí CO₂ ở một số khu vực nằm sâu khép kín trong hang động có thể cần được tiến hành. Giám sát bằng phương pháp chụp ảnh tại các điểm cố định cũng có thể sử dụng nhằm theo dõi các thiệt hại lên thạch nhũ do đứt gãy, các loài tảo phát triển và tác động từ những thay đổi của điều kiện tiểu khí hậu
- Tác động của cơ sở hạ tầng: Đánh giá số lượng và phạm vi các công trình xây dựng kiên cố. Đánh giá lượng đất đá đào đắp. Số lượng xe tải đi vào khu vực Vườn trong quá trình xây dựng. Số vụ vi phạm tại các khu vực thi công.
- Các loài ngoại lai xâm hại: Điều tra các loài ngoại lai (Lang rừng, Sắn dây rừng, Lau sậy, Trinh nữ, Mai Dương) ở các ô cố định tại các khu vực chủ chốt có nhiều các loài ngoại lai (các thôn/bản: Chà Nòi, Đoòng, Đường Hồ Chí Minh Tây, Đường 20).

Chương 6: Khái toán nguồn ngân sách

6.1 Cơ sở phân bổ ngân sách

- Dựa trên các hoạt động hoặc hành động đã được xác định để giải quyết các mối đe dọa được xác định trong Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn cho VQG Phong Nha - Kẻ Bàng vào tháng 5 và 6 năm 2012;
- Các hoạt động đã được xác định với sự tham gia của Nhóm lập kế hoạch quản lý nhằm đáp ứng các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch quản lý này;
- Phân bổ ngân sách phù hợp với các tài liệu pháp lý của Chính phủ, Bộ NNPTNT, các tài liệu liên Bộ và của UBND tỉnh Quảng Bình cũng như theo định mức về các dịch vụ tư vấn của châu Âu.
- Phân bổ nguồn ngân sách theo Dự án vùng PNKB đã được phê duyệt cho các hạng mục trùng nhau trong Kế hoạch quản lý này

6.2 Tóm tắt phân bổ ngân sách

Ngân sách cho Kế hoạch Quản lý Hoạt động được phân chia thành hai phần theo từng hoạt động như sau:

- Nguồn ngân sách yêu cầu cho VQG Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2013 – 2020 từ ngân sách nhà nước (Chính phủ và tỉnh Quảng Bình);
- Nguồn ngân sách đã được phê duyệt của dự án “*Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng*”

Tóm tắt ngân sách đối với mỗi chương trình thực hiện cho VQG PNKB từ 2013 đến 2020

Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu đầu tư cho VQGPNKB giai đoạn 2013-2020

	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020
VNĐ (ĐV: triệu đồng) chia ra	257,946	49,641	42,972	33,059	32,335	99,939
<i>Đầu tư cho các hoạt động theo chương trình</i>	87,066	28,281	21,612	11,699	10,975	14,499
<i>Chi phí thường xuyên*</i>	170,880	21,360	21,360	21,360	21,360	85,440
EUR (1/27.000VNĐ)	9,553,545	1,838,540	1,591,557	1,224,409	1,197,608	3,701,428

Ghi chú: * Chi thường xuyên cho Ban Quản lý tạm tính theo phân bổ biên chế năm 2013 với 356 cán bộ viên chức và hợp đồng.

Trong đó Ngân sách đầu tư được tách thành hai nguồn:

1. Nguồn ngân sách trong dự án Vùng PNKB đã được phê duyệt ở Bảng 8
2. Nguồn ngân sách yêu cầu tỉnh phê duyệt (chủ yếu là khoản chi thường xuyên cho VQGPNKB giai đoạn 2013-2020). Xem bảng 9.

Ngoài ra ngân sách đầu tư cho Vùng đệm dựa theo dự án: Phát triển kinh tế xã hội vùng đệm theo hướng bảo tồn chưa được phê duyệt ở Bảng 10.

Bảng 8: Tổng hợp ngân sách đã được phê duyệt trong dự án Vùng PNKB theo chương trình

Chương trình	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020
1. Bảo vệ và bảo tồn	995,867	471,557	153,822	119,722	119,722	131,044
2. Phát triển Du lịch bền vững (trên cơ sở Kế hoạch Du lịch)	295,000	128,750	103,750	43,750	18,750	
3. Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức	472,000	125,000	92,600	82,600	82,600	89,200
4. Chương trình điều tra và giám sát đa dạng sinh học	626,233	94,185	148,048	64,000	64,000	256,000
5. Nâng cao năng lực	720,593	202,345	287,745	108,745	106,944	14,814
6. Hợp tác liên biên giới với Khu bảo tồn Đa dạng sinh học Quốc gia Hìn Namno, Lào	12,000	3,000	3,000	3,000	3,000	
Tổng cộng (EUR)	3,121,693	1,024,837	788,965	421,817	395,016	491,058
Tổng cộng (VND; ĐV Triệu đồng)	84,286	27,671	21,302	11,389	10,665	13,259

Ghi chú: Xem chi tiết từng hoạt động trong mỗi chương trình ở biểu phụ lục 1 kinh phí và tham khảo tiến độ giải ngân của dự án KfW ở Phụ biểu trong phần phụ lục kinh phí.

Bảng 9: Dự toán ngân sách cho VQG yêu cầu UBND tỉnh phê duyệt

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020
Kiện toàn BCH các vấn đề cấp bách trong BVR và PCCCR, các tổ đội BVR, PCCCR và nâng cao năng lực PCCCR	2,080	260	260	260	260	1,040
3. Chương trình điều tra và giám sát đa dạng sinh học						
Thực hiện chương trình giám sát đối với các loài chủ chốt: linh trưởng, các loài thú móng guốc và các loài gà lôi.	13,824	1,728	1,728	1,728	1,728	6,912
Tổ chức các khoá học tiếng Anh	400	50	50	50	50	200
5. Chi thường xuyên cho VQG						
Chi thường xuyên cho VQG cho 356 cán bộ, công nhân viên giai đoạn 2013-2020 (tại thời điểm 2013)*	170,880	21,360	21,360	21,360	21,360	85,440
Tổng (VND; 1 triệu đồng)	187,184	23,398	23,398	23,398	23,398	93,592
Tổng (EUR, 27,000VND/1 EUR)	69,327,407	866,593	866,593	866,593	866,593	3,466,370

Ghi chú: * Số lượng cán bộ nhân viên dựa theo biên chế phân bổ của Nội Vụ năm 2013 theo Quyết định 121/QĐ-SNV Ngày 19/02/2013 của Sở Ngoại Vụ.

Bảng 10: Ngân sách cho Dự án Vùng đệm theo KHPTKTXH Vùng đệm theo hướng bảo tồn đến năm 2020 chưa được phê duyệt

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN và kêu gọi Quốc tế
Nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển KTXH vùng đệm giai đoạn 2013-2020	3,519 Tỷ VND						X
Các hoạt động ưu tiên liên quan đến vùng đệm							
Hỗ trợ trồng “rừng kinh tế” (các loài keo Acacia spp.) (2982 ha)	23,539.0	2,942	2,942	3,564	3,564	14,256	X
Trồng cây bản địa có giá trị cao (3612 ha)	32,508.0	4,064	4,064	4,064	4,064	16,256	X
Hỗ trợ trồng tre để lấy măng (274 ha)	2,192.0	274	274	274	274	1,096	X
Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với bản A Rem	800	100	100	100	100	400	X
Hỗ trợ các thôn bản vùng đệm theo QĐ 24 của Chính Phủ	50,240	6,280	6,280	6,280	6,280	25,120	X
Nghiên cứu khả thi về cơ chế chi trả dịch vụ sinh thái (PES) để bổ sung nguồn vốn cho vườn và các thôn bản vùng đệm*	300	300					X
Tổng VND (ĐV: Triệu đồng)	109,579	13,960	13,660	14,282	14,282	57,128	

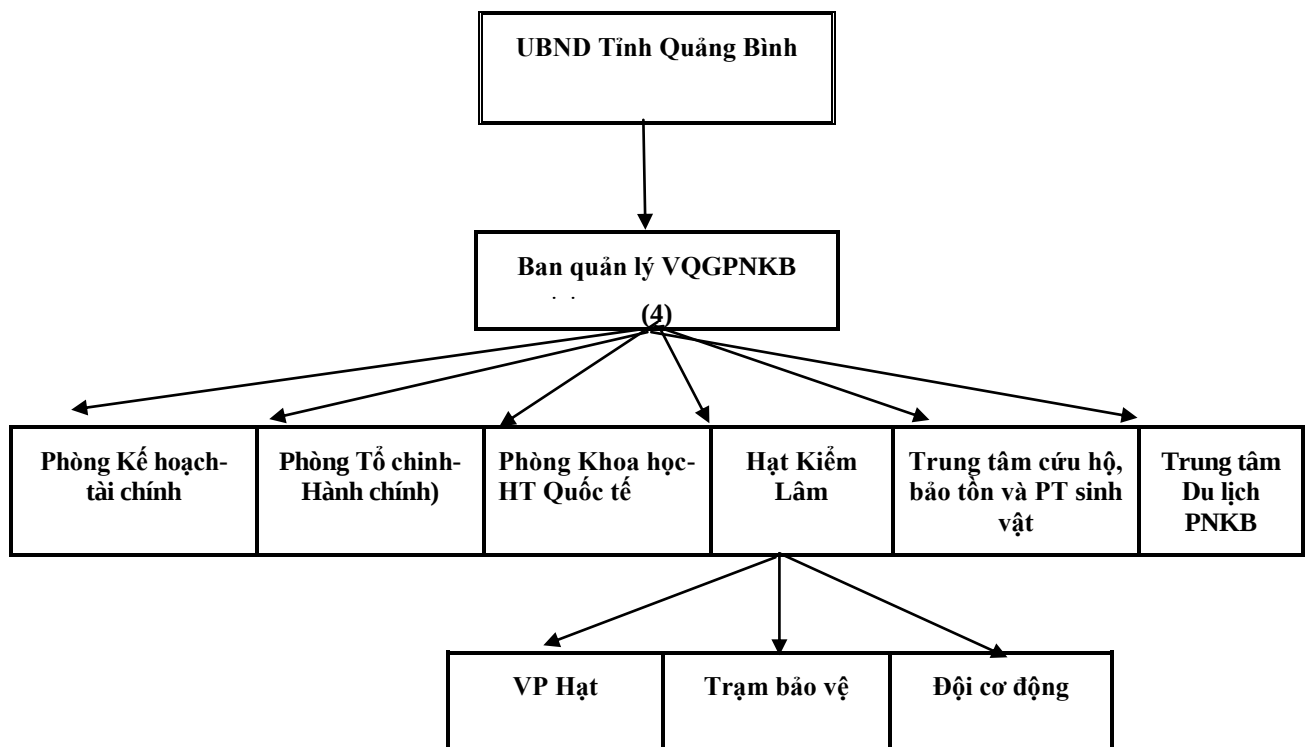
Ghi chú: Xem chi tiết từng hoạt động trong mỗi chương trình ở biểu phụ lục kinh phí (1).

**= Chi trả dịch vụ môi trường đề xuất sẽ đầu tư cho cộng đồng địa phương ở Vùng đệm thông qua hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng hoặc tuần tra rừng cùng với kiểm lâm vườn.*

Chương 7: Tổ chức bộ máy Quản lý và các bên liên quan

7.1 Sơ đồ bộ máy tổ chức VQG Phong Nha-Kẻ Bàng

Bộ máy tổ chức của Vườn Quốc Gia Phong Nha-Kẻ Bàng
Theo Quyết định Số: 36/2012/QĐ-UBND ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012



7.2 Tổ chức nhân sự

Tổng số cán bộ, công nhân viên chức phân bổ cho các phòng ban chức năng của Vườn hiện tại (2013) là 356 biên chế.

- Ban Quản lý VQG: Một Giám đốc và không quá 3 Phó Giám Đốc và 3 Phòng chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc
 - Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế
 - Phòng Tổ chức - Hành chính
 - Phòng Kế hoạch – Tài chính:

Các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng

- Hạt Kiểm lâm: Hiện tại (2013) là 129 biên chế, trong đó sự nghiệp 125, HĐ theo 68 là 4. Đến năm 2020 sẽ là 254 biên chế theo ND 117 của Chính Phủ.
- Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và phát triển sinh vật: 32 người (biên chế năm 2013)
- Trung tâm Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng: 137 người (hiện đang rà soát lại).

Ghi chú: Chức năng và nhiệm vụ xem chi tiết trong Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND, Ngày 28/12/2012 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình.

7.3 Các bên liên quan đến Kế hoạch quản lý hoạt động

7.3.1 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình là cơ quan phê duyệt Kế hoạch hàng năm, 5 năm cho vườn quốc gia, phân bổ kinh phí và cấp kinh phí hoạt động hàng năm cho VQG.

7.3.2 Vườn Quốc Gia Phong Nha-Kẻ Bàng

Ban quản lý VQG

Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, chịu trách nhiệm quản lý về tài chính, tài sản, nhân sự của VQG; VQG PNKB là chủ Đầu tư trong Kế hoạch hoạt động của Vườn

Các đơn vị trực thuộc

Trung tâm Du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng: là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động (tự chủ theo Nghị định 43) và sự nghiệp công ích (Ban quản lý Đền tưởng niệm các Anh Hùng Liệt Sĩ (AHLS) đường 20 Quyết Thắng).

Hạt Kiểm lâm: là đơn vị hành chính dưới sự quản lý trực tiếp của Giám đốc VQG Phong Nha – Kẻ Bàng kiêm Hạt trưởng; Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng quản lý về mặt tổ chức, nhân sự. Về chuyên môn chịu sự chỉ đạo của Chi cục kiểm lâm tỉnh.

Trung tâm, Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật: là đơn vị sự nghiệp, Ban quản lý VQG chỉ đạo, quản lý toàn bộ các hoạt động của Trung tâm.

Các Phòng trực thuộc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quy định dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo Ban quản lý VQG.

7.3.3 Dự án Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng

+ Hợp phần KfW: Đầu tư cho các hoạt động đã chỉ ra trong kế hoạch này cùng với nguồn kinh phí đã được Phê duyệt của dự án Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng cần phải tiếp tục được giải ngân theo hai cách: (1) Thông qua các gói thầu tư vấn được dự án tuyển chọn; (2) Đầu tư trực tiếp cho vườn. Ví dụ như Xây dựng các trạm bảo vệ rừng; Cung cấp trang thiết bị nghiên cứu và thực địa; Bổ sung kinh phí cho Chương trình tuần tra, giám sát vvv.

+ Hợp phần GIZ: Tiếp tục cung cấp kỹ thuật để xây dựng các mô hình phát triển kinh tế xã hội trong vùng đệm để hợp phần KfW đầu tư theo các hạng mục trong dự án Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng đã phê duyệt.

7.3.4 Các Sở, Ban Ngành ở cấp tỉnh

Sở Kế hoạch và đầu tư: Thẩm định kế hoạch và các hạng mục đầu tư Trong kế hoạch quản lý để UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Tài Chính: Thẩm định kế hoạch và các hạng mục đầu tư Trong kế hoạch quản lý để UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thẩm định về quy hoạch và kế hoạch quản lý VQG để UBND tỉnh phê duyệt. Chi cục Kiểm lâm chỉ đạo, quản lý về nghiệp vụ BVR, PCCCR, thanh tra, kiểm tra, tập huấn nghiệp vụ cho Kiểm lâm Phong Nha và điều động lực lượng trong trường hợp cần thiết phù hợp với nội dung công văn số 2226/BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v kiện toàn tổ chức, hoạt động lực lượng Kiểm lâm địa phương.

Sở Tài Nguyên và Môi Trường: Thẩm định về quy hoạch VQG để UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thẩm định các dự án phát triển Du lịch trong VQG và Vùng đệm của VQG để UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định các đề tài khoa học do VQG xây dựng và thực hiện trước khi tỉnh phê duyệt.

Sở Xây dựng: Tư vấn và thẩm định trong lĩnh vực xây dựng cơ

Sở Nội vụ: Phân bổ biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và hợp đồng cho VQB hàng năm

7.3.5 Các huyện và xã liên quan

Huyện Bố Trạch

Huyện Minh Hóa

Huyện Quảng Ninh

13 Xã vùng đệm: Trọng Hóa, Dân Hóa, Hóa Sơn, Trung Hóa và Thượng Hóa (huyện Minh Hóa), Hưng Trạch, Phúc Trạch, Sơn Trạch, Tân Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch và Phú Định (huyện Bố Trạch) và Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Dự toán ngân sách

Các phụ biểu về dự toán ngân sách đầu tư cho VQG PNKB giai đoạn 2013-2020

Dự toán ngân sách đầu tư cho Vườn quốc gia đã được phê duyệt trong dự án Vùng PNKB và dự án phát triển Du lịch bền vững

(Đơn vị: EUR)

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN	KfW	GIZ	Khác
1. Bảo vệ và bảo tồn										
Phê duyệt Chiến lược và Kế hoạch quản lý	5,000	5,000						X		
Tổ chức hội thảo công bố ranh giới khu vực mở rộng của Vườn	5,400	5,400						X		
Cắm mốc ranh giới khu vực mở rộng và nâng cấp các cột mốc ranh giới nếu cần thiết	10,000	7,000	3,000					X		
Thực hiện quy hoạch vùng đệm trong đối với xã Tân Trạch	7,407	7,407						X		
Tăng cường thực thi pháp luật nhằm giảm thiểu và ngăn chặn các hoạt động trái pháp luật (kể cả chi phí thực địa)	162,600	40,650	40,650	40,650	40,650			X		
Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Vườn với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện và các lực lượng vũ trang (công an và bộ đội) trong khu vực	467,460	72,100	106,172	79,072	79,072	131,044		X		
Thực hiện cơ chế phối hợp (là một phần của HĐ trên)								X		
Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn, quy chế và thỏa thuận với thôn, bản, cam kết bảo vệ rừng của người dân địa phương (là một phần của HĐ trên)								X		
Hỗ trợ xây dựng và ký các cam kết với các nhà hàng ở địa phương không bán các sản phẩm từ động vật hoang dã (là một phần của HĐ trên)								X		
Xây dựng mạng lưới thông tin ở các thôn, bản nhằm hỗ trợ thực thi pháp luật. (là một phần của HĐ trên)								X		

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN	KfW	GIZ	Khác
Định vị các biển chỉ dẫn/ biển báo, bảng nội quy/ quy định trong và xung quanh Vườn.	8,000	4,000	4,000					X		
Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng: các trạm kiểm lâm, Văn phòng 2 của vườn	180,000	180,000						X		
Trung tâm cứu hộ và nhân giống phong lan với phòng thí nghiệm	75,000	75,000						X		
Hỗ trợ đề xuất tiêu chí đa dạng sinh học lên UNESCO (ix và x)	75,000	75,000						X		
Tổng	995,867	471,557	153,822	119,722	119,722	131,044				
2. Phát triển Du lịch bền vững (trên cơ sở Kế hoạch Du lịch)										
Xây dựng và thực hiện Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ đối với các địa điểm du lịch như Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha	60,000	20,000	15,000	15,000	10,000			X		
Thực hiện việc giám sát Động Phong Nha, Động Tiên Sơn và Trung tâm Du khách Phong Nha	15,000	3,750	3,750	3,750	3,750			X		
Tu bổ và nâng cấp Trung tâm Du khách Phong Nha	25,000	15,000	10,000					X		
Kế hoạch Quản lý Du khách tại chỗ tại Hang Tám cô.	5,000	5,000					X			
Phát triển sản phẩm du lịch dưới nước ở VQG PNKB/ vùng đệm	10,000	5,000	5,000				X			
Xây dựng gói thám hiểm hang động	15,000	15,000						X		
Phát triển ý tưởng du lịch Vườn Thực vật	5,000		5,000				X			
Phát triển ý tưởng hoạt động du lịch ở Thung lũng Tre	15,000			15,000			X			
Phát triển ý tưởng du lịch Rừng Gáo	5,000			5,000			X			ADB
Phát triển ý tưởng du lịch Đỉnh U Bò	5,000		5,000				X			
Phân tích giá trị của chuỗi du lịch vùng PNKBNP	40,000	20,000	20,000						GTZ	ADB
Hỗ trợ cho hoạt động du lịch trang trại và quảng bá	10,000	5,000	5,000					X		ADB
Xây dựng kế hoạch diễn giải và kế hoạch hành động	40,000	20,000	20,000					X		ADB
Xây dựng tài liệu diễn giải thông tin cho Trung tâm Du khách Phong Nha	20,000	5,000	5,000	5,000	5,000			X	GTZ	

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN	KfW	GIZ	Khác
Xây dựng kế hoạch diễn giải cho các điểm cụ thể và tài liệu cụ thể cho các điểm du lịch ưu tiên	25,000	15,000	10,000					X	GTZ	ADB
Tổng	295,000	128,750	103,750	43,750	18,750					
3. Chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức										
Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông và nâng cao nhận thức	15,000	15,000						X		
Xây dựng và hoạt động của Nhóm Bảo Tồn thôn bản (50 nhóm)	250,000	27,000	44,600	44,600	44,600	89,200		X		
Chương trình truyền thanh ở cấp xã và cấp tỉnh (là một phần của HĐ trên)										
Tổ chức và thực hiện truyền thông trong nhà trường ở vùng đệm (là một phần của HĐ trên)										
Xây dựng, thiết kế, in ấn và phổ biến các tài liệu truyền thông (áp phích, tờ rơi, tập gấp)	30,000	9,000	7,000	7,000	7,000			X		
Nâng cấp trang web của Vườn/duy trì trang web	12,000	9,000	1,000	1,000	1,000			X		
Phim ảnh, tài liệu nghe nhìn (CD, VCD)	85,000	45,000	20,000	10,000	10,000			X		
Tổ chức các sự kiện truyền thông cùng với Ngành du lịch của tỉnh (conservation awareness events)	80,000	20,000	20,000	20,000	20,000			X		
Tổng	472,000	125,000	92,600	82,600	82,600	89,200				
4. Chương trình điều tra và giám sát đa dạng sinh học										
Xây dựng chương trình giám sát, tập huấn và thử nghiệm chương trình	7,407	7,407						X		
Thực hiện chương trình giám sát đối với các loài chủ chốt: linh trưởng, các loài thú móng guốc và các loài gà lôi.	512,000	64,000	64,000	64,000	64,000	256,000	50%	50%		
Xây dựng cơ sở dữ liệu cho Vườn, áp dụng phần mềm MIST để quản lý dữ liệu.	2,222	2,222						X		
Nghiên cứu về các loài LSNG, trong đó có cây thuốc	5,556	5,556						X		
Nghiên cứu về các loài ngoại lai xâm hại và xây dựng các biện pháp ngăn chặn	5,556		5,556					X		

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN	KfW	GIZ	Khác
Tiến hành điều tra khảo sát đa dạng sinh học trong hang động và khu hệ cá ở hệ thống hang động của Vườn	78,492		78,492					X		
Xây dựng các kế hoạch hoạt động cho các loài/nhóm loài chủ chốt: các loài thú lớn, linh trưởng và các loài chim có vùng phân bố hẹp.	15,000	15,000						X		
Tổng	626,233	94,185	148,048	64,000	64,000	256,000				
5. Nâng cao năng lực										
Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng thực thi pháp luật như kỹ năng tuần tra, kỹ năng xử lý các vụ vi phạm pháp luật, kỹ năng sử dụng trang thiết bị và vũ khí thực thi, v.v.	90,000	50,000	20,000	10,000	10,000			X		
Tập huấn cơ bản cho kiểm lâm về thực thi pháp luật	120,000	30,000	30,000	30,000	30,000			X		
Tập huấn về cứu hộ, an toàn, luật, nhận dạng và các nội dung về CITES	90,000	22,500	22,500	22,500	22,500			X		
Tổ chức tập huấn/ đào tạo về các kỹ năng giáo dục truyền thông	120,000	30,000	30,000	30,000	30,000			X		
Tập huấn/ đào tạo về công tác quản lý du khách	28,000	28,000						X		
Tập huấn về quản lý hang động/Cave interpretation point (environmental Education facilities)	30,000		30,000					X		
Cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho công tác tuần tra và thực thi pháp luật cho cán bộ kiểm lâm và cho vườn	150,000	27,400	110,800	11,800				X		
Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu trong nước cho cán bộ/ nhân viên của Vườn Quốc gia	20,000	10,000			10,000			X		
Tổ chức các chuyến tham quan học tập và giao lưu ngoài nước cho cán bộ/ nhân viên của Vườn Quốc gia	40,000		40,000					X		
Tập huấn/ đào tạo các kỹ năng quản lý khu DSTG cho cán bộ/ nhân viên chủ chốt của Vườn	29,630	3,704	3,704	3,704	3,704	14,814				UNESCO
Tổ chức các khoá tập huấn về GIS, lập bản đồ.	2,963	741	741	741	740			X		
Tổng	720,593	202,345	287,745	108,745	106,944	14,814				

Chương trình và hoạt động	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN	KfW	GIZ	Khác
7. Hợp tác liên biên giới với Khu bảo tồn Đa dạng sinh học Quốc gia Hin Namno, Lào	12,000	3,000	3,000	3,000	3,000					
Hội thảo liên quốc gia giữa hai khu: PNKB và Hinamno	12,000	3,000	3,000	3,000	3,000			X		
Tổng cộng (EUR)	817,185	212,790	338,190	119,190	117,388	29,628				
Tổng cộng VND (đơn vị triệu đồng)	22,064	5,745	9,131	3,218	3,169	800				

Ghi chú: Kinh phí phân bổ cho các hạng mục và tiến độ dựa theo kinh phí trong tiến độ giải Ngân của Dự án KfW.

Dự toán ngân sách cho VQG yêu cầu UBND tỉnh phê duyệt (đơn vị: triệu đồng)

Chương trình và hoạt động	Đơn vị	Số đơn vị	Đơn giá	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-Tỉnh
1. Bảo vệ và bảo tồn										X
Kiện toàn BCH các vấn đề cấp bách trong BVR và PCCCR, các tổ đội BVR, PCCCR và nâng cao năng lực PCCCR	đội	104	20	2,080	260	260	260	260	1.040	X
Nghiên cứu khả thi về cơ chế chi trả dịch vụ sinh thái (PES) để bổ sung nguồn vốn cho vườn và các thôn bản vùng đệm	phương án	1		300	300					Quốc tế
4. Nâng cao năng lực										X
Tổ chức các khoá học tiếng Anh	khóa	8	50	400	50	50	50	50	200	X
5. Chi thường xuyên cho VQG										X
Chi thường xuyên cho VQG cho 356 cán bộ, công nhân viên giai đoạn 2013-2020	cán bộ	2848	60	170.880	21.360	21.360	21.360	21.360	85.440	X
Tổng (VND; 1 triệu đồng)				187,184	23,398	23,398	23,398	23,398	93,592	
Tổng (EUR, 27,000VND/1 EUR)				6.996.444,4	893.629,6	876.222,2	870.666,7	870.666,7	3.484.148	

Tổng hợp ngân sách đã được phê duyệt trong dự án Vùng PNKB theo chương trình

(Đơn vị: EUR)

Chương trình	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020
1. Bảo vệ và bảo tồn	995,867	471,557	153,822	119,722	119,722	131,044
2. Chương trình Du lịch ST bền vững (trên cơ sở Quy hoạch Du lịch)	295,000	128,750	103,750	43,750	18,750	
3. Chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức	472,000	125,000	92,600	82,600	82,600	89,200
4. Chương trình Nghiên cứu và giám sát đa dạng sinh học	626,233	94,185	148,048	64,000	64,000	256,000
5. Chương trình Nâng cao năng lực	720,593	202,345	287,745	108,745	106,944	14,814
6. Chương trình phát triển Vùng đệm (tác riêng)						
7. Hợp tác liên biên giới với Khu bảo tồn Đa dạng sinh học Quốc gia Hin Namno, Lào	12,000	3,000	3,000	3,000	3,000	
Tổng cộng (EUR)	3,121,693	1,024,837	788,965	421,817	395,016	491,058
Tổng cộng (VND; ĐV Triệu đồng)	84,286	27,671	21,302	11,389	10,665	13,259

Ngân sách cho Dự án Vùng đệm theo KHPTKTXH Vùng đệm theo hướng bảo tồn đến năm 2020

(Đơn vị: 1 triệu VND)

Chương trình và hoạt động	Đơn vị	Số đơn vị	Đơn giá	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017-2020	NS-NN
Nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển KTXH vùng đệm giai đoạn 2013-2020				3,519 Tỷ VND						X
Các hoạt động ưu tiên liên quan đến vùng đệm										
Hỗ trợ trồng “rừng kinh tế” (các loài keo Acacia spp.) (2982 ha)	ha	2982	7,893,685	23,539.0	2,942	2,942	3,564	3,564	14,256	X
Trồng cây bản địa có giá trị cao (3612 ha)	ha	3612	9,000,000	32,508.0	4,064	4,064	4,064	4,064	16,256	X
Hỗ trợ trồng tre để lấy măng (274 ha)	ha	274	8,000,000	2,192.0	274	274	274	274	1,096	X
Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với bản A Rem	ha	8000	0.1	800	100	100	100	100	400	X
Hỗ trợ các thôn bản vùng đệm theo QĐ 24 của Chính Phủ	thôn	1256	40	50,240	6,280	6,280	6,280	6,280	25,120	X
Tổng VND (ĐV: Triệu đồng)				109,279	13,660	13,660	14,282	14,282	57,128	

Phụ biểu: Kinh phí từ Dự án Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng (đã được phê duyệt do dự án cung cấp)

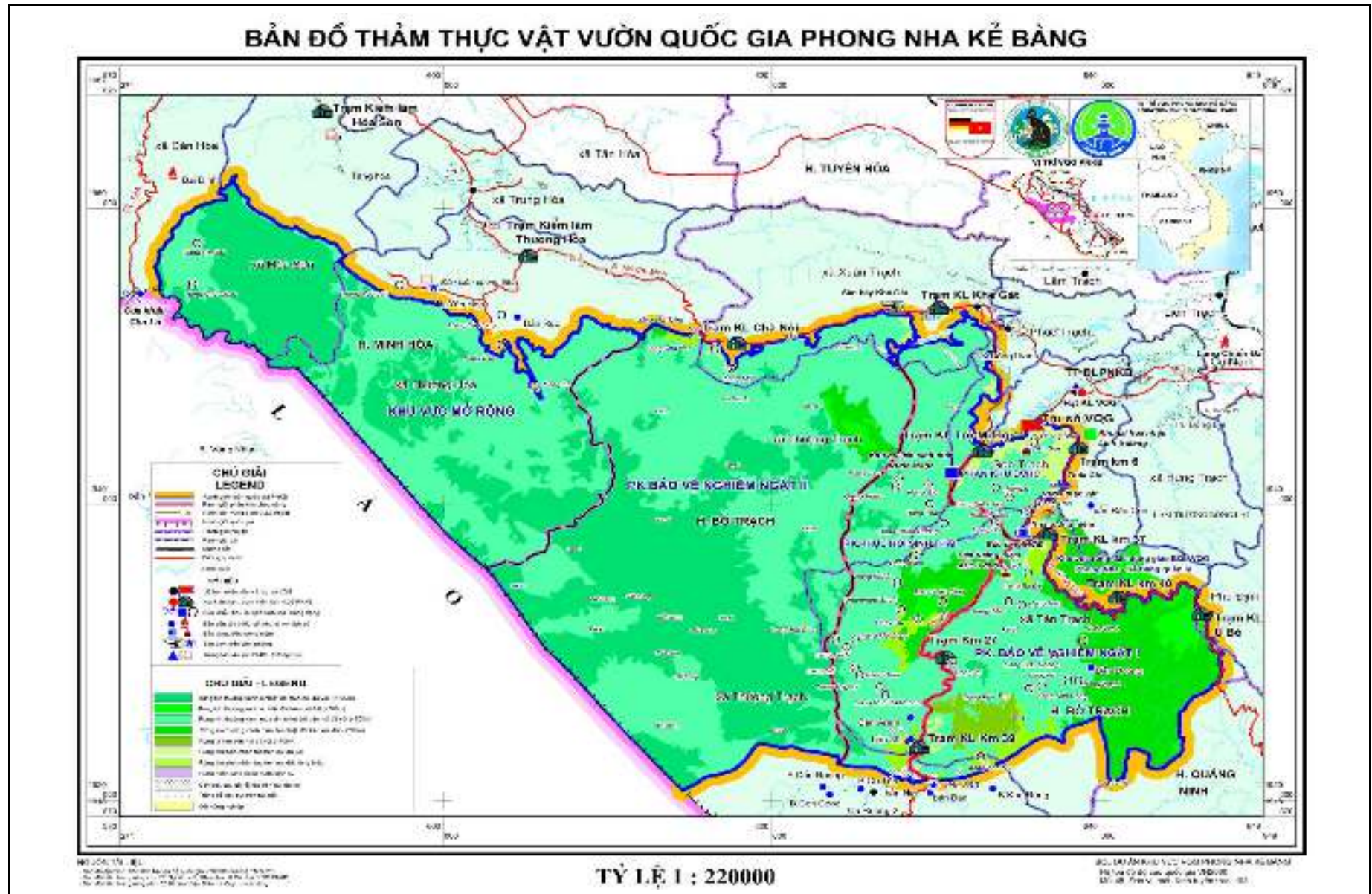
Vốn tài trợ	2	5	6
Các hoạt động cụ thể hiện nay	Số tiền đã thống nhất với KfW	Tổng chi	Tiếp tục giải ngân (= 2 - 5)
PHÁT TRIỂN BẢO VỆ VƯỜN			
<i>Cơ sở hạ tầng cho Vườn</i>	1,067,000.00	66,756.22	1,000,243.78
Bảo vệ Vườn	193,000.00	-	193,000.00
Các trạm kiểm lâm (2 trạm ở trong Vườn / 1 trạm ở khu vực mở rộng)	120,000.00	-	120,000.00
Văn phòng mở rộng/ trạm kiểm lâm	60,000.00	-	60,000.00
Cột thu sóng Radio (có hợp đồng bảo dưỡng & năng lượng mặt trời)	13,000.00	-	13,000.00
Trung tâm cứu hộ và phục hồi các loài	75,000.00	-	75,000.00
Trung tâm cứu hộ và nhân giống cây Phong Lan bao gồm phòng thí nghiệm	75,000.00	-	75,000.00
VP Liên lạc dự án tại VQG	70,000.00	66,756.22	3,243.78
Văn phòng (120 m2)	70,000.00	66,756.22	3,243.78
Trung tâm Giáo dục và Du khách	330,000.00	-	330,000.00
Trung tâm du khách có thư viện (700 m2)	240,000.00	-	240,000.00
Hiện vật trưng bày của Trung tâm Du khách/bảng/ sách thông tin diễn giải	65,000.00	-	65,000.00
Vốn vay	2	5	6
Các hoạt động cụ thể hiện nay	Số tiền đã thống nhất với KfW	Tổng chi	Tiếp tục giải ngân (= 2 - 5)
PHÁT TRIỂN BẢO VỆ VƯỜN	729,000.00	806.21	728,193.79
<i>Kế hoạch quản lý Vườn</i>	4,940.00	0.00	4,940.00
Tham vấn các bên liên quan (cấp huyện)	4,800.00	0.00	4,800.00
Tham vấn các bên liên quan (cấp xã)	140.00	0.00	140.00
<i>Mở rộng Vườn</i>	6,600.00	806.21	5,793.79
Tham vấn các bên liên quan (cấp huyện)	1,600.00	0.00	1,600.00
Tham vấn các bên liên quan (cấp thôn, bản/cấp xã)	5,000.00	806.21	4,193.79
<i>Quỹ Bảo vệ Vườn (PPF) (sẽ được phía Việt Nam hỗ trợ 100% kể từ năm thứ 6 trở đi)</i>	717,460.00	0.00	717,460.00
Thực thi pháp luật và giám sát thực thi pháp luật	242,160.00	0.00	242,160.00
Bảo dưỡng thiết bị tuần tra	62,700.00	0.00	62,700.00
Các khoản chi cho thực địa	162,600.00	0.00	162,600.00
Thành lập và hoạt động của nhóm bảo tồn thôn/bản (VCGs) + người dân do chương trình 661 hỗ trợ	250,000.00	0.00	250,000.00
PHÁT TRIỂN SINH KẾ Ở VÙNG ĐỆM VQG	320,000.00	-	320,000.00
<i>Phát triển du lịch</i>	320,000.00		320,000.00

Hệ thống xử lý vệ sinh và chất thải cho Trung tâm du khách	25,000.00	-	25,000.00
Cơ sở vật chất cho giáo dục môi trường	399,000.00	-	399,000.00
Trạm nghiên cứu Linh trường	5,000.00	-	5,000.00
Đường mòn diễn giải thiên nhiên (2) có biển báo	24,000.00	-	24,000.00
Các tuyến đường đi bộ (4)	75,000.00	-	75,000.00
Hang động khám phá	15,000.00	-	15,000.00
Điểm diễn giải hang động	30,000.00	-	30,000.00
Lập kế hoạch và phát triển hang động	250,000.00	-	250,000.00
Kế hoạch quản lý Vườn	336,760.00	182,232.75	154,527.25
Điều tra , khảo sát số liệu cơ sở và các hệ sinh thái	250,000.00	171,507.57	78,492.43
Đánh giá mối đe dọa	15,000.00	7,225.18	7,774.82
Điều tra, khảo sát về nhận thức và thái độ	20,000.00	-	20,000.00
Kế hoạch hoạt động các loài chủ chốt	15,000.00	-	15,000.00
Khoanh vùng/ quy hoạch Vườn	5,400.00	-	5,400.00
Tham vấn các bên liên quan (cấp xã)	6,360.00	-	6,360.00
Lập bản đồ và viết kế hoạch	20,000.00	3,500.00	16,500.00
Phê duyệt kế hoạch	5,000.00	-	5,000.00
Mở rộng Vườn	138,000.00	14,171.85	123,828.15
Kế hoạch đầu tư (FIPI)	40,000.00	14,171.85	25,828.15

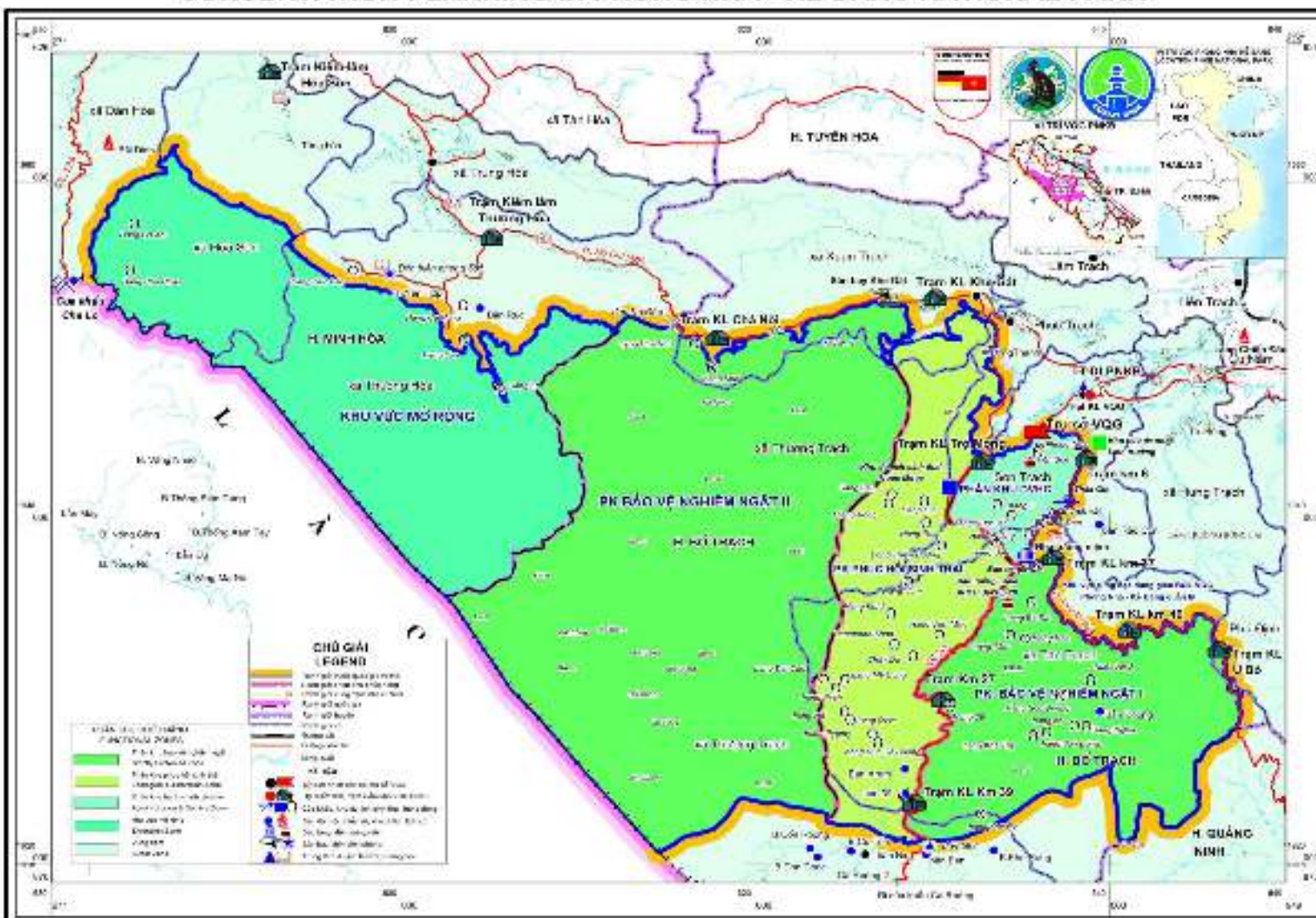
Cơ sở vật chất du lịch sinh thái cộng đồng/ Quỹ thực hiện quy hoạch tổng thể	320,000.00		320,000.00
Tổng	1,049,000.00	806.21	1,048,193.79

Hỗ trợ xây dựng hồ sơ trình IUCN/ UNESCO xin công nhận về đa dạng sinh học	75,000.00	-	75,000.00
Phê duyệt hồ sơ mở rộng Vườn	5,000.00	-	5,000.00
Cắm mốc ranh giới	10,000.00	-	10,000.00
Biển báo ranh giới	8,000.00	-	8,000.00
Tổng	1,541,760.00	263,160.82	1,278,599.18

Phụ lục 2: Bản Đồ



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH BẢO TỒN VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG
CONSERVATION PLANNING IN PHONG NHA - KE BANG NATIONAL PARK

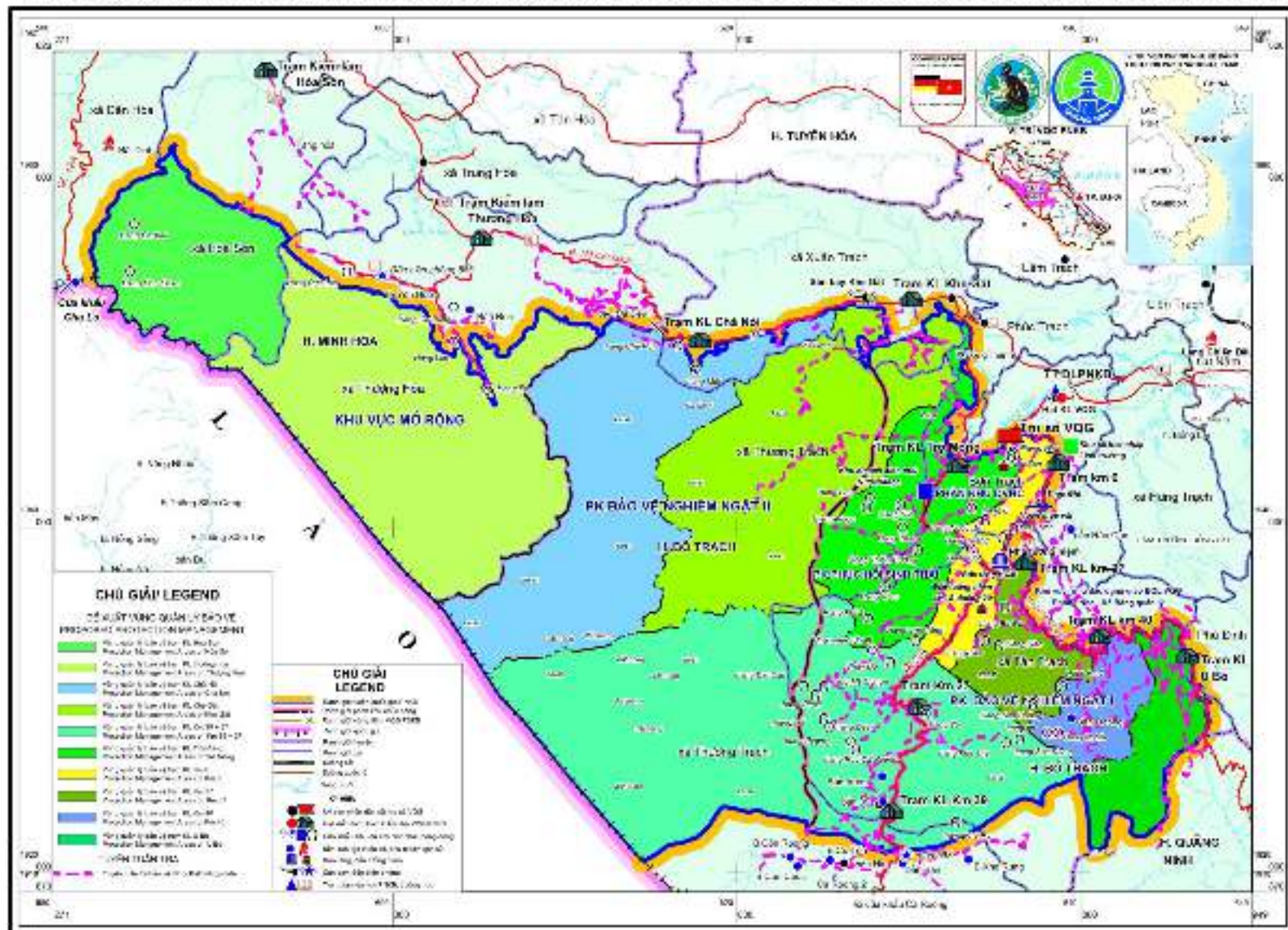


TỶ LỆ 1 : 220000

DOUGLAS T. HILL
is the chairman of the independent advisory committee on
"Security for the Future of the Gulf States," for the U.S. President's Gulf Policy

通訊社、新聞雜誌、公共廣播公司等。據估計，
 在 2002 年，美國有 100 萬個家庭訂閱了
 100 個以上的報紙，而 2003 年則有 120 萬個家庭訂閱了 100 個以上的報紙。

ĐỀ XUẤT PHÂN VÙNG QUẢN LÝ VÀ CÁC TUYẾN TUẦN TRA BẢO VỆ RỪNG VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG PROPOSED FOR MANAGEMENT ZONES & PATROLLING ROUTES IN PHONG NHA - KE BANG NATIONAL PARK



Phụ lục 3: Danh sách các loài trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

3.1 Danh sách các loài thực vật của VQGPNKB trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN-2012.1	SDVN-2007
1	<i>Asplenium cardiophyllum</i> (Hance) Baker	Tổ điều lá tim	NT	
2	<i>Dryopteris cyclopeltidiformis</i> C. Chr.	Ráng mọc xỉ mái tròn	NT	
3	<i>Selaginella tamariseina</i> (Beauv.) Spring	Quyển bá trường sinh		VU
4	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.f.	Đỉnh tùng mann	VU	VU
5	<i>Calocedrus macrolepis</i> Kurz	Bách xanh	EN	EN
6	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A. Henry et H. H. Thomas	Pơ mu	LR	EN
7	<i>Cycas pectinata</i> Buch. -Ham.	Thiên tuế lược	VU	VU
8	<i>Cycas siamensis</i> Miq.	Thiên tuế xiêm	VU	
9	<i>Cycas taiwaniana</i> Carruth.	Thiên tuế hàn quốc	EN	
10	<i>Chroistes lanceolata</i> (T. Anders.) B. F. Hansen	Đài mác		CR
11	<i>Enicosanthellum plagioneurum</i> (Diels) Ban	Bân	LR	VU
12	<i>Mitrephora thorelii</i> Pierre	Mao đài lá nhỏ/Bân		VU
13	<i>Nageia fleuryi</i> (Hickel) de Laub.	Kim giao fleury	NT	
14	<i>Amentotaxus yunnanensis</i> H. L. Li	Đỉnh tùng vân nam	EN	
15	<i>Mangifera dongnaiensis</i> Pierre	Xoài đồng nai	EN	
16	<i>Mangifera indica</i> L.	Xoài ấn độ	DD	
17	<i>Pistacia cucphuongensis</i> Dai		VU	
18	<i>Alphonsea monogyna</i> Merr. et Chun		VU	
19	<i>Xylopiia pierrei</i> Hance	Dền trắng	VU	VU
20	<i>Rauvolfia micrantha</i> Hook.f.	Ba gạc lá mỏng		VU
21	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gạc vòng		VU
22	<i>Winchia calpophylla</i> A. DC.	Móp lá đẹp/Sữa lá còng		VU
23	<i>Asarum balansae</i> Franch.	Sơn địch		EN
24	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Thỏ tế tân		VU
25	<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl. in F. Forbes et Hemsl.	Dương đài hoa thưa		EN
26	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seen. ex Schum.	Đinh		VU
27	<i>Aralia chinensis</i> L.	Công trung quốc	VU	
28	<i>Bursera tonkinensis</i> Guillaum.	Rầm	VU	VU
29	<i>Protium serratum</i> (Wall. ex Colebr.) Engl. in DC.	Cọ phèn		VU

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN-2012.1	SDVN-2007
30	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. et Thoms.	Đảng sâm		VU
31	<i>Euonymus chinensis</i> Lindl.	Chân danh trung quốc		EN
32	<i>Lophopetalum wightianum</i> Arn.	Ba khía		VU
33	<i>Gymnostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Thư trảng 5 lá (Thổ yểm)		EN
34	<i>Dacryodes breviracemosa</i> Kalkm.	Xuyên mộc dung	VU	
35	<i>Diplopanax stachyanthus</i> Hand.-Mazz.		VU	
36	<i>Dipterocarpus gracilis</i> Blume	Dầu thanh	CR	
37	<i>Dipterocarpus hasseltii</i> Blume	Dầu hasselt	CR	
38	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò đá	VU	
39	<i>Dipterocarpus turbinatus</i> Gaertn. f.	Dầu con rái đỏ, chò chang	CR	
40	<i>Hopea chinensis</i> (Merr.) Hand.-Mazz.	Hongquang, Táu, May chi, Vu	CR	
41	<i>Hopea ferrea</i> Pierre	Săng đào, Sao tía	EN	EN
42	<i>Hopea hainanensis</i> Merr. et Chun	Sao hải nam	CR	EN
43	<i>Hopea mollissima</i> C. Y. Wu	Sao mặt quỷ	CR	VU
44	<i>Hopea pierreii</i> Hance	Kiên kiên phú quốc	EN	EN
45	<i>Hopea reticulata</i> Tardieu	Sao mạng	CR	
46	<i>Hopea siamensis</i> Heim	Kiên kiên	CR	
47	<i>Vatica cinerea</i> King	Táu mặt, Vu	EN	
48	<i>Vatica diospyroides</i> Symington	Lầu táu thị, Táu muối	CR	
49	<i>Diospyros mun</i> A.Chev. ex H.Lec.	Mun	CR	EN
50	<i>Castanopsis ferox</i> (Roxb.) Spach	Kha thụ dữ, cà ổi vọng phu		VU
51	<i>Castanopsis formosana</i> (Skan) Hayata	Kha thụ đài loan		EN
52	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	Cà ổi lá đỏ		VU
53	<i>Castanopsis lecomtei</i> Hickel et A. Camus	Kha thụ lecomte, Cà ổi Sa pa		VU
54	<i>Castanopsis namdinhensis</i> Hickel et A. Camus	Kha thụ nam định		VU A1c,d
55	<i>Fagus longi(e)petiolata</i> Seemen	Sồi cánh		EN
56	<i>Lithocarpus bacgangensis</i> (Hickel et. A. Camus) A. Camus	Dẻ bắc giang		VU
57	<i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehd.	Dẻ lỗ, Dẻ cau		VU
58	<i>Quercus glauca</i> Thunb.	Sồi sim ?		VU
59	<i>Quercus langbianensis</i> Hickel et. A. Camus	Sồi langbiang, Sồi guôi		VU
60	<i>Bennettiodendron cordatum</i> Merr.		VU	
61	<i>Hydnocarpus annamensis</i> (Gagnep.) Lescot et Sleum.	Lọ nôi trung bộ	VU	
62	<i>Hydnocarpus hainanensis</i> (Merr.) Sleum.	Lọ nôi hải nam	VU	

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN-2012.1	SDVN-2007
63	<i>Hydnocarpus kurzii</i> (King) Warb.	Lọ nổi kurz	DD	
64	<i>Illicium ternstroemioides</i> A. C. Sm.	Đại hồi giang	VU	
65	<i>Annamocarya sinensis</i> (Dode) J. Leroy	Chò dài	EN	EN
66	<i>Actinodaphne ellipticibacca</i> Kosterm.	Bộp trái bầu dục		VU
67	<i>Alseodaphne hainanensis</i> Merr.	Vạng trắng hải nam	VU	
68	<i>Cinnamomum mairei</i> Le'v.	Quế bạc	EN	
69	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meisn.	Re cứu mộc	DD	CR
70	<i>Endiandra hainanensis</i> Merr. et Metc. ex Allen	Khuyết hùng hải nam, Vừ		EN
71	<i>Phoebe macrocarpa</i> C. Y. Wu	Re trắng quả to		VU
72	<i>Manglietia dandyi</i> Gagnep.	Vàng tâm		VU
73	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	Giổi balansae		VU
74	<i>Paramichelia braianensis</i> (Gagnep.) Dandy in S. Nilsson	Giổi nhung		EN
75	<i>Dysoxylum loureirii</i> Pierre	Huỳnh đường		VU
76	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Cơm nguội rừng, Khôi		VU
77	<i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A.DC.	Thiên lý hương		VU
78	<i>Acmena acuminatissima</i> (Blume) Merr. et Perry	Thoa		VU
79	<i>Sindora tonkinensis</i> A.Chev. ex K. Larsen et S.S. Larsen	Gỗ dầu	DD	
80	<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre	Trắc	VU	
81	<i>Dalbergia oliveri</i> Gamble ex Prain	Cắm lai bông	EN	
82	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Trắc bắc bộ	VU	
83	<i>Aglaia perviridis</i> Hiern.	Ngâu rất xanh	VU	
84	<i>Horsfieldia longiflora</i> de Wilde	Mè tương	VU	
85	<i>Knema mixta</i> de Wilde	Máu chó trộn	VU	
86	<i>Knema pierrei</i> Warb.	Máu chó pierrei	VU	
87	<i>Knema poilanei</i> de Wilde	Máu chó poilane	VU	
88	<i>Knema squamulosa</i> de Wilde	Máu chó vảy nhỏ	VU	
89	<i>Knema tonkinensis</i> (Warb.) de Wilde	Máu chó bắc bộ	VU	
90	<i>Myristica fragrans</i> Houtt.	Đậu khấu	DD	
91	<i>Linociera ramiflora</i> (Roxb.) Wall. ex G. Don	Hồ bì, Buôi	DD	
92	<i>Pittosporum pauciflorum</i> Wight & Arn.	Hắc châu ít hoa	VU	
93	<i>Platanus kerri</i> Gagnep.	Chò nước	VU	VU
94	<i>Fagerlindia depauperata</i> (Drake) Tirveng.	Găng nghèo, Chim chích		VU
95	<i>Leptomischus primuloides</i> Drake	Bạc cách		VU
96	<i>Rothmania vietnamensis</i> Tirveng.	Găng việt nam		VU
97	<i>Murraya glabra</i> (Guillaum.) Guillaum.	Nguyệt quới nhẵn		VU

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN-2012.1	SDVN-2007
98	<i>Helicia grandifolia</i> Lecomte	Quần hoa lá to	VU	
99	<i>Ixora umbellata</i> Vahl	Trang nhiều lá hoa	DD	
100	<i>Nephelium lappaceum</i> L.	Chôm chôm	VU	
101	<i>Sinoradlkofera minor</i> (Hemsl.) F.G. Mey.	Bông mọc	VU	EN
102	<i>Madhuca hainanensis</i> Chun et How	Sến hải nam	VU	
103	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dub.) H. J. Lam	Sến mật	VU	EN
104	<i>Scaphium macropodum</i> (Miq.) Beume'e ex K. Heyne	Lười uoi		VU
105	<i>Styrax litseoides</i> J.E.Vidal	Bồ đề lá bời lời	VU	
106	<i>Camellia fleuryi</i> (A. Chev.) Sealy	Trà hoa chevalier	VU	EN
107	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trầm hương	CR	EN
108	<i>Excentrodendron tonkinense</i> (Gagnep.) H.T. Chang et R.H. Miao	Nghiến	EN	EN
109	<i>Livistona tonkinensis</i> Magalon	Kè bắc bộ	DD	
110	<i>Phoenix paludosa</i> Roxb.	Chà là biển	NT	
111	<i>Gastrochilus calceolaris</i>		CR	
112	<i>Schoutenia hypoleuca</i> Pierre	Sơn tần		VU
113	<i>Gmelina racemosa</i> (Lour.) Merr.	Tu hú chùm		VU
114	<i>Calamus platyacanthus</i> Warb. ex Becc.	Mây gai đẹp, Song mật		VU
115	<i>Calamus poilanei</i> Conrard	Mây Poilane, Song bột		EN
116	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.	Hoàng tinh cách		VU
117	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.	Sâm cau		VU
118	<i>Anoectochilus calcareus</i>	Kim tuyến đá vôi		EN
119	<i>Bulbophyllum astelidum</i>	Cầu diệp sao		EN
120	<i>Bulbophyllum tixieri</i>	Cầu diệp tixier		EN
121	<i>Eria spirodela</i>	Ni lan bèo		EN
122	<i>Nervilia aragoana</i>	Trân châu xanh		VU
123	<i>Paphiopedilum dianthum</i>	Hài xoắn	EN	EN
124	<i>Paphiopedilum malipoense</i>	Hài xanh		EN
125	<i>Heterosmilax polyandra</i> Gagnep.	Kim cang nhiều tán		VU
126	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Trọng lâu nhiều lá		EN

3.2 Danh sách các loài Thú của VQGPNKB trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

	Tên khoa học	Tên Tiếng Anh	Tên Việt Nam	IUCN-2012.1	SDVN-2007
1.	<i>Manis javanica</i>	Sunda Pangolin	Tê tê java	EN	EN
2.	<i>Manis pentadactyla</i>	Chinese Pangolin	Tê tê	EN	EN
3.	<i>Hipposideros scutinares</i>	Shield-nosed Leaf-nosed Bat		VU	
4.	<i>Harpiocephalus mordax</i>	Greater Hairy-winged Bat		DD	
5.	<i>Myotis ricketti</i>	Rickett's Big-footed Myotis	Dơi muỗi chân lớn	NT	DD
6.	<i>Nycticebus bengalensis</i>	Bangal Slow Loris	Culi lớn	VU	VU
7.	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	Pygmy Slow Loris	Culi nhỏ	VU	VU
8.	<i>Macaca nemestrina</i>	Southern Pig-tailed Macaque	Khỉ đuôi lợn	VU	VU
9.	<i>Macaca assamensis</i>	Assamese Macaque	Khỉ mốc	NT	VU
10.	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	Hatinh Langur	Voọc hà tĩnh	EN	EN
11.	<i>Pygathrix nemaeus</i>	Red-shanked Douc langur	Chà vá chân nâu	EN	EN
12.	<i>Nomascus siki</i>	Southern White-cheeked Gibbon	Vượn đen má trắng siki	EN	EN
13.	<i>Cuon alpinus</i>	Dhole	Chó sói	EN	EN
14.	<i>Ursus thibetanus</i>	Asiatic Black Bear	Gấu ngựa	VU	EN
15.	<i>Helarctos malayanus</i>	Sun Bear	Gấu chó	VU	EN
16.	<i>Arctonyx collaris</i>	Hog-badger	Lửng lợn	NT	
17.	<i>Lutra lutra</i>	European Otter	Rái cá thường	NT	VU
18.	<i>Lutrogale perspicillata</i>	Smooth-coated Otter	Rái cá lông mượt	VU	EN
19.	<i>Aonyx cinerea</i>	Oriental Small-clawed Otter	Rái cá vuốt bé	VU	VU
20.	<i>Viverra zibetha</i>	Large Indian Civet	Cầy giông thường	NT	
21.	<i>Viverra megaspila</i>	Large-spotted Civet	Cầy giông sọc	VU	VU
22.	<i>Arctictis binturong</i>	Binturong	Cầy mực	VU	EN
23.	<i>Chrotogale owstoni</i>	Owston's Banded Civet	Cầy vằn bắc	VU	VU
24.	<i>Catopuma temminckii</i>	Asiatic Golden Cat	Beo lửa	NT	EN
25.	<i>Pardofelis marmorata</i>	Marbled Cat	Mèo gấm	VU	VU
26.	<i>Neofelis nebulosa</i>	Clouded Leopard	Báo gấm	VU	EN
27.	<i>Tragulus kanchil</i>	Lesser Mouse-deer	Cheo cheo nam dương		VU
28.	<i>Rusa unicolor</i>	Sambar	Nai	VU	VU
29.	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	Large-antlered Muntjac	Mang lớn	EN	VU
30.	<i>Capricornis milneedwardsii</i>	Southwest China Serow	Sơn dương	NT	EN
31.	<i>Ratufa bicolor</i>	Black Giant Squirrel	Sóc đen	NT	VU
32.	<i>Laonastes aenigmamus</i>	Laotian rock rat	Chuột đá trường sơn	EN	
33.	<i>Nesolaagus timminsi</i>	Annamite Striped Rabbit	Thỏ vằn	DD	EN

3.3 Danh sách các loài Chim của VQGPNKB trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

TT	Common name	Tên Tiếng Việt	Scientific name	IUCN 2012	VNR DB 2007
1	Chestnut-necklaced Partridge	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>	NT	
2	Siamese Fireback	Gà lôi hông tía	<i>Lophura diardi</i>	NT	VU
3	Grey Peacock-pheasant	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>		VU
4	Crested Argus	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	NT	VU
5	Blyth's Kingfisher	Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>	NT	
6	Austen's Brown Hornbill	Niệc nâu	<i>Anorrhinus austeni</i>	NT	VU
7	Great Hornbill	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	NT	
8	Wreathed Hornbill	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>		VU
9	Red-collared Woodpecker	Gỗ kiến xanh cổ đỏ	<i>Picus rabieri</i>	NT	
10	Japanese Paradise-flycatcher	Thiên đường đuôi đen	<i>Terpsiphone atrocaudata</i>	NT	
11	Short-tailed Scimitar-babbler	Khướu mỏ dài	<i>Jabouilleia danjoui</i>	NT	
12	Sooty Babbler	Khướu mỏ dài	<i>Stachyris herberti</i>	NT	VU
13	Bare-faced Bulbul	Chào mào trọc đầu	<i>Pycnonotus hualon</i>	NA	new sp
14	Limestone Leaf-warbler	Chích đá vôi	<i>Phylloscopus calciatilis</i>	NA	new sp

3.4 Danh sách các loài Bò sát-Ếch nhái của VQGPNKB trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

TT	Tên Tiếng Anh	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	SDVN (2007)	IUCN (2012)
	Amphibian	Amphibia	Ếch nhái		
1.	Cambodian Toad	<i>Ingerophrynus galeatus</i>	Cóc rừng	VU	
2.	Anderson's Frog	<i>Odorrana andersoni</i>	Chàng an-đéc-son	VU	
3.	Kio Whipping Frog	<i>Rhacophorus kio</i>	Ếch cây ki-ô	EN	VU
4.	Tonkin Bug-eyed Frog	<i>Theloderma corticale</i>	Ếch cây sần bắc bộ	EN	
	Lizards	Sauria	Thằn lằn		
5.	Indochinese Water Dragon	<i>Physignathus cocincinus</i>	Rồng đất	VU	
6.	Gecko	<i>Gekko gekko</i>	Tắc kè	VU	
7.	Water Monitor	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà nước	EN	
	Snakes	Serpentes	Rắn		
8.	Burmese Python	<i>Python molurus</i>	Trăn đất	CR	LR/nt
9.	Reticulated Python	<i>Python reticulatus</i>	Trăn gấm	CR	
10.	Radiated Rat Snake	<i>Coelognathus radiatus</i>	Rắn sọc dưa	VU	
11.	Green Tree Racer	<i>Gonyosoma prasinum</i>	Rắn sọc má	VU	
12.	Red Bamboo Snake	<i>Oreocryptophis porphyraceus</i>	Rắn sọc đốm đỏ	VU	
13.	Indochinese Rat Snake	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	EN	
14.	Common Rat Snake	<i>Ptyas mucosa</i>	Rắn ráo trâu	EN	
15.	Blue Krait	<i>Bungarus candidus</i>	Rắn cạp nia nam		
16.	Banded Krait	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	EN	
17.	Chinese Cobra	<i>Naja atra</i>	Hổ mang trung quốc	EN	
18.	King Cobra	<i>Ophiophagus hannah</i>	Hổ chúa	CR	VU
	Turtles	Testudines	Rùa		
19.	Big-headed Turtle	<i>Platysternon megacephalum</i>	Rùa đầu to	EN	EN
20.	Bourret's Box Turtle	<i>Cuora bourreti</i> (<i>C. galbinifrons</i>)	Rùa hộp bua-rê (Rùa hộp trán vàng)	EN	CR
21.	Cyclornated Box Turtle	<i>Cuora cyclornata</i> (<i>C. trifasciata</i>)	Rùa tròn đẹp (Rùa hộp ba vạch)	CR	CR
22.	Keeled Box Turtle	<i>Cuora mouhotii</i>	Rùa sa nhân		EN
23.	Giant Asian Pond Turtle	<i>Heosemys grandis</i>	Rùa đất lớn	VU	VU
24.	Asian Yellow Pond Turtle	<i>Mauremys mutica</i>	Rùa câm		EN
25.	Chinese Stripe-neck Turtle	<i>Mauremys sinensis</i>	Rùa cổ sọc		EN
26.	Four-eyed Turtle	<i>Sacalia quadriocellata</i>	Rùa bốn mắt		EN
27.	Elongated Tortoise	<i>Indotestudo elongata</i>	Rùa núi vàng	EN	EN
28.	Impressed Tortoise	<i>Manouria impressa</i>	Rùa núi viền	VU	VU
29.	Wattle-necked Softshell Turtle	<i>Palea steindachneri</i>	Ba ba gai	VU	EN
30.	Chinese Softshell Turtle	<i>Pelodiscus sinensis</i>	Ba ba trơn		VU
		Tổng số: 30 loài		24	15

3.5 Danh sách các loài Cá của VQGPNKB trong sách đỏ Thế giới và Việt Nam

TT	Tên Khoa học	Tên Tiếng Việt	IUCN-2012.1	Sách đỏ VN 2007
1	<i>Squalidus argentatus</i>	Cá đục	DD	
2	<i>Spinibarbus hollandi (oshima)</i>	Cá chày đất	DD	
3	<i>Varicorhinus (Onychostoma) gerlachi</i>	Cá sinh	NT	
4	<i>Cirrhinus molitorella</i>	Cá trôi ta	NT	
5	<i>Carassioides phongnhaensis nsp.</i>	Cá Chanh	DD	
6	<i>Cyprinus melanes</i>	Cá dầy	DD	
7	<i>Cyprinus carpio</i>	Cá chép	VU	
8	<i>Cyprinus hieni nsp.</i>	Cá chép	DD	
9	<i>Schistura fasciolata</i>	Cá chạch đá sọc	DD	
10	<i>Vanmanenia sp2</i>	Cá vây bằng	DD	
11	<i>Hemibagrus centralus</i>	Cá lăng Quảng Bình	DD	
12	<i>Hemibagrus vietnamicus</i>	Cá Nghét	DD	
13	<i>Sineleotris namxamensis</i>	Cá bóng	DD	
14	<i>Rhinogobius vermiculatus</i>	Cá bóng	DD	
15	<i>Anabas testudineus</i>	Cá rô đồng	DD	
16	<i>Anguilla marmorata</i>	Cá Chình hoa		VU
17	<i>Anguilla bicolor</i>	Cá Chình mun		VU
18	<i>Clupanodon thrissa</i>	Cá mèi cờ hoa		EN

Ghi chú: nsp = Loài mới phát hiện cho khoa học và công bố

Phụ lục 4: Các mối đe dọa hiện hữu và tiềm năng đối với VQG PNKB

Các mối đe dọa và những khó khăn, trở ngại đối với công tác bảo tồn và quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Theo dự án đầu tư cho VQG PNKB, các mục tiêu của Vườn bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái vùng núi đá vôi, bảo vệ lưu vực sông Gianh nhằm hạn chế lũ lụt, bảo vệ cảnh quan và góp phần cải thiện sinh kế cho người dân vùng đệm. Các vấn đề mô tả sau đây được xem là các mối đe dọa trực tiếp đối với các mục tiêu quản lý của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Các mối đe dọa này được xác định trên cơ sở kết quả của các cuộc họp tham vấn với các bên liên quan khác nhau, gồm có Nhóm Lập kế hoạch Quản lý Vườn, cán bộ Hạt Kiểm lâm, chính quyền địa phương và người dân vùng đệm ở huyện Bố Trạch và Minh Hoá vào tháng 6 năm 2012. Tại các cuộc họp này, đã tiến hành đánh giá, cho điểm và lập danh sách các mối đe dọa theo mức độ nghiêm trọng.

3.1 Săn bẫy động vật hoang dã

Săn bẫy động vật hoang dã là mối đe dọa lớn nhất đối với tính toàn vẹn sinh học của VQG PNKB. Các loài bị đe dọa chủ yếu trong VQG PNKB là các loài linh trưởng và các loài thú lớn. Ngoài ra, một số loài khác cũng bị săn bẫy trong Vườn như lợn rừng, cây hương, nhím, rùa và rắn. Hoạt động săn bắn diễn ra ở khắp các vùng trong vườn và diễn ra quanh năm. Hoạt động này xảy ra chủ yếu trong vùng lõi đối với các loài thú lớn, thú trung bình, các loài khi; Trong khi đó các loài thú nhỏ như các loài chuột và sóc có thể bẫy gần hơn như trong vùng đệm. Mùa săn bắn nhiều hơn vào thời điểm từ tháng 8 đến tháng 3 năm sau. Những người thợ săn địa phương (trong vùng đệm) thợ nghiệp dư và những người săn bắn cơ hội săn bắt vào những lúc có thời gian rảnh rỗi và là sở thích, thú say mê với núi rừng và sản vật của thiên nhiên. Những thợ săn sống ở xa vùng đệm có thể đến từ các huyện khác như Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa và Minh Hóa (tỉnh Quảng Bình), họ là những thợ săn chuyên nghiệp, thông thạo và hiểu biết núi rừng, săn bắn theo mùa và thường có thời gian lưu lại trong rừng dài ngày. Kết quả tham vấn ở xã Thượng Hóa và Hóa Sơn cho thấy, những thợ săn chuyên nghiệp thường kết hợp với thu hái nhiều sản phẩm khác từ rừng. Phương pháp săn bắt: bằng súng và bẫy dây thép gai trước kia, ngày nay chủ yếu bằng các loại bẫy bằng dây cáp kim loại. Đôi khi hoạt động săn bắn với sự hỗ trợ của chó săn chuyên nghiệp để phát hiện, vây bắt các loài thú, tê tê, rùa, rắn hổ mang. Tuy nhiên các loài thú nhỏ như: các loài chuột người dân sử dụng các loại bẫy bằng tre (người địa phương gọi là “bẫy sập”).

Nguyên nhân chủ yếu của hoạt động săn bẫy động vật bao gồm:

- Nhu cầu của thị trường về thịt động vật hoang dã cao và do giá trị thương mại cao
- Do nhu cầu và thói quen sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm ở một số vùng.
- Do tập tục truyền thống của người dân địa phương sống gần rừng.
- Do thiếu việc làm và nguồn thu nhập thay thế cho gia đình.
- Thiếu nhận thức về bảo tồn, quy chế và luật pháp liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã và bảo tồn Vườn quốc gia

Hoạt động săn bẫy là mối đe dọa chính lên sự sống còn của các loài động vật hoang dã trong khu vực, đặc biệt là các loài kiếm ăn và di chuyển trên mặt đất (ví dụ như cây hương và gà lôi). Cuộc khảo sát đa dạng sinh học các loài chim do Tổ chức Bảo tồn Chim Quốc tế (BirdLife International) thực hiện năm 2011 ở khu vực mở rộng của VQG cho thấy một số loài trong họ Trĩ như Công

(*Pavomuticus*), Gà lôi trắng (*Lophoranythemera*), Trĩ sao (*Rheinardiaocellata*) đã không nhìn thấy trong khu vực khảo sát. Các loài rùa cũng trở nên hiếm hoi.

3.2 Khai thác gỗ trái phép

Mặc dù Vườn Quốc gia đã có những nỗ lực to lớn ngăn chặn hoạt động khai thác gỗ bất hợp pháp nhưng hoạt động này vẫn diễn ra ở trong Vườn, chủ yếu nhằm vào một số loài có giá trị thương mại hoặc tiện dụng cao như Huê/Trắc (*Dalbergia tonkinensis*), Mun (*Diospyros mun*), Táo (*Vatica spp.*), Lim (*Erythrophloeum fordii*), Giổi (*Michelia spp.*), Huỳnh (*Tarrietia javanica*), Chứa/Chua ngút (*Embelia ribesetc*). Các loài gỗ quý hiếm có giá trị thương mại cao được khai thác trong vùng lõi của VQG, kể cả phần vừa mới mở rộng. Trong khi đó các loài gỗ gia dụng phần lớn được khai thác trong vùng đệm hiện do các lâm trường đang quản lý. Duy nhất xã Hóa Sơn, hiện tại khai thác gỗ vẫn chưa thấy trong vùng lõi của phần đề xuất mở rộng. Hoạt động khai thác gỗ xảy ra quanh năm, nhưng nhiều hơn vào thời điểm nông nhàn (sau mùa thu hoạch nông sản).

Hoạt động khai thác gỗ do cả người dân địa phương lẫn người đến từ các huyện khác trong tỉnh thực hiện vì mục đích dân dụng và thương mại.

Nguyên nhân của hoạt động khai thác gỗ trái phép bao gồm:

- Nguồn gỗ trong các khu rừng vùng đệm bị cạn kiệt nên gỗ trong vùng lõi của VQG hiện đang là mục tiêu khai thác
- Do thiếu việc làm và nguồn thu nhập thay thế cho thu nhập của hộ gia đình.
- Nhiều hộ gia đình ở vùng đệm không có đủ đất lâm nghiệp cho nhu cầu của họ hay để trồng rừng/kết hợp nông lâm nghiệp.
- Cộng đồng địa phương thiếu nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo tồn VQG cũng như các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ và bảo tồn DSTG.

Hậu quả của hoạt động khai thác gỗ trái phép là nhiều loài gỗ lớn trở nên rất hiếm hoặc thậm chí mất hẳn trong vùng do tình trạng khai thác quá mức kéo dài, ví dụ như Huê (*Dalbergiatonkinensis*) và Trâm hương (*Aquilariacrassna*).

3.3 Khai thác lâm sản ngoài gỗ

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) của VQG bị khai thác trong nhiều năm. Các loài LSNG bao gồm song mây (tribe Calameae), thảo dược, phong lan, lá khôi/com nguội rừng (*Ardisiasilvestris*), lan kim tuyến (*Anoectochilussetaseus*), lá nón, măng tre, mật ong,... Hoạt động khai thác LSNG này do cộng đồng dân cư trong và ngoài vùng đệm của VQG thực hiện. Hoạt động khai thác LSNG diễn ra quanh năm, ngoại trừ măng tre và mật ong được khai thác chính vụ. Khai thác LSNG đang diễn ra tràn lan với mức độ khai thác phụ thuộc vào mức độ sẵn có và phong phú của chúng ở từng vùng.

Một số nguyên nhân cơ bản tạo động lực cho hoạt động:

- Nhu cầu thị trường cao
- Nhu cầu sinh kế của người dân địa phương
- Đối với nhiều người dân địa phương thiếu việc làm và nguồn thu nhập thay thế, khai thác LSNG vốn là nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình họ

Theo thông tin thu thập được từ các cuộc họp tham vấn cho thấy hoạt động khai thác LSNG đã làm cho các loài LSNG như Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaseus*) và song mây trở nên khan hiếm ở vùng lõi và vùng đệm.

Hoạt động lấy mật của người dân bản địa trong khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng là một trường hợp ngoại lệ và được xem như là một cách khai thác rất bền vững, cần được khuyến khích nhằm chia sẻ [kinh nghiệm] và áp dụng rộng rãi.

3.4 Du lịch ảnh hưởng tiêu cực

VQG PNKB có tiềm năng rất lớn về du lịch hang động và du lịch khám phá. Số lượng khách trong nước đến tham quan VQG tăng từ 115.000 lượt năm 2001 lên 329.000 lượt năm 2004 và con số này tiếp tục tăng lên. Lượng khách quốc tế tăng từ 1.000 lượt năm 2001 lên 11.800 lượt năm 2007 và có vẻ như số du khách quốc tế đến thăm quan thậm chí còn tăng nhanh hơn nữa

Mặc dù du lịch là một trong những mục tiêu quan trọng của Vườn và công tác giới thiệu các giá trị DSTG là một trong những nhiệm vụ cơ bản của các khu DSTG thì các tác động phát triển du lịch đại trà do phát triển cơ sở hạ tầng lên công tác bảo tồn VQG và môi trường xung quanh cần phải được xem xét và đánh giá nghiêm túc.

Du lịch đại trà với nhận thức môi trường thấp có khả năng gây tác động đến người dân địa phương và các loài động vật hoang dã. Một số người dân trong các thôn thuộc xã Phúc Trạch (gần Động Thiên Đường) quan sát thấy các hoạt động du lịch gây tiếng ồn ảnh hưởng lên các loài linh trưởng, gây ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước.

Các điểm du lịch nổi tiếng đang chịu áp lực lớn là hệ quả của tiếng ồn và tình trạng xả rác bừa bãi.

Hang động là các môi trường đặc biệt dễ bị tổn thương và hoạt động du lịch hang động có khả năng gây ra các thiệt hại vĩnh viễn nếu không lập kế hoạch và giám sát một cách kỹ lưỡng. Các thiết bị/hang mục du lịch lắp đặt trong hang động và lượng khách quá tải trong suốt những tháng mùa hè cũng có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với các đặc trưng của hang động và các loài động vật hang động quý hiếm. Hệ thống chiếu sáng có khả năng làm gia tăng các loài trong hang (Tảo, nấm mốc, địa y, dương xỉ) “Lampenflora”, gây tình trạng bạc màu và thiệt hại vĩnh viễn lên các đặc trưng hang động.

Hiện nay, chưa có một nghiên cứu nào về tác động của du lịch lên công tác bảo tồn VQG hay các giá trị DSTG của VQG. Do du lịch phát triển và mở rộng với các kế hoạch cho phép gia tăng lượng khách thăm quan và phát triển du lịch ra các khu vực khác của VQG nên chúng có khả năng gia tăng các mối đe dọa lên sự trải nghiệm của du khách, lên địa mạo và đa dạng sinh học trong khu vực. Hiện nay, ở các điểm du lịch nổi tiếng trong VQG như Động Phong Nha, Động Thiên Đường và các dòng suối [phục vụ du lịch] có rất ít biển báo, bảng cung cấp thông tin hướng dẫn và thông điệp bảo tồn và thùng rác. Hiện nay, ở các điểm du lịch nổi tiếng trong VQG như Động Phong Nha, Động Thiên Đường và các dòng suối [phục vụ du lịch] có rất ít biển báo, bảng cung cấp thông tin hướng dẫn và thông điệp bảo tồn và thùng rác

3.5 Xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực VQG

Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây là dự án quốc gia nhằm phát triển kinh tế và phục vụ mục đích an ninh quốc phòng. Đường Hồ Chí Minh nằm dọc ranh giới phần lớn diện tích VQG và chạy qua Phân khu Phục hồi Sinh thái của Vườn. Việc thi công tuyến đường gây một số ảnh hưởng lên VQG.

Đường 20 trực tiếp chạy qua địa phận từ mạn phía bắc đến mạn phía nam của VQG. Con đường được xây dựng trước năm 1965 và đi qua VQG PNKB. Đây là con đường duy nhất cho các xã Thượng Hóa và Tân Trạch đến Phong Nha. Hiện nay, Đường 20 đang được nâng cấp. Nhìn từ góc độ phát triển kinh tế, việc nâng cấp Đường 20 sẽ giúp cho các xã Thượng Hóa và Tân Trạch tiếp cận với thế giới và thị trường bên ngoài. Đồng thời, làm cho việc tiếp cận VQG trở nên dễ dàng hơn. Do đó các Trạm kiểm lâm Km 39 và Trạm kiểm soát Km27 cần tăng cường công tác thực thi

pháp luật và tuân tra. Ngoài ra, cần tập trung nâng cao nhận thức bảo tồn cho cộng đồng dân cư ở các xã Thượng Hóa và Tân Trạch.

3.6 Các loài ngoại lai xâm hại

Các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn chủ yếu là các loài cỏ dại, dây leo ví dụ như Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Trinh Nữ móc (*Mimosa diplotricha*), Thơm ổi (*Lantana camara*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*),... Trước đây, vấn đề về các loài ngoại lai xâm hại không được xem xét trong quá trình quản lý Vườn.

Một số loài ngoại lai được đưa vào trong khu vực trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông và các công trình cơ sở hạ tầng khác). Một số loài cỏ dại và dây leo được phát hiện đã xâm thực, làm chậm quá trình phục hồi tự nhiên của những khu rừng liền kề vùng đệm và dọc theo các tuyến đường mới.

3.7 Khai thác củi đốt

Khai thác củi đốt trong VQG là một hoạt động thường xuyên của người dân sống ở vùng đệm.

Thỉnh thoảng, củi được khai thác để bán cho “người mua trung gian” để bán lại cho các địa phương khác ở trong vùng. Củi là một nguồn chất đốt quan trọng cho các hộ gia đình, và do nhu cầu sử dụng củi làm chất đốt của các hộ gia đình ngày càng tăng nên diện tích rừng đang bị suy giảm nhằm đáp ứng nhu cầu củi đốt cho các hộ gia đình. Hiện nay, chưa có một nghiên cứu nào về nhu cầu sử dụng củi đốt của người dân địa phương cũng như chưa có nghiên cứu nào về tác động của hoạt động khai thác củi lên đa dạng sinh học trong khu vực. Một số dự án đã thử nghiệm cung cấp loại bếp tận dụng nguyên liệu thay thế củi như: bếp mùn cưa, trấu thóc. Tuy nhiên loại bếp này không phổ biến do việc khai thác và sử dụng củi đối với người dân địa phương dễ dàng, nhanh và tiện lợi hơn nhiều. Về lâu dài nếu không có nguồn chất đốt thay thế, điều này sẽ ảnh hưởng tới chất lượng rừng tự nhiên

3.8 Chăn thả gia súc trong VQG

Chăn thả gia súc trong rừng là tập quán của người dân vùng đệm. Chẳng hạn như các hộ gia đình ở xã Tân Trạch chăn thả 100 con bò trong vùng lõi của VQG.

Nguyên nhân chính của tình trạng này là:

- Chăn thả gia súc tự do trong rừng là tập quán lâu đời của người dân địa phương.
- Không quan tâm đến nhu cầu [khoanh vùng] đồng cỏ trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất ở các xã vùng đệm.

Hoạt động chăn thả gia súc tự do hiện nay có thể gây tác động xấu đến việc trồng bổ sung các loài cây bản địa ở các khu vực dành cho hoạt động này.

3.9 Đánh bắt cá

Do điều kiện địa hình núi đá vôi nên sông, suối nổi bề mặt trong phạm vi vùng lõi rất ít. Người dân địa phương đánh bắt cá chủ yếu ngoài vùng đệm với phương tiện dùng lưới nhưng đôi khi dùng “xung điện” và bả độc bằng vỏ cây. Cá đánh bắt được thường dùng cho gia đình và bán ở chợ. Hoạt động đánh bắt cá cũng diễn ra quanh năm, ngoại trừ hai tháng mùa lũ là tháng 9 và tháng 10. Đánh bắt cá sử dụng thiết bị điện và chất độc gây tác động hủy diệt trên diện rộng lên các loài cá và các loài thủy sinh khác.

3.10 Xâm lấn đất rừng

Tuy nhiên, theo kết quả tham vấn với chính quyền và thôn A Rem, xã Tân Trạch, trong ranh giới vùng lõi của vườn quốc gia đang có 70 hộ dân của xã Tân Trạch đang sinh sống cùng với đất canh tác nông nghiệp/nương rẫy khoảng 150-200 ha. Ngoài ra, trong vùng lõi còn có 1 ha đất nông nghiệp được sử dụng trồng ngô và lạc. Diện tích đất này thuộc người dân ở thôn Chày Trại, xã Phúc Trạch.

Nguyên nhân:

- Quy hoạch VQG không quan tâm đúng mức nhu cầu sử dụng đất của xã Tân Trạch
- Nhu cầu sinh kế khi dân số gia tăng;

- Cộng đồng dân cư khu vực vùng đệm bên ngoài vùng lõi thiếu đất nông nghiệp;
- Nhận thức thấp về bảo tồn và các quy định và luật pháp.

3.11 Chưng cất dầu de

Chưng cất *dầu De* vẫn đang diễn ra trong khu vực PNKB dù đã giảm đáng kể. Hoạt động này thường thấy trong cả vùng lõi lẫn vùng đệm của VQG vì chất lượng rừng ở những nơi này còn tốt. Dân ngoài vùng đệm (VD: dân vùng Roòn, huyện Quảng Trạch) tiến hành chưng cất dầu De với sự tham gia của dân địa phương.

Nguyên nhân chính:

- Do có giá trị thương mại cao;
- Thiếu nhận thức về bảo tồn, quy chế và luật pháp liên quan đến bảo tồn.

Hoạt động chưng cất dầu De không chỉ làm cạn kiệt các loài trong họ De là một trong số những loài cần được bảo tồn mà còn phá hoại môi trường sống xung quanh khu lán trại chưng cất dầu (do cây cối xung quanh các khu lán trại này đều bị đốn chặt làm củi chưng cất) cũng như gây ô nhiễm nguồn nước của các con suối xung quanh

3.12 Cháy rừng

Cháy rừng hiếm khi xảy ra trong khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cháy rừng quy mô nhỏ vẫn xảy ra ở những khu rừng gần đất nông nghiệp. Nguy cơ cháy rừng do hoạt động đốt nương làm rẫy, phát triển cơ sở hạ tầng, lấy mật ong rừng và sự bất cẩn của du khách vẫn có khả năng xảy ra. Biến đổi khí hậu do tác động của con người, gây ra những hiện tượng thời tiết thay đổi bất thường và không thể dự báo trước có khả năng gia tăng nguy cơ hạn hán nghiêm trọng và cháy rừng lớn trong tương lai.

3.13 Thảm họa thiên nhiên

Hàng năm vào khoảng tháng 9&10 Phong Nha Kẻ Bàng thường bị ngập lũ trong vòng 2-3 tuần. Lũ lụt theo mùa này làm gián đoạn các hoạt động du lịch hàng năm. Một số trận lũ lụt nghiêm trọng xảy ra không thường xuyên gây tác động tiêu cực đến các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Tần suất và mức độ nghiêm trọng của thảm họa thiên tai có khả năng gia tăng do biến đổi khí hậu do con người gây ra (“hiện tượng nóng lên toàn cầu”).

Phụ lục 5: Quyết Định số 18/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2007/QĐ-UBND

Đồng Hới, ngày 16 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH Ban hành Quy chế quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Tự nhiên của Thế giới ngày 16 tháng 11 năm 1972;
Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;
Căn cứ Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng hạng Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Nha thành Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tỉnh Quảng Bình;
Căn cứ Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực bảo vệ du lịch;
Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tại Tờ trình số 406/TTr-VQG ngày 25 tháng 7 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá và Thông tin, Thương mại và Du lịch; Ủy ban nhân dân các huyện Bố Trạch, Minh Hóa, Quảng Ninh; Ủy ban nhân dân các xã nằm trong vùng, phân khu thuộc phạm vi bảo vệ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Lụa

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Pháp chế, Ban VH-XH- HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT-KTTH.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và khai thác, sử dụng Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mọi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi có những hoạt động liên quan đến Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải thực hiện nghiêm túc Quy chế này và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan; các Công ước quốc tế liên quan đến bảo vệ di sản thiên nhiên thế giới và đa dạng sinh học.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.
2. Vùng đệm là vùng rừng, vùng đất hoặc vùng đất có mặt nước nằm sát ranh giới với khu rừng đặc dụng, có tác dụng ngăn chặn hoặc giảm nhẹ sự xâm hại khu rừng đặc dụng.
3. Vùng lõi là vùng rừng, vùng đất nằm trong phạm vi ranh giới Vườn Quốc gia.
4. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng là khu vực được bảo toàn nguyên vẹn, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ để theo dõi diễn biến tự nhiên của rừng.
5. Phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng là khu vực được quản lý, bảo vệ chặt chẽ để rừng phục hồi, tái sinh tự nhiên.
6. Phân khu dịch vụ - hành chính của rừng đặc dụng là khu vực để xây dựng các công trình làm việc và sinh hoạt của Ban quản lý rừng đặc dụng, các cơ sở nghiên cứu - thí nghiệm, dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí.
7. Lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác. Lâm sản gồm gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Bổ và theo QĐ 36/2012, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Điều 5. Tổ chức quản lý

Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan từng bước bảo tồn, tôn tạo, khai thác Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng để phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội trước mắt và lâu dài.

CHƯƠNG II

PHẠM VI VÀ NỘI DUNG BẢO VỆ

VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẼ BÀNG

Điều 6. Phạm vi bảo vệ

Phạm vi quản lý bảo vệ trong Quy chế này là toàn bộ Rừng đặc dụng được xác định theo Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha thành Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Điều 7. Nội dung bảo vệ đối với vùng lõi

Các tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan trong các phân khu thuộc Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải được bảo vệ toàn vẹn và đảm bảo phát triển bền vững.

1. Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của Vườn quốc gia, nghiêm cấm các hoạt động sau đây:

1.1 Các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng (loại trừ những hoạt động được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ).

1.2 Các hoạt động làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đời sống tự nhiên của các loại động, thực vật hoang dã hoặc loài bảo tồn.

1.3 Thả và nuôi, trồng các loại động vật, thực vật đưa từ nơi khác tới mà trước đây các loài này không có nguồn gốc phân bố ở Quảng Bình. Trong trường hợp đặc biệt phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

1.4 Khai thác tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên, diễn biến tự nhiên của rừng; làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tự nhiên của các loài sinh vật rừng.

1.5 Chăn thả gia súc, gia cầm.

1.6 Gây ô nhiễm môi trường; xả các chất thải rắn, chất thải sinh hoạt và các hoạt động khác gây ô nhiễm môi trường.

1.7 Mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy vào rừng, đốt lửa trong rừng và ven rừng hoặc dùng các phương tiện có tính chất hủy hoại môi trường.

1.8 Các hoạt động làm hư hại, phá hủy, chiếm giữ trái phép các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; viết, vẽ lên hang động, cây rừng, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

1.9 Xây dựng nhà ở, nhà kho, đền thờ, miếu thờ, bến bãi, khai thác mỏ và các công trình phục vụ du lịch, loại trừ những hoạt động được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

1.10 Các hành động mê tín dị đoan, tự ý đặt tượng thờ, bàn thờ gây ô nhiễm môi trường hang động, núi đá, sông suối và những hành vi thiếu văn minh, lịch sự trên các phương tiện vận chuyển và điểm tham quan.

1.11 Lập trạm sửa chữa, làm lều quán, mở hiệu chụp ảnh hoặc các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

1.12 Sử dụng đất và rừng quy hoạch thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt để cho thuê hoặc liên doanh làm thay đổi diễn thế tự nhiên của rừng.

2. Trong phân khu dịch vụ - hành chính, nghiêm cấm các hoạt động sau đây:

2.1 Các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên, các hoạt động làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đời sống tự nhiên của các loài động, thực vật hoang dã.

2.2 Thả và nuôi, trồng các loại động vật, thực vật từ nơi khác không có nguồn gốc phân bố ở Quảng Bình, trường hợp đặc biệt phải có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.3 Khai thác các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị cấm khai thác (trừ những cây gỗ đã chết, cây gãy đổ và những cây trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo quy hoạch) theo quy định tại Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Danh mục những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo;

2.4 Săn, bắt, bẫy các loài động vật rừng và các hoạt động khai thác tài nguyên sinh vật khác mà pháp luật cấm.

2.5 Khai thác các tài nguyên thiên nhiên như đào bới đất đá, phế liệu chiến tranh, nhũ đá, các loại vật liệu và các tài nguyên thiên nhiên khác.

2.6 Gây ô nhiễm môi trường;

2.7 Mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất cháy, đốt lửa trong rừng và ven rừng hoặc dùng các phương tiện có tính chất hủy hoại môi trường.

2.8 Các hoạt động làm hư hại, phá hủy, chiếm giữ trái phép các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; viết, vẽ lên hang động, cây rừng, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

2.9 Xây dựng mới các công trình, thay đổi hoặc phá bỏ các công trình có ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, sinh trưởng và phát triển của các loài sinh vật rừng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2.10 Các hoạt động mê tín dị đoan.

Điều 8. Nội dung bảo vệ đối với vùng đệm

1. Vùng đệm có rừng tự nhiên tiếp giáp và có hướng dốc hướng về Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, cần phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Đối với đất trống, đồi núi trọc cần quy hoạch trồng cây bản địa và xây dựng vườn rừng bền vững.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tổ chức cho dân cư vùng đệm tham gia các hoạt động bảo vệ, bảo tồn, sử dụng hợp lý lâm sản và các tài nguyên tự nhiên, các dịch vụ du lịch sinh thái để góp phần nâng cao thu nhập và gắn sinh kế của người dân với các hoạt động của Vườn quốc gia.

3. Đối với các vùng dân cư phải có phương án quy hoạch tổng thể, mọi công trình xây dựng của cơ quan đơn vị, cá nhân phải được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về các mặt kiến trúc công trình, kết cấu công trình, chỉ giới xây dựng và được cấp phép xây dựng. Không gây ô nhiễm môi trường và làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

4. Các hoạt động dịch vụ, khách sạn, nhà nghỉ, quầy, quán bán hàng, tàu thuyền, xuồng máy, khu thể thao giải trí, nhiếp ảnh đang tồn tại và hoạt động trong vùng đệm, phải có biện pháp xử lý chất thải, chống ô nhiễm để không làm ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến cảnh quan môi trường, sinh thái.

5. Những đề án xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ sở xây dựng của tập thể, cá nhân có nguy cơ làm ảnh hưởng trực tiếp đến vùng bảo vệ tuyệt đối của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải rà xét và có biện pháp giảm thiểu, nếu xét thấy không phù hợp cần có giải pháp khắc phục.

6. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo tồn thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh.

7. Nghiêm cấm việc kinh doanh, mua bán các loài động thực vật hoang dã và các tài nguyên khác của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ, BẢO TỒN

VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẾ BÀNG

Điều 9. Trách nhiệm bảo vệ của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

1. Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành chức năng của tỉnh và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra,

thanh tra, phát hiện và xử lý các vi phạm làm tổn hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá trị của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các giá trị của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có nguy cơ bị phá hoại do tác động của tự nhiên hoặc con người làm thay đổi cấu trúc, biến dạng, ô nhiễm, mất cân bằng sinh thái, Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp giải quyết, hạn chế thiệt hại các giá trị đó.

3. Toàn bộ tài nguyên thiên nhiên trong khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải điều tra, lập hồ sơ theo dõi “Diễn biến” tài nguyên và thể hiện trên bản đồ. Mọi diễn biến về tài nguyên, các hoạt động và sự kiện có liên quan đến Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải được ghi chép, theo dõi, chỉnh hiệu, lưu giữ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ quy định.

4. Phối hợp với các ngành chuyên môn xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo, tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác định giá trị của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

5. Tổ chức xây dựng các đề án quản lý, bảo vệ, nghiên cứu khoa học, cứu hộ, du lịch một cách bền vững và tổ chức thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Cùng với các cơ quan chức năng và địa phương tham gia thẩm định các dự án phát triển kinh tế xã hội vùng đệm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thi hành các biện pháp để ổn định và nâng cao đời sống của dân; tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia bảo vệ Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

7. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ tài nguyên và môi trường cho cộng đồng dân cư và du khách; giới thiệu rộng rãi trong nước và nước ngoài các giá trị nổi bật của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và Quy chế quản lý đã ban hành bằng nhiều hình thức.

8. Thực hiện chức năng kiểm tra, phối hợp xử lý các cá nhân, tổ chức vi phạm những quy định của pháp luật và Quy chế quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

9. Tăng cường mối quan hệ hợp tác đối với các Bộ, ngành trung ương, các tổ chức trong nước và nước ngoài, nhằm thu hút các nguồn lực để phục vụ công tác bảo tồn và khai thác bền vững các giá trị của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Điều 10. Trách nhiệm của các ban, ngành liên quan

1. Ủy ban nhân dân các huyện, các xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn thuộc vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng phổ biến, giáo dục nhân dân thực hiện tốt việc bảo vệ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo quy định của pháp luật và của Quy chế này.

2. Các ngành Văn hóa - Thông tin, Giao thông - Vận tải, Thương mại - Du lịch, Xây dựng, Khoa học - Công nghệ, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp quản lý các hoạt động văn hóa, du lịch, bảo vệ môi trường, an ninh, xã hội và các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác trong khu vực.

3. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình xây dựng chương trình quảng bá, giới thiệu, tuyên truyền bảo vệ di sản cho mọi người dân và du khách thập phương.

4. Công an tỉnh Quảng Bình, Bộ đội Biên Phòng tỉnh Quảng Bình xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong khu di sản.

5. Đối với dân cư trong khu vực phải tích cực thực hiện bảo vệ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

CHƯƠNG IV

BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẼ BÀNG

Điều 11. Tổ chức cứu hộ động vật rừng, thực vật rừng hoang dã

1. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được phép tổ chức cứu hộ động vật rừng, thực vật rừng hoang dã.

2. Khi hoàn tất việc cứu hộ, tiến hành thả vào môi trường tự nhiên của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo quy định của pháp luật.

3. Những loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đã được các cơ quan trong tỉnh xử lý có phân bố ở Quảng Bình và vùng phụ cận, khi phát hiện có cá nhân, tổ chức nuôi, giữ, vận chuyển trái phép, Chi cục Kiểm

lâm tinh tiến hành thu giữ và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chuyển giao cho Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng cứu hộ.

4. Tổ chức trong nước và nước ngoài muốn tiến hành các hoạt động nghiên cứu và cứu hộ động vật rừng, thực vật rừng hoang dã phải phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng lập dự án trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mới được tổ chức thực hiện.

Điều 12. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

1. Đối với Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng khi thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:

a) Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng lập kế hoạch nghiên cứu khoa học hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học trong nước và nước ngoài để xây dựng chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ngắn hạn và dài hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kết quả nghiên cứu khoa học phải được báo cáo định kỳ hàng năm lên cơ quan quản lý cấp trên và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các chương trình nghiên cứu khoa học khi kết thúc phải được tổng kết và bàn giao thành quả để ứng dụng.

2. Đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có các hoạt động thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các chuyên đề, dự án, thực tập, thực hành trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải tuân thủ thực hiện các quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu về nghiên cứu, giảng dạy hoặc thực tập trong Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

b) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ và cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học hoặc phối hợp với tổ chức, cá nhân trong nước tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Khi tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phải tuân thủ sự hướng dẫn, kiểm tra của Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; không được gây ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của hệ sinh thái, không được thu mẫu vật trái phép. Chỉ được thực hiện theo phương pháp quan sát, ghi chép, quay phim, chụp ảnh.

d) Sau mỗi đợt nghiên cứu, chậm nhất là hai (02) tuần, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học phải gửi báo cáo về các hoạt động trong rừng và mức độ ảnh hưởng đến rừng. Sau khi công bố kết quả nghiên cứu, chậm nhất hai (02) tháng phải báo cáo kết quả nghiên cứu, khảo sát điều tra cho cơ quan cấp phép và Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

đ) Việc sưu tầm mẫu vật hay trao đổi mẫu vật tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng với bất kỳ mục đích gì đều phải thực hiện theo Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển; phải làm rõ số loài, số lượng mẫu vật, ghen sưu tầm và thời gian sưu tầm; được Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, giám sát, xác nhận; phải nộp thuế tài nguyên và các khoản chi phí khác cho Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đưa mẫu vật ra nước ngoài phải được Văn phòng CITES Việt Nam cấp phép.

e) Tổ chức, cá nhân khi nghiên cứu khoa học trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải tuân theo sự hướng dẫn và nội quy, quy định về bảo vệ rừng của Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

3. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải cử người hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định nêu trên khi tiến hành chuyên đề, đề tài nghiên cứu khoa học trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

4. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các quy định trên, Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải lập biên bản, tạm đình chỉ, không cho phép tiếp tục các hoạt động nghiên cứu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động kết hợp kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường

1. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được phép tổ chức các hoạt động kết hợp kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường trong phạm vi Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Các hoạt động nói trên phải lập thành dự án đầu tư, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Không gây ảnh hưởng xấu đến mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và tác dụng phòng hộ của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, không được lợi dụng tham quan du lịch để hoạt động gây hại đến an ninh trật tự trong phạm vi Vườn và trên địa bàn.

b) Phải đảm bảo an toàn và tuân theo sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

c) Tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sống trong vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia tham gia các dịch vụ du lịch sinh thái để nâng cao thu nhập và gắn sinh kế của người dân với các hoạt động của Vườn quốc gia.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải lập dự án đầu tư việc tổ chức hoạt động kết hợp kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường trong phạm vi Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch sinh thái; dịch vụ du lịch trong khu vực VQG PNKB; Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế, kiến nghị, xử lý các vi phạm khác theo quy định của pháp luật hiện hành và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những vi phạm được xác minh và xử lý hoặc tương tự.

3. Mọi tổ chức và cá nhân khác ngoài Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có đủ điều kiện để khai thác các dịch vụ du lịch trong Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và chịu sự quản lý của Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

4. Việc tổ chức các hoạt động kết hợp kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường được quy định như sau:

a) Tham quan du lịch phải chấp hành tuyệt đối các nội quy, quy chế quản lý của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng;

b) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh được phép tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch tại các điểm trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải chấp hành đúng quy định về việc quản lý, bảo vệ khu Di sản Thiên nhiên thế giới. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự ý thu phí khách tham quan tại bất cứ điểm nào trong Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Các tổ chức, cá nhân được phép tổ chức cho khách tham quan du lịch phải đảm bảo cho du khách an toàn về sức khỏe, tính mạng, bảo hiểm tai nạn rủi ro, thái độ phục vụ văn minh, lịch sự, hướng dẫn khách tham quan chấp hành theo nội quy, quy chế của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

d) Mọi phương tiện tàu, thuyền, ô tô và các phương tiện dịch vụ khác đưa đón khách tham quan du lịch trong khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định về an toàn giao thông, bảo hiểm, thông tin liên lạc, phao cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phương tiện xử lý vệ sinh chống ô nhiễm môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nghiêm cấm việc tranh chấp neo đậu không đúng nơi quy định.

5. Cơ quan chính quyền nhà nước trên địa bàn vùng đệm của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng lập dự án đầu tư phát triển sản xuất và cơ sở hạ tầng nông thôn để ổn định cuộc sống cho cộng đồng dân cư, đồng thời thiết lập quy chế trách nhiệm của cộng đồng dân cư và từng hộ gia đình trong việc bảo vệ và bảo tồn khu Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Điều 14. Quản lý các hoạt động du lịch

Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Xử lý, kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những vi phạm được xác minh và xử lý.

Trong trường hợp các di tích, danh thắng, các điểm du lịch của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có nguy cơ xuống cấp hoặc hư hại, Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan để ngừng có thời hạn hoặc vĩnh viễn các hoạt động du lịch nhằm mục đích bảo vệ, bảo tồn khu vực đó và toàn bộ cảnh quan, hệ sinh thái của khu Vườn.

Điều 15. Ổn định đời sống dân cư sống trong các phân khu của Vườn quốc gia

1. Không được di dân từ nơi khác đến Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh lập dự án di dân, tái định cư trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để di dân ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Vườn quốc gia.

3. Trường hợp người dân sống trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt mà chưa có điều kiện chuyển dân ra khỏi khu vực đó, Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giao khoán ngắn hạn cho hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ rừng.

4. Đối với phân khu phục hồi sinh thái, Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giao khoán rừng để bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình và cá nhân tại chỗ.

Điều 16. Quy định về việc thu phí và lệ phí

1. Mọi cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đến Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng để thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, sử dụng hiện trường để giảng dạy, thực tập, sưu tầm mẫu vật, khai thác dịch vụ du lịch, tham quan du lịch, quay phim, chụp ảnh phải nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các mức thu phí, lệ phí tham quan du lịch theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

3. Mức thu tiền dịch vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch trong rừng.

4. Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tổ chức thu phí, lệ phí các hoạt động tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo quy định của pháp luật. Các nguồn thu phải nộp vào ngân sách nhà nước và được đầu tư trở lại để bảo vệ và tôn tạo Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng theo kế hoạch hàng năm được duyệt.

CHƯƠNG V **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 17. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc quản lý, bảo vệ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Mọi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi có những hoạt động liên quan đến Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phải tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ và trường hợp cụ thể mà có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt việc quản lý Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì phát sinh, có khó khăn vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung hoặc có nội dung chưa phù hợp thì phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Lụa

Kế hoạch Chiến lược quản lý
Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng – Di sản Thiên nhiên Thế giới
Giai đoạn 2013 đến 2025

---o0o---

Báo cáo về Dự án Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực
Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Giám Đốc dự án ở Tỉnh Quảng Bình:

Ông Nguyễn Trung Thực

Cố vấn trưởng Hợp phần KfW:

Ông Bas Van Helvoort

Tổng biên tập:

Ông Lưu Minh Thành – Giám đốc Vườn Quốc gia PNKB

Biên soạn:

Lê Trọng Trãi và Tiến sĩ William V. Bleisch
Với sự đóng góp của Bas van Helvoort & Nguyễn Văn Trí Tín –
Văn phòng AHT

Bản đồ:

Mai Kỳ Vinh và Nguyễn Quang Quyết

Biên dịch

Hoàng Thị Hoa

Dự án tài trợ:

Ngân Hàng Phát triển Đức (KfW)

Danh sách các cá nhân và tổ chức tham gia hỗ trợ trong quá trình xây dựng kế hoạch

Họ và tên	Cơ quan/ Tổ chức	Vai trò/ Chức vụ
Lưu Minh Thành	Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Giám đốc
Nguyễn Văn Huyền	Phó Giám đốc Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Trưởng nhóm công tác Lập kế hoạch Quản lý Vườn (LKHQLV)
Trương Thanh Khai	Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Nguyễn Văn Hải	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Nguyễn Quang Vĩnh	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Cứu hộ, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Nguyễn Văn Lân	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Cứu hộ, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Lê Chiêu Nguyên	Trung tâm Du lịch, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Đoàn Thanh Bình	Hạt Kiểm lâm, VQG PNKB	Thành viên nhóm LKHQLV
Phan Hồng Thái	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm VQG PNKB	Nhóm LKHQLV
Tiến sĩ William V. Bleisch	Hiệp hội Khám phá và Nghiên cứu Trung Quốc (CERS)	Cố vấn kỹ thuật Lập kế hoạch Quản lý;
Lê Trọng Trãi	Tổ chức Bảo tồn Chim Quốc tế (BirdLife International)	Cố vấn Kỹ thuật Lập kế hoạch Quản lý; Tác giả xây Kế hoạch Quản lý Hoạt động cho Vườn Quốc gia PNKB
Tiến sĩ Graeme Worboys	Ủy ban Thế giới về các Khu Bảo tồn IUCN (WCPA) của Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN)	Phó chủ tịch phụ trách mảng hệ sinh vật núi. Tư vấn kỹ thuật về những yêu cầu liên quan tới Di sản Thế giới
Thạc sỹ Bas van Helvoort	Dự án Khu vực PNKB (Hợp phần KfW)	Cố vấn trưởng
Thạc sỹ Nguyễn Văn Trí Tín	Dự án Khu vực PNKB (Hợp phần KfW)	Phó Cố vấn trưởng
Arnoud Steeman	Dự án Khu vực PNKB (Hợp phần KfW)	Nguyên Cố vấn trưởng
Phạm Thị Liên Hoà	Dự án Khu vực PNKB (Hợp phần GIZ)	Cán bộ quản lý thông tin
Nguyễn Ngọc Anh	Dự án Khu vực PNKB (Hợp phần GIZ)	Điều phối viên

Đặng Đông Hà	Phó giám đốc, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Trưởng nhóm Công tác QHPTDLBV
Lê Văn Lanh	Hiệp hội Vườn Quốc gia và các Khu Bảo tồn Việt Nam	Đồng tác giả QHPTDLBV cho khu vực VQG PNKB
Dirk G. Euler	Giám đốc Dự án Chương trình Khôi phục loài Linh trưởng, Hiệp hội Động vật hoang dã Frankfurt	Cố vấn Quản lý dự án
Sladjana Miskovic	Giám đốc dự án Vườn thú Cologne	Cố vấn Quản lý dự án
Achim Munz	Nhóm Tư vấn Tài nguyên Du lịch New Zealand - TRC	Đồng tác giả QHPTDLBV cho khu vực VQG PNKB
Douglas Hainsworth	Nhóm Tư vấn Tài nguyên Du lịch New Zealand - TRC	Đồng tác giả QHPTDLBV cho khu vực VQG PNKB
Nguyễn Quốc Dụng	Viện Điều tra Quy hoạch rừng (FIPI)	Tác giả xây dựng Quy hoạch Phát triển Vùng đệm cho Khu vực VQG PNKB
Phòng Môi trường và Biến đổi Khí hậu (New South Wales)	Tác giả biên soạn bản Kế hoạch Chiến lược Khu DSTG Núi Greater Blue	Tài liệu giới thiệu sơ bộ về khu DSTG

Tất cả các ảnh cung cấp trong tài liệu (nếu không được trích dẫn nguồn) đều do ông William V. Bleisch, Tổ chức CERS chụp

Sự hỗ trợ của dự án

Kế hoạch Chiến lược quản lý giai đoạn 2013 – 2025 cho khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là kết quả đầu ra của Dự án Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng và được xây dựng như là một nhiệm vụ của tư vấn đối với Ban Quản lý Dự án thông qua hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển Đức (KfW). Dự án nhận được sự tài trợ từ Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức (BMZ).

Đây là một dự án hợp tác giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình, đại diện cho Việt Nam và Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), GTZ, và Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức (DED), đại diện cho Đức. UBND tỉnh là cơ quan điều hành và Sở Kế hoạch và Đầu tư, trực thuộc UBND Tỉnh là cơ quan Chủ dự án và thực hiện dự án. GTZ và KfW hỗ trợ dự án thông qua hợp tác về tài chính và kỹ thuật. Thỏa thuận hợp tác giữa UBND Tỉnh và GTZ được ký vào ngày 19 tháng 10 năm 2007 và một thỏa thuận khác giữa UBND tỉnh và KfW đã được ký vào ngày 23 tháng 01 năm 2008..

Mục tiêu tổng thể của dự án là góp phần bảo tồn khu vực trung tâm dãy Trường Sơn và đa dạng sinh học và các hệ sinh thái của khu vực trong mối tương quan chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững trong vùng lõi (bao gồm Phân khu Hành chính - Dịch vụ, Phân khu Phục hồi Sinh thái, Phân khu Bảo vệ Nghiêm ngặt bao gồm Khu vực mở rộng) và vùng đệm của Vườn Quốc gia. Dự án hướng tới mục tiêu giảm áp lực lên nguồn tài nguyên thiên nhiên của VQG thông qua hỗ trợ tái tổ chức các hoạt động sinh kế thay thế tạo thu nhập hợp pháp cho người dân địa phương. Dự án có thời hạn 8 năm bao gồm giai đoạn thực hiện kéo dài 6 năm và giai đoạn theo dõi kéo dài 2 năm cuối.

Dự án đã xây dựng Quy hoạch Phát triển Du lịch Bền vững cho khu vực VQG PNKB năm 2010 và đồng thời đang hỗ trợ xây dựng Quy hoạch Phát triển Vùng đệm cho vùng đệm của VQG, và Kế hoạch Quản lý Hoạt động cho VQG. Kế hoạch Chiến lược quản lý là tài liệu lập kế hoạch toàn diện định hướng phát triển mọi khía cạnh trong khu vực, kết hợp giữa các chiến lược can thiệp với chương trình thực hiện của các kế hoạch khác nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra của khu DSTG PNKB.



Di chuyển bằng dây bên trong hang Sơn Đoòng. Ảnh: Carsten Peter qua kênh truyền hình National Geographic.